Đanien Đêphô

Rôbinxơn Cruxô

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI

ĐANIEN ĐÊ PHÔ

RÔBINXƠN CRUXÔ

(In lần thứ tư)

Người dịch: HOÀNG THÁI ANH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI - 2001

Dịch theo bản Pháp văn "ROBINSON CRUSOÉ" của Nhà xuất bản "Các tác giả cổ điển" (do Bờrêvan hiệu đính)

CHƯƠNG 1

Tôi sinh năm 1632, tại thành phố Ai-ốc, trong một gia đình nề nếp, nhưng không phải là dân ở đó. Bố tôi người Bờrem đến Hơn lập nghiệp. Buôn bán phát đạt và trở nên giàu có, ông chuyển đến Ai-ốc.

Tôi là con trai thứ ba và rất được nuông chiều, chẳng phải tập làm một nghề nghiệp gì. Chỉ có ngồi rồi, đầu óc tôi sớm quay cuồng với nhiều mơ ước viển vông, táo bạo. Bố tôi đã cao tuổi lắm; chưa bao giờ ông chịu để cho tôi phải dốt nát. Ông luôn luôn cố gắng cho tôi được hưởng một sự giáo dục trọn vẹn và tốt đẹp: tự ông đã giảng giải cho tôi, lại cho tôi đến học một trường công vào loại tốt nhất ở Ai-ốc. Ông chỉ mong muốn tôi học về luật. Nhưng chí hướng tôi lại khác hẳn. Ngày đêm tôi chỉ say sưa với cái thú đi biển, đến nỗi tôi đã ngang nhiên chống lại ý muốn và ngay cả những mệnh lệnh của chính bố tôi. Tôi lại cũng bỏ ngoài tai tất cả những lời răn đe, hoặc van lơn khẩn thiết của mẹ tôi và bà con xóm giềng. Mọi người đều phàn nàn lo lắng cho

số phận của tôi và đoán trước rằng cuộc đời tôi sẽ gặp nhiều nỗi đắng cay khổ cực. Bố tôi vốn là người từng trải và nghiêm nghị. Ông thường khuyên bảo tôi nhiều điều quý báu, những mong giúp tôi từ bỏ cái ý định rồ dại mà tôi cứ bám vào dai như đỉa đói.

Một buổi sáng, ông gọi tôi vào buồng riêng - vì ông bị đau thấp khớp nên ít ra ngoài - bàn thẳng với tôi về chuyện đó. Ông hỏi tôi vì cớ gì - đúng hơn, tại sao lại điên rồ - bỗng dưng muốn rời bỏ gia đình, rời bỏ quê hương đất nước. Ở quê nhà chắc chắn tôi sẽ được giúp đỡ. Nhờ sự chuyên cần và tài cán của chính mình, tôi sẽ có nhiều hy vọng trở nên giàu có, cuộc đời sẽ êm ấm đầy hạnh phúc, ông dùng lời lẽ rất khẩn thiết và thân tình khuyên tôi không nên lao vào cái kiểu ước mơ dại dột của tuổi trẻ, tự dưng chuốc lấy những nỗi khổ cực mà thiên nhiên và hoàn cảnh gia đình đã phòng ngừa cho. Ông bảo rõ rằng tôi không cần phải đi đâu xa để kiếm ăn, ông sẽ bao cho tôi đầy đủ. Ông kết luận rằng nhiệm vụ của ông là nói hết để đề phòng cho tôi mọi sự không may do một quyết định vô ý thức có thể gây ra, sau đó, ông sẽ không chịu trách nhiệm gì nữa. Nói tóm lại, vì ông muốn làm mọi việc để gây hạnh phúc cho tôi và xây dựng cuộc đời theo ý ông, nên ông không thể vui lòng cho phép tôi ra

đi. Vì như thế chỉ là góp thêm vào tai nạn của tôi. Ông thẳng thắn tuyên bố với tôi rằng nếu cứ cứng đầu như thế thì suốt đời tôi sẽ phải suy nghĩ và hối hận đã coi thường lời khuyên bảo của ông; lúc đó, đừng có mong được ai giúp đỡ!

Quả tình tôi đã xúc động rất chân thành trước những lời lẽ chí tình và thân thiết ấy. Liệu tôi có thể cứ trơ trơ như nước đổ đầu vịt mãi không? Thật thế, tôi đã nhất quyết sẽ không nghĩ gì đến những chuyến du lịch mà chỉ kiếm cách làm ăn ở ngay đây, theo ý muốn của bố tôi. Nhưng chán thay! Ý nghĩ khôn ngoan đó khác nào gió thoảng qua và để khỏi bị bố tôi ngăn cản, tôi lại quyết định sẽ lẳng lặng ra đi, không nói cho ông biết. Tuy nhiên, tôi chưa thực hiện sớm ý định ấy. Tôi cố gắng nấn ná kìm bớt cái sôi nổi quá đáng lúc đầu. Một hôm, thấy mẹ tôi có vẻ hồ hởi hơn mọi ngày, tôi bèn kéo bà ra nói chuyện riêng. Tôi nói rằng tôi quá mê say muốn đi cho biết đó đây, đến nỗi không thể nào bắt tay vào bất cứ một việc gì mà có đủ kiên tâm làm cho trọn vẹn; đúng ra thì tự bố tôi nên cho phép tôi ra đi, hơn là để tôi bắt buộc phải trốn nhà.

Mẹ tôi bừng bừng nổi giận. Bà bảo rằng không thể nói với bố tôi về chuyện ấy được; ông đã hiểu quá rõ thế nào là lợi ích thiết thân nhất cho tôi, không đời nào ông lại ưng thuận làm một điều có

hại cho tôi sau này. Về phần bà thì bà không hiểu được tại sao tôi lại còn có thể nghĩ tới chuyện đó, sau khi cha con đã bàn bạc hết nước hết cái với nhau. Quả là tôi đã coi thường những lời khuyên bảo thân thiết và nhiệt tình của bố tôi trước sau chỉ mong tôi làm theo lẽ phải!

Phải chờ đến một năm sau tôi mới thoát ra khỏi sự ràng buộc đó. Tôi ương ngạnh bỏ ngoài tai tất cả những ý kiến khuyên tôi nên chọn lấy một nghề nào đó. Tôi lại thường phàn nàn với bố mẹ tôi rằng hai ông bà đã quá cứng rắn cản trở tôi thực hiện một điều mong muốn đã hoàn toàn chiếm lĩnh đầu óc tôi.

Một hôm, trong khi đi chơi lang thang ở Hơn - và cũng chẳng phải là lúc tôi có mơ ước bay bổng đi xa - tình cờ tôi gặp một người bạn sắp sửa đáp tàu của bố anh ta đi Luân Đôn bằng đường biển. Anh ta mời tôi cùng đi. Và để lời mời thêm hấp dẫn, anh ta dùng ngay kiểu nói của thủy thủ, có nghĩa là tôi phải trả tiền tàu. Thế là chẳng hỏi gì bố tôi, hoặc mẹ tôi, mà cũng chẳng chịu bỏ chút công báo tin cho gia đình biết, tôi phó mặc cho sự việc lôi cuốn đi, muốn ra sao thì ra. Cũng chẳng đếm xỉa đến hoàn cảnh trước mắt, đến hậu quả sau này, tôi đến ngay chiếc tàu sắp nhổ neo đi Luân Đôn. Đó là ngày 1-9-1651, ngày xấu nhất trong đời tôi.

Có lẽ không có một tay giang hồ trẻ tuổi nào bị rủi ro sớm như tôi và dai dẳng như tôi.

Chiếc tàu vừa ra khỏi con sông Hưmbơ, gió biển đã trở mát và mặt biển cồn sóng lên dữ dội. Chưa từng đi biển, chuyến này tôi vừa say sóng lại vừa kinh hồn. Thể xác và tinh thần tôi như rơi tõm vào một cơn mê hoảng khủng khiếp không tả xiết. Tôi bắt đầu suy nghĩ chín chắn về việc làm nông nổi của mình, của một đứa con lêu lổng và ương ngạnh, thế là những lời khuyên nhủ khôn ngoan của bố mẹ, những giọt nước mắt của bố tôi, những lời cầu van của mẹ tôi, tất cả đều hiện ra rõ mồn một trong tâm trí tôi. Lương tâm tôi cắn rứt và trách tôi sao lại coi thường những bài học bổ ích đến thế để đến nỗi xa rời bổn phận làm con!

Trong lúc ấy, bão chuyển mạnh thêm, biển động càng dữ dội. Thực ra thì chưa thấm vào đâu so với những lần tôi gặp sau này, và trước hết là với tình trạng mấy ngày sau, nhưng chừng đó cũng đủ cho một người lần đầu làm quen với sóng nước phải chết khiếp. Chốc chốc tôi lại ngỡ mình sẽ bị dìm sâu dưới những làn sóng bạc. Mỗi lúc chiếc tàu nhào xuống tôi lại tưởng nó chúi sâu tận đáy biển luôn, không nhô lên nữa. Trong cơn kinh hoảng, nhiều lần tôi tự hứa nếu tai qua nạn khỏi thì suốt đời sẽ không bao giờ đặt chân lên bất cứ một chiếc tàu biển nào

để khỏi lại lâm vào tai nạn như lần này; tôi sẽ trở về thẳng với bố tôi và sống ngoan ngoãn theo đúng những lời khuyên bảo của ông.

Những ý nghĩ lành mạnh và sáng suốt đó đã chiếm lấy tâm trí tôi suốt trong cơn bão và cả sau đó nữa. Ngày hôm sau, gió tạnh, biển trở lại yên lặng, tôi bắt đầu quen dần. Tôi cũng chưa được thật khoan khoái vì còn mệt do say sóng. Chiều đến, trời trong hẳn, gió lặng ngắt, hoàng hôn thật êm ả. Mặt trời lặn, không gợn chút mây và sáng hôm sau mọc lên cũng vậy. Gió nhẹ và êm, mặt biển phẳng như một tấm gương phản chiếu ánh mặt trời, tạo nên một cảnh tượng hết sức đẹp mắt.

Ngày thứ sáu trong chuyến đi, chúng tôi đến cảng Aiácmao. Bị trái gió từ sau cơn bão, chúng tôi chưa đi được mấy đành phải ghé vào đó, nghỉ lại. Gió vẫn trái, theo chiều tây nam luôn bảy tám ngày. Suốt thời gian này tàu từ Niucáttơn cũng vào cảng, chỗ hẹn chung của tất cả những ai chờ một cơn gió thuận để vào cửa sông Tamidơ.

Nhưng đến ngày thứ tám, vừa sáng sớm, gió lại nổi lên dữ dội. Tất cả trai bạn trên tàu được lệnh hạ các cột buồm xuống, sắp xếp mọi thứ thật ngăn nắp và chèn thật kỹ cho tàu gọn nhẹ hơn. Đến trưa, biển nổi sóng kinh khủng. Mũi tàu luôn chúi xuống và sóng tràn qua tàu nhiều lần. Chủ tàu tức tốc

ra lệnh thả neo cái; nhưng rồi chiếc tàu lại cũng bị đánh trôi đi, kéo lê cả neo.

Bão táp càng khủng khiếp. Ngay các thủy thủ cũng phải kinh ngạc, vẻ sợ hãi lộ ra mặt. Ông chủ tàu xưa nay nổi tiếng là người cương nghị, sống chết quyết giữ tàu đến cùng, vậy mà lúc này cũng luôn luôn thốt ra những lời tuyệt vọng. Khi ông ra vào phòng riêng hoặc đi gần tôi, tôi nghe thấy những tiếng kêu "Trời ơi. Chết mất! Chẳng còn trông mong gì nữa!". Trong tình trạng kinh hoàng mở đầu đó, tôi nằm dài trong buồng riêng ở phía lái, không động đậy, lạnh ngắt vì khiếp đảm. Tôi không thể nào nói được tâm trạng của mình lúc đó ra thế nào! Tôi hết sức xấu hổ nhớ lại tội lỗi đầu tiên của mình là đã lạnh lùng vứt bỏ một cách tàn nhẫn tất cả những lời hứa hẹn. Tôi bước ra khỏi buồng để dò xem tình hình bên ngoài. Chưa bao giờ thấy một cảnh khủng khiếp đến thế, sóng biển dồi lên cao như những trái núi ào tới ập lên chúng tôi liên hồi. Nhìn phía nào cũng chỉ thấy hoảng sợ. Hai chiếc tàu vụt qua gần chúng tôi có vẻ chở nặng, cột buồm gãy sát gốc như tiện. Một số người trên tàu chúng tôi lại la ầm lên là có một chiếc đã bị đắm cách đó khoảng một dặm biển. Hai chiếc khác, đứt neo, từ trong vịnh bị đánh tuốt ra biển cả, mất cả buồm, trôi lảo đảo trong sóng gió. Những chiếc tàu chở

nhẹ thì bị tung quật hơn. Có vài chiếc vì không bị chính sức nặng của nó ghìm lại nên chạy vùn vụt bên cạnh chúng tôi, còn độc cánh buồm chéo nơi chót mũi.

Vào quãng chiều, viên hoa tiêu và viên thuyền phó bàn với ông chủ tàu chặt cột buồm phía trước. Ông này không chịu, nhưng viên thuyền phó nói rõ cho ông hiểu rằng nếu không làm như thế, nhất định tàu sẽ đắm ngay. Cuối cùng, ông chủ tàu phải bằng lòng. Cột buồm trước vừa chặt gãy thì cột buồm sau bị gió quật đảo qua đảo lại dữ dội đến nỗi cũng phải chặt nốt, sàn tàu trống trơn từ đầu đến cuối.

Các bạn thử nghĩ xem trong tình thế đó, tâm trạng tôi như thế nào! Tôi xưa nay chưa từng đi biển, một chút xíu tai họa không đáng kể, đối với tôi cũng đã trở nên ghê gớm! Bây giờ nhớ lại những ý nghĩ hồi đó, nhớ lại những bài học rút ra được từ những tai nạn kể trên, nhớ lại sai lầm đã khiến tôi vẫn tiếp tục lao theo ý định đầu tiên quái ác của mình, tôi thấy tất cả những cái đó còn khủng khiếp hơn là khi đứng trước chính cái chết.

Những ý nghĩ ấy, dồn thêm vào sự kinh khủng tất nhiên do cơn bão gây nên, đã xô tôi vào một tình trạng hoang mang khó tả. Vậy mà chúng tôi đâu đã được thoát nạn dễ dàng! Bão táp vẫn tiếp diễn hung hãn vô cùng; ngay các thủy thủ trên tàu

cũng phải thú thật chưa bao giờ gặp một cơn bão tệ hại như thế. Chiếc tàu của chúng tôi thì chắc chắn nhưng chở quá nặng; thỉnh thoảng thủy thủ lại kêu lên là tàu sắp đắm mất rồi. Ấy thế mà cơn bão vẫn cứ vô cùng dữ dội, đến nỗi ông chủ tàu, viên thuyền phó và một số người khác đã thất vọng đến mức độ quì xuống cầu kinh, mỗi khi tưởng là tàu đắm. Đó là một hiện tượng hiếm thấy! Thế mà đã hết đâu! Vào khoảng nửa đêm, một người được cử xuống xem xét dưới hầm tàu bỗng kêu lên dưới đó có một lỗ hổng, rồi một người lại la rằng nước đã ngập tới bốn bộ. Thế là mọi người xúm lại bơm nước ra. Chỉ riêng hai tiếng "bơm nước" cũng đã khiến tôi kinh hoảng tột độ. Tôi ngã nhào xuống bất tỉnh.

Lúc ấy thì ai lo phận nấy, chẳng thèm để ý đến tôi. Có ai đó gạt phắt tôi ra một bên, nhảy vào thay tôi ở tay bơm, để mặc tôi nằm sóng xoài, yên trí là tôi đã từ giã cõi đời. Mãi một hồi lâu tôi mới tỉnh lại.

Mọi người càng ra sức bơm, nhưng nước cứ càng dâng lên cao; rõ ràng là chiếc tàu sẽ đắm. Tuy cơn bão đã có chiều dịu nhưng chiếc tàu không sao nổi trên mặt nước được, trước lúc có thể ghé vào một bến nào đó. Ông chủ tàu quyết định bắn súng đại bác cầu cứu. Một chiếc tàu khác vừa đi qua liền

thả xuồng xuống. Cũng phải vất vả vô cùng chiếc xuồng ấy mới tiến dần đến gần chúng tôi, nhưng loay xoay mãi không áp nổi được vào mạn tàu, để chúng tôi có thể xuống được! Cuối cùng, những tay chèo đã cố gắng hết mức tới liều mạng họ để cứu mạng chúng tôi. Từ sau lái, chúng tôi quăng cho họ một chiếc dây thừng có buộc phao rồi tháo dây cho nó kéo dài mãi ra theo chiếc dây phao bập bềnh trên sóng. Đằng kia, họ cũng không quản hiểm nguy mệt nhọc, tìm cách bắt được đầu sợi dây thừng. Sau đó, chúng tôi hết sức lôi họ về phía lái tàu rồi kéo nhau xuống xuồng. Tất cả mọi người đều cố gắng hết sức chèo xuồng trở về tàu kia, nhưng không được. Thế là đành phải đồng ý với nhau rằng cứ để xuồng lênh đênh như thế này trên mặt biển, đồng thời hướng cho được mũi xuồng vào phía đất liền chừng nào tốt chừng ấy. Ông chủ tàu chúng tôi lại hứa rằng nếu xuồng có bị hư hỏng vì phải lướt trên bờ cát, ông sẽ xin bồi thường xứng đáng cho ông chủ tàu kia. Cứ như thế, khi chèo khi buông xuồng trôi theo gió thuận, chúng tôi hướng dần về phía bắc, cũng gần với Uyntơctơnnớt.

Không đầy một khắc đồng hồ sau khi chúng tôi xuống xuồng, chiếc tàu bị đắm hẳn. Chỉ từ lúc đó tôi mới hiểu thế nào là một chiếc tàu bị đắm.

Chúng tôi chèo cật lực để tiến dần vào bờ được

bao nhiêu hay bấy nhiêu. Khi xuồng nhô cao trên ngọn sóng thì từ xa trên bờ mọi người đã trông thấy nó. Có rất nhiều người đổ ra chạy dọc bờ biển, sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi trước khi chúng tôi vòng qua cột đèn biển ở Uyntớctơn để tiến lại gần. Bên kia, bờ biển lõm vào phía tây, phía Cơrômơ, và như thế thì luồng gió mạnh cũng đã bị chắn bớt. Chính ở đó, mà cũng còn rất vất vả, chúng tôi sung sướng bước lên đất liền. Chúng tôi cuốc bộ về Aiácmao, được đối xử ân cần, và những người bị nạn thấy được an ủi, nghĩa là rất nhân đạo. Tòa án đã cấp cho chúng tôi mọi chứng từ tốt cần phải có, các nhà buôn cùng các ông chủ tàu thì tặng chúng tôi khá nhiều tiền bạc để có thể về tới Luân Đôn hoặc trở về Hơn, tùy ý mỗi người.

Đáng ra tôi phải khôn ngoan tìm đường về Hơn trở về nhà với gia đình. Đó là con đường tôi phải theo để được sung sướng. Chắc chắn bố tôi sẽ mổ bò ăn mừng. Nhưng thấy trong túi còn rủng rỉnh ít tiền, tôi lại đi bộ thẳng ra Luân Đôn.

CHƯƠNG 2

Tôi tới Luân Đôn. Ở đó cũng như trong khi đi đường, tôi đã phải suy nghĩ cân nhắc nhiều về tương lai, nghĩa là nên quay trở về với gia đình hay là lại cứ đi biển.

Trong một thời gian khá lâu, tôi cứ phân vân không sao quyết định dứt khoát được nên chọn con đường nào. Tôi vẫn cứ càng chán ngấy mỗi khi nghĩ đến chuyện quay trở về nhà. Ngày tháng trôi dần; dấu vết cơn khủng khiếp vừa qua cũng theo đó mờ dần trong ký ức tôi. Thảng hoặc có lúc nào đó muốn quay trở về nhà, thì ý định mờ nhạt đó cứ càng mờ thêm, cuối cùng tới mức tôi quên khuấy đi không hề nghĩ đến chút nào nữa. Tôi bắt đầu sửa soạn một chuyến đi xa mới. Thế rồi tôi đáp một chiếc tàu đi về mạn bờ biển châu Phi, theo cách nói thông thường của thủy thủ, tức là tôi đi Ghinê.

Trong tất cả những chuyến đi này, điều tai hại nhất là tôi đã không chịu xin làm một chân thủy thủ bình thường. Làm thủy thủ thì tất nhiên phải gánh vác nhiều công việc nặng nhọc, nhưng lại được

học tập nghề đi biển. Như vậy, biết đâu tôi chẳng tiến lên được địa vị hoa tiêu, hoặc thuyền phó và có khi cả thuyền trưởng nữa. Nhưng khốn thay cho tôi, về mặt này cũng như mọi mặt khác, bao giờ tôi cũng cứ vơ lấy phần hẩm hiu nhất. Nghĩ mình có tiền lại diện sang, tôi chỉ thích xuống tàu như một "ông lớn". Như vậy, tôi chẳng phải làm công việc gì mà cũng chẳng có cơ hội nào để học tập.

Vừa tới Luân Đôn, dịp đầu tiên may mắn tôi gặp ngay mấy người bạn tốt. Trước hết, tôi làm quen với một ông thuyền trưởng vẫn thường qua lại bờ biển xứ Ghinê. Ông ta đã gặp nhiều phen thuận buồm xuôi gió nên định đi tiếp một chuyến nữa. Ông ta mời tôi cùng đi và tôi không bỏ lỡ dịp may hiếm có ấy.

Tôi nhận lời mời và kết bạn thân tình với ông thuyền trưởng, một người chân thật và sòng phẳng. Tôi bèn đi chuyến ấy với ông ta. Theo lời khuyên tôi bỏ ra cầu may một món tiền là bốn chục đồng xtéclinh để mua các thứ hàng lặt vặt bằng kim khí. Có một số bà con thường vẫn thư từ qua lại thăm hỏi tôi đã giúp tôi món tiền ấy, những người này cũng có nài nỉ bố mẹ tôi bí mật gửi tiền để thỏa mãn chuyến đi đầu tiên của tôi.

Có thể nói rằng trong tất cả các chuyến đi của tôi thì chuyến này là may mắn nhất, phần lớn nhờ

ở nhiệt tình và sự giúp đỡ của ông bạn thuyền trưởng. Ngoài những món lợi về hàng hóa được chia khá nhiều, tôi còn được ông ta bày bảo cho khá đầy đủ về toán học và về nghề đi biển, biết ước lượng đúng con đường đi của một chiếc tàu và biết điều khiển buồm cho thuận hướng. Ông ta càng tận tình dạy bảo bao nhiêu thì tôi lại phấn khởi học tập bấy nhiêu; thành ra chuyến đi này đã rèn luyện tôi trở thành thủy thủ giỏi kiêm tay buôn tài. Kết quả tôi đã đưa về riêng phần mình được năm cân và chín lạng vàng vụn, giá trị ở Luân Đôn phải được ba trăm đồng xtéclinh. Món hời ấy gợi cho tôi nhiều tham vọng to lớn và từ đó đã dẫn đến thất bại hoàn toàn.

Vậy là tôi trở thành lái buôn đi Ghinê thực thụ. Nhưng rủi thay, sau khi trở về được dăm bảy hôm thì ông bạn thuyền trưởng tốt ấy bị chết. Tuy vậy tôi vẫn quyết định đi thêm một chuyến nữa. Tôi gửi bà vợ góa ông thuyền trưởng một món tiền là hai trăm đồng xtéclinh. Tôi lại ra đi, cũng trên chiếc tàu ấy, cùng với ông thuyền trưởng mới là viên hoa tiêu trong chuyến trước.

Không một chuyến đi nào khốn khổ hơn chuyến này. Nó đã gieo cho tôi những tai họa kỳ quái không ngờ. Trên đường đi đảo Canari, một buổi sáng tinh sương, bất ngờ chúng tôi bị một chiếc tàu cướp biển

người Thổ Nhĩ Kỳ ở Xalê đuổi theo như bay. Thấy rõ cơn nguy, chúng tôi vội vàng kéo hết buồm lên chạy trốn. Nhưng bọn cướp biển càng ngày càng lại gần và chỉ vài giờ đồng hồ nữa là đuổi kịp. Chúng tôi chuẩn bị chiến đấu tự vệ. Trên tàu chúng tôi có mười hai khẩu đại bác, tàu cướp biển có tới mười tám khẩu. Khoảng ba giờ chiều, tàu cướp biển đến đúng tầm, bắt đầu tấn công và đã mắc sai lầm: đáng lẽ bắn thẳng vào phía lái tàu thì chúng lại nhằm vào sườn chúng tôi. Thế là chúng tôi cũng chia luôn tám khẩu đại bác ra bắn trả. Loạt đạn đầu tiên chúng tôi buộc kẻ địch phải lùi. Chúng bắn trả lại dữ dội, bồi thêm một loạt đạn của chừng hai trăm tay súng trường. Tuy vậy, chúng tôi vẫn giữ vững, chưa ai bị thương. Bọn cướp chuẩn bị đợt tấn công mới và chúng tôi sẵn sàng đánh trả. Nhưng bọn cướp lại đánh cả từ phía bên kia. Sáu chục tên xông lên sàn tàu đánh tập hậu, dùng búa hạ ngay tất cả những cột buồm và dây rợ. Chúng tôi đón chúng bằng súng ngắn, đoản đao, tạc đạn cùng mọi vũ khí có trong tay và đã hai phen hất chúng khỏi sàn tàu. Nhưng, hình như để khỏi phải kéo dài cái giai đoạn đen tối đó của cuộc đời tôi, chiếc tàu đã tả tơi, ba người trong bọn chúng tôi bị giết, tám người bị thương. Chúng tôi đành phải bó tay hàng và bị bắt làm tù binh giải về Xalê, một cửa biển của người Moro.

Những cảnh đối xử với tôi ở đó cũng không đến nỗi kinh khủng như tôi vẫn tưởng. Riêng tôi lại không bị dẫn đi cùng với những người khác vào trong nội địa, nơi hoàng đế Morơ ngự trị. Tên tướng cướp thấy tôi còn trẻ và lanh lẹ, bèn giữ riêng lại để hầu hạ nó.

Chủ mới đưa tôi về nhà. Tôi hy vọng sẽ được đi theo hắn ra biển. Sớm muộn nhất định sẽ có ngày hắn bị một chiếc tàu chiến nào đó, Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, bắt gặp và cầm tù. Đó là dịp tốt nhất cho tôi trở lại tự do. Nhưng tôi đã thất vọng. Mỗi lần đi biển, hắn bắt tôi ở lại trông coi nhà cửa, vườn tược, lúc trở về, hắn sai tôi ra ngủ ở buồng trên tàu để canh gác.

Được hai năm, một dịp may mắn lạ lùng xảy đến khiến tôi lại có hy vọng tìm cách thoát thân. Dạo này lão chủ tôi ở nhà luôn vì thiếu tiền mộ thủy thủ. Vài ba tuần lễ một lần hắn lại đưa một chiếc thuyền lớn đi đánh cá trong vịnh. Mỗi chuyến đi, hắn đều đem theo tôi và một tên tay chân người Morơ, để chèo thuyền. Cả hai chúng tôi thường bày trò vui giải trí cho hắn. Tôi lại tỏ ra rất thành thạo nghề câu cá nên dần dần càng được hắn mến. Thỉnh thoảng hắn lại sai tôi với một người bà con thân tín của hắn tên là Itmaen và một chú nhỏ da đen là Xuri ra vịnh đánh cho hắn một mẻ cá về ăn.

Một lần đi đánh cá vào buổi sáng; trời đang trong trẻo yên tĩnh bỗng nhiên có một đám mù dày đặc bao phủ quanh thuyền; chúng tôi không trông thấy bờ nữa mặc dầu chỉ cách nửa dặm là cùng. Chúng tôi phải chèo tay, cũng không biết rõ đường đi của mình. Cứ thế suốt ngày và cả đêm, sáng hôm sau bỗng thấy mình lênh đênh giữa biển cả. Thì ra đáng lẽ vào bờ, chúng tôi lại ra xa ít nhất hai dặm biển. Cuối cùng cũng vào được bến yên ổn, mặc dầu gặp nhiều khó khăn nguy hiểm vì gió đã bắt đầu thổi mạnh và nhất là chúng tôi đã đói meo vì phải nhịn một ngày đêm.

Tai nạn bất ngờ ấy đã khiến lão chủ tôi trở nên cẩn thận hơn.

Hắn ta vẫn ra biển đánh cá luôn. Tôi đã nhiều lần tỏ ra có tài đánh cá nên lần nào cũng được đi theo hắn.

Một hôm, hắn mời mấy ông khách quí người Moro đến chơi, định cùng nhau đi đánh cá ngoài biển tiêu khiển. Hắn sai đem xuống thuyền một số lớn thực phẩm, ba khẩu súng trường với đầy đủ thuốc đạn để thỉnh thoảng bắn chim biển trong khi câu.

Tôi chuẩn bị mọi thứ chu đáo theo lệnh hắn. Hôm sau tôi chờ hắn trên thuyền, sẵn sàng đón tiếp khách quí. Nhưng tôi chỉ thấy hắn ra một mình. Hắn bảo mấy ông khách còn bận nên tạm hoãn cuộc đi biển

đến một hôm khác. Nhưng hắn vẫn sai tôi cùng với Itmaen và chú nhỏ da đen, đem thuyền ra biển như mọi lần đánh cho hắn một mẻ cá ngon để thết đãi mấy người bạn quí ăn cơm tối. Hắn căn dặn tôi đánh được cá về thì phải đem đến cho hắn ngay lập tức. Nghe xong, ý nghĩ đầu tiên của tôi là làm theo lệnh hắn.

Nhưng sự tình cờ này cũng khơi lại cho tôi ý định tìm cách thoát khỏi vòng nô lệ. Tôi coi như mình sắp có một chiếc tàu nhỏ tự mình chỉ huy. Ngay sau khi hắn quay đi, tôi bắt tay vào soạn sửa mọi việc thật chu đáo, không phải để đi đánh cá mà là chuẩn bị cho một cuộc đi xa, mặc dầu tôi chưa biết sẽ đi theo các đường nào. Tất nhiên là phải chọn con đường nào đưa tôi ra khỏi cái chốn đày ải khổ nhục này, dù đi đến đâu thì đó cũng vẫn là con đường sáng sủa hơn.

Việc trước tiên là tôi tìm gặp ngay tên bà con người Moro của lão chủ. Viện cái cớ tưởng như rất đúng là cần chuẩn bị đầy đủ cho suốt cả thời gian ra khơi, tôi bảo hắn rằng không được đụng đến bánh của lão chủ vẫn để sẵn ở đó. Hắn trả lời là tôi nói rất đúng. Hắn đi bưng về một thúng lớn đầy bánh khô để chúng tôi ăn, lại thêm bầu vò nước ngọt nữa. Tôi cũng đã biết rõ chỗ hầm chứa rượu. Trong khi tên Moro kia đương ở trên bờ, tôi bèn vào lấy luôn

một số chai rượu đem ra thuyền. Như vậy, hắn sẽ nghĩ là rượu ấy đã đem xuống từ trước để cho chủ dùng. Tôi còn vác xuống một tảng sáp nặng trên năm chục cân, một cuộn dây gai to tướng, một cái rìu và một cái búa. Tất cả những thứ đó sau này quả là được việc vô cùng, nhất là tảng sáp dùng làm nến thắp. Tôi lại cài thêm một cái bẫy nữa và tên Morơ đã sa bẫy như thế này:

Tôi bảo nó: "Này, anh Itmaen, ở đây đã có sẵn súng của ông chủ rồi! Thế thì liệu anh có thể kiếm được một ít thuốc súng và đạn ghém không? Chúng ta rất có thể kiếm riêng những con chim biển béo múp chứ. Và rõ ràng là cái đó ông ta vẫn cất khối ở trên tàu!".

- Úi dà, được, - hắn trả lời, - tôi sẽ đi lấy ngay.

Đầy đủ mọi thứ cần thiết, chúng tôi kéo thẳng buồm lên, đường hoàng ra khỏi cảng đánh cá. Bọn lính gác trên chòi canh ở cảng đều biết rõ chúng tôi nên cũng chẳng hỏi lý do chuyến đi của chúng tôi nữa. Ra được độ một dặm biển, chúng tôi hạ buồm và ngồi đánh cá. Gió thổi theo hướng bắc đông bắc, trái với ước mong của tôi. Nếu có gió nam thì thể nào tôi cũng đi được tới bờ biển Tây Ban Nha hoặc ít nhất cũng lọt được vào vịnh Ca đích. Nhưng dù là gió từ đâu tới, tôi nhất quyết phải thoát khỏi chốn tù ải, rồi sau sẽ liệu.

Chúng tôi câu mãi chẳng được con cá nào, bởi vì mỗi lúc cá cắn câu thì tôi cố ý không kéo lên. Để cho Itmaen khỏi thấy, tôi bảo hắn:

- Ở đây chẳng làm ăn gì được cả! Ông chủ không đùa đâu! Không có nhiều cá cho ông ta thì khó mà ăn nói. Phải ra xa hơn nữa mới được!

Thằng cha ngờ nghệch ấy không lường trước mưu mẹo của tôi nên nghe theo ngay. Hắn đi thẳng lại đầu mũi thuyền kéo buồm lên theo hướng gió. Tôi ngồi giữa lái điều khiển cho thuyền chạy xa thêm chừng một dặm đường nữa để tính kế thoát thân. Sau đó, tôi cho dừng thuyền lại, làm như để sửa soạn đánh cá. Đột nhiên tôi chuyển tay lái cho chú bé Xuri, bước thẳng lại gần Itmaen lúc đó đang ngồi ở đầu mũi thuyền. Tôi giả vờ cúi xuống định nhặt một vật gì đằng sau hắn ta rồi bất thình lình luồn hai cánh tay vào giữa đùi hắn hất mạnh hắn ra ngoài, rơi xuống biển. Hắn ngoi được ngay lên mặt nước, bơi giỏi như cá. Hắn gọi tôi, van tôi cho hắn lên thuyền, thề sống thề chết xin theo tôi đi khắp thế giới nếu tôi muốn. Hắn bơi theo rất nhanh cơ hồ đuổi kịp thuyền bởi lúc đó trời gần như lặng gió. Tôi không do dự, chạy ngay vào khoang thuyền lấy một khẩu súng ra ngắm thẳng vào hắn mà dọa:

- Anh bạn ơi! Anh hãy nghe tôi! Tôi không hề muốn xử tệ với anh đâu, nhưng tôi cũng không thể

giữ anh trên thuyền được. Anh có thừa sức để bơi vào bờ, mặt biển cũng êm lặng đấy. Anh hãy nhân dịp này mà bơi ngay đi và như thế là chúng ta chia tay nhau một cách thân ái. Nhưng nếu anh cứ liều mạng lại gần thuyền, tôi bắt buộc phải bắn vỡ đầu anh ra vì tôi nhất quyết phải giành cho được tự do đấy!

Nghe tôi nói thế, hắn ta không nói năng gì nữa, thong thả bơi vòng trở lại và tiến thẳng vào bờ. Quả là một con cá kình lợi hại. Tôi chắc thế nào hắn ta cũng vào tới nơi dễ dàng.

Giải quyết xong anh chàng Itmaen, tôi quay lại nghiêm giọng nói với Xuri:

- Này chú Xuri! Nếu chú đồng tình với tôi trong việc này thì chúng ta cùng đi với nhau. Nếu không thì lại bắt buộc tôi cũng phải mời chú xuống biển thôi!

Chú bé mỉm cười và nói với tôi những lời lẽ rất ngây thơ làm tiêu tan nốt chút nghi ngờ còn lại của tôi đối với chú. Chú ta hứa sẽ hết lòng với tôi và sẽ theo tôi đến cùng trời cuối đất.

Trong lúc đó, tôi vẫn rất lo ngại gặp bọn người Morơ. Sợ lại rơi vào tay họ, tôi không muốn dừng lại một tí nào, dù ghé vào bờ, hay thả neo ngoài biển. Tôi cứ giong thuyền chạy luôn không nghỉ suốt năm ngày đêm theo chiều gió thuận. Sau đó, gió lại trở chiều và chuyển qua hướng nam. Thế

là tôi có thể yên lòng: nêu có chiếc tàu nào ở Xalê đuổi theo thì bây giờ chúng cũng phải bỏ dở cuộc săn mà quay về. Tôi bèn thử liều ghé vào bờ và thả neo ở cửa một con sông nhỏ xa lạ. Hai bên bờ sông có vẻ hoang vu, không thấy một bóng người hay vật. Nhưng tôi cũng không có ý muốn gặp ai cả; lúc này tôi chỉ rất cần nước ngọt thôi. Chiều đến, chúng tôi cho thuyền vào sâu trong cái cửa sông nhỏ ấy. Tôi định chờ trời tối sẽ bơi vào bờ tìm hiểu cảnh vật trên đất liền. Nhưng đêm vừa đến, chúng tôi nghe một thứ tiếng rất kinh khủng không biết của giống thú dữ gì gầm thét gào rú trên bờ. Thằng bé sợ chết khiếp, một hai van nài tôi đừng có vội lên bờ trước khi mặt trời mọc. Tôi nghe theo và bảo nó: "Không, Xuri ạ, tôi cũng chẳng muốn lên bờ lúc này đâu!". Tôi nói thêm: "Ban ngày lên bờ cũng có thể bị nguy hiểm, nếu gặp phải những người lạ cũng rất đáng sợ!". "Vậy thì - chú bé trả lời - chúng ta cứ nổ vào họ những phát súng thật chính xác, họ sẽ bỏ chạy". Chúng tôi thả neo ngay giữa sông, suốt đêm nằm im dưới thuyền.

CHƯƠNG 3

Dù sao đi nữa, chúng tôi cũng bắt buộc phải ghé lên một chỗ nào đó để kiếm nước ngọt, vì trong thuyền gần cạn cả rồi. Nhưng biết lúc nào mới lên được và lên ở chỗ nào? Thật là khó nghĩ! Xuri bảo tôi để cho chú xách một cái vò lên bờ, chú sẽ tìm cho được nước ngọt đem về. Tôi hỏi vì sao chú lại đòi đi như thế, đáng lẽ ra thì tôi đi mà chú ở lại trên thuyền mới đúng. Câu trả lời của chú thật là chân thành và đầy tình thương mến, khiến tôi càng yêu quí chú bé vô cùng. Chú nói bập bẹ tiếng được tiếng mất nhưng thật là cảm động.

- Ồ, để tôi lên cho! Nếu có thú dữ thì chúng ăn thịt tôi, còn ông không việc gì!

Tôi bèn trả lời chú:

- Được! Được! Chú Xuri thân yêu ơi! Cả hai chúng ta cùng đi nhé!

Chúng tôi cùng lên bờ, chỉ đem theo súng và hai chiếc vò thôi.

Sau đó cũng chẳng cần nhọc công như thế để lấy

nước ngọt. Nước thủy triều dâng lên vào con sông này không đáng kể cho nên khi thủy triều xuống, chỉ cần đi vào quá cửa sông một chút là có nước ngọt rồi.

Tôi cũng đã có đi một chuyến ven bờ biển vùng này. Tôi biết rằng quần đảo Canari và quần đảo Mũi Xanh cũng không xa đây lắm. Nhưng trong tay không có lấy một đồ dùng đo vĩ độ, đầu óc lại chẳng ghi nhớ được chút gì, nên chẳng làm thế nào mà tìm cho ra được những đất ấy và dò ra được hướng điều khiển thuyền tới đó. Nếu không bị trở ngại như thế, chắc chắn tôi đã ghé vào một trong những hòn đảo ấy khá dễ dàng. Bây giờ thì tôi hy vọng cứ men theo bờ biển cho tới khi đến chỗ người Anh thường lui tới buôn bán. Chắc chắn tôi sẽ gặp được một chiếc tàu của họ thường qua lại ở đó và họ sẽ giúp đỡ chúng tôi thoát khỏi khó khăn hiện nay.

Ban ngày trời trong, nhiều lần hình như tôi đã nhìn thấy đỉnh nhọn trên hòn đảo Tênêrapphơ trong quần đảo Canari. Tôi rất muốn đánh bạo hướng ra phía biển cả, thử xem có thể đi tới đó được hay không! Đã hai lần tôi làm như thế đấy! Nhưng lần nào cũng vậy, gặp gió ngược và biển động khá nguy hiểm, tôi đành phải quay trở vào. Thế là lại men theo bờ như mấy lâu nay vậy!

Từ khi rời cửa sông, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn phải ghé sát vào bờ để lấy nước ngọt.

Sau khi giong buồm đi về phía nam được chừng mươi mười hai hôm, tôi nhận thấy trên bờ biển có người ở. Một đôi chỗ còn thấy những người đứng trên bờ nhìn thuyền chúng tôi đi qua. Họ đứng cũng gần và tôi có thể thấy đó là những người thổ dân da đen. Tôi rất muốn ghé lên bờ gặp họ, nhưng chú bé Xuri, luôn luôn có những ý hay, lại khuyên tôi nên thận trọng. Tuy vậy, tôi cũng lái thuyền cho đi gần bờ để nói chuyện với họ. Trong lúc đó thì họ cũng chạy dọc bờ biển. Tôi nhận thấy họ không cầm khí giới, trừ một người trong tay chỉ có một chiếc gậy nhỏ. Xuri bảo đó chính là một ngọn giáo vấn, có thể phóng từ xa rất trúng đích. Bởi thế, tôi phải cẩn thận giữ cự ly đúng mức và dùng dấu hiệu để nói chuyện, ngỏ ý muốn xin chút gì ăn. Họ ra hiệu bảo tôi dừng thuyền và đi lấy thức ăn đưa đến.

Tôi bèn hạ buồm rồi dừng thuyền. Ngay lúc đó, hai người trong bọn họ chạy về phía trong và không đầy nửa giờ đã quay trở ra, mang theo hai tảng thịt và một thứ hạt, có lẽ do họ trồng trọt. Chúng tôi chẳng biết là thịt gì, hạt gì nhưng cũng sẵn sàng nhận bởi vì trên thuyền đã hết nhẵn lương ăn. Lại còn phải nghĩ cách nào thuận tiện nhất để tiếp nhận,

bởi vì tôi thì không muốn lên bờ chút nào, mà về phía họ thì hình như cũng có ý ngại giáp mặt chúng tôi. Sau họ dùng một cách hợp với cả hai bên: họ đem những thứ ấy ra bày cả lên bờ rồi rút lui đứng ở xa cho tới khi chúng tôi lên lấy đem tất cả xuống thuyền. Sau đó, tôi lại xin nước uống.

Đầy đủ mọi thứ, chúng tôi lại kéo buồm lên và tiếp tục đi xuống phía nam trong chừng mười một ngày nữa. Suốt thời gian đó, không lúc nào tôi ghé vào bờ nữa.

Tôi nhận thấy rõ ràng đất liền ăn dài ra biển ngay trước mặt, cách chừng bốn hoặc năm dặm. Trời yên biển lặng lạ lùng. Tôi phải đi một đường vòng dài để tới được chỗ mũi đất rồi vòng sang phía kia và thấy mình lại ở cách bờ độ hai dặm. Phía kia cũng lại có những hòn đảo khác. Tôi nhận ra ngay, và cũng rất đúng là tôi đương đi giữa, một bên là Mũi Xanh và bên kia là những hòn đảo cũng mang tên ấy. Tuy thế tôi vẫn chưa tính ra được là nên hướng về phía nào, bởi vì nếu bất ngờ nổi lên một cơn gió, chỉ hơi to một chút cũng đủ cho tôi xôi hỏng bỏng không!

Phân vân như thế lại càng thêm mơ hồ. Tôi bèn trao tay lái cho Xuri, chui vào khoang ngồi nghỉ. Bỗng nhiên, chú bé kêu lên: "Ông chủ, ông chủ!

Tôi thấy ở kia có một chiếc tàu có buồm" và chú bé tỏ vẻ sợ hãi vô cùng đến nỗi không thể tự chủ được nữa. Chú ta rất dễ dàng tin rằng đó là chiếc tàu của lão chủ ở Xalê đuổi theo chúng tôi. Nhưng tôi thì lại rất vững dạ và biết rằng khoảng cách đã quá xa tới mức không còn phải sợ gì về phía ấy nữa. Tôi nhảy vụt ra khỏi khoang và thấy rõ ràng không những chiếc tàu mà còn nhận ra đó là tàu Bồ Đào Nha nữa. Mới đầu, tôi tưởng là tàu đi buôn ở Ghinê, nhưng sau theo dõi hướng đi, tôi thấy rõ là nó đi nơi khác và không có ý định vào gần bờ. Thấy thế, tôi căng hết buồm lên và chèo cật lực để tiến nhanh ra khơi, hy vọng lại gần được chiếc tàu lớn, may ra có thể liên lạc được với những người trên đó.

Sau khi đã dùng tất cả mọi cách có thể làm được, tôi thấy mình không thể nào đuổi kịp chiếc tàu kia. Càng ngày họ càng bỏ xa tôi trước khi tôi có thể làm một dấu hiệu nào báo cho họ biết. May thay, đúng vào lúc tôi đã dốc cạn tài năng sức lực để đẩy nhanh con thuyền chạy theo, và bắt đầu mất hết hy vọng, hình như những người trên tàu đã nhận ra chúng tôi qua kính viễn vọng. Có lẽ họ cho là một chiếc thuyền sống sót của một chiếc tàu châu Âu nào đó đã bị đắm. Họ hạ bớt buồm để tàu chạy

chậm lại cho chúng tôi theo kịp. Điều đó khiến tôi phấn khởi hẳn lên. Trên thuyền có một lá cờ nhỏ, tôi đem treo rũ ngay lên cao báo hiệu chúng tôi đương gặp nạn, và tôi bắn một phát súng. Họ đều nhận ra cả hai thứ tín hiệu ấy, sau đó họ có nói là trông thấy khói mặc dầu không nghe thấy tiếng nổ. Thứ hai là họ cuốn buồm lại và có lòng nhân đạo dừng tàu lại chờ tôi, nhờ thế chỉ ba giờ đồng hồ sau, tôi đến được với họ.

Họ dùng các thứ tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Pháp để hỏi tôi là ai, nhưng khốn thay, tôi lại chẳng hiểu được một thứ tiếng nào họ nói cả. Sau cùng, một thủy thủ người Êcốt làm trên tàu, lại nói chuyện với tôi. Tôi trả lời anh ta rằng tôi là người Anh chính tông, và mới thoát cảnh nô lệ người Morơ ở Xalê. Thế là mọi người vui vẻ mời tôi lên tàu kèm theo tất cả những thứ ở dưới thuyền và đón tiếp rất niềm nở.

Chiếc thuyền của tôi còn tốt nguyên, ông thuyền trưởng đã nhận thấy thế và ngỏ ý muốn mua lại để dùng. Ngoài ra, ông rất mến Xuri và muốn tôi nhường chú bé lại cho ông. Tôi cân nhắc mãi, sau cũng đồng ý, một phần vì chính Xuri cũng thích cuộc sống thủy thủ...

Chuyến đi này rất may mắn. Chúng tôi yên ổn

đi đến Bờrêdin. Sau chừng hai mươi hai ngày, chúng tôi ghé vào vịnh Các Thánh.

Tôi rất cảm kích về sự đối xử quá rộng rãi của ông thuyền trưởng. Trước hết, ông không hề lấy một xu nhỏ tiền tàu. Ông còn bảo trả lại cho tôi đầy đủ và nguyên vẹn tất cả những thứ gì tôi đã đem lên tàu. Ông nhận mua lại tất cả những thứ gì tôi muốn bán, như là một hòm đầy chai rượu, hai khẩu súng và tất cả chỗ sáp còn lại. Nói tóm lại, tất cả đã đem lại cho tôi ngót nghét hai trăm đồng vàng làm vốn cho tôi xuống đất Bờrêdin.

Ông thuyền trưởng lại giới thiệu tôi với một người bạn rất sòng phẳng cũng như chính ông. Ông bạn này có một trại trồng trọt và một xưởng chế biến đường.

Tôi sống cùng ông ta một thời gian, nhờ thế đã học được cách trồng mía và làm đường. Những tay chủ trại ở đây sống cũng phong lưu và làm giàu cũng dễ dàng. Thấy vậy, tôi bèn quyết định nếu không có gì trở ngại về việc giấy tờ thì sẽ sinh cơ lập nghiệp ở đây và trở thành chủ trại như kẻ khác. Tôi tính đến việc rút số tiền còn gửi lại hồi trước ở Luân Đôn và sẽ dùng nó để mở mang cơ nghiệp. Tôi có một người bạn láng giềng người Bồ Đào Nha, sinh ở Lítbôn, bố mẹ là người Anh. Tên anh ta là

Ooen. Những hoạt động kinh doanh của anh ta cũng đương nằm trong tình trạng na ná như tôi. Trại của anh ta kề ngay trại tôi và chúng tôi ăn ở với nhau rất tốt. Mỗi chúng tôi đều chỉ có một số vốn nhỏ và suốt hai năm trời trồng trọt, nói cho đúng, chỉ vừa đủ nuôi thân. Nhưng sau đó thì cũng bắt đầu khấm khá lên, đất đai đã sinh lợi rõ ràng. Năm thứ ba, chúng tôi trồng thuốc lá và mỗi người lại có một khoảnh đất rộng đã thục, sẵn sàng qua năm sau là trồng được mía. Nhưng chúng tôi vẫn thiếu người giúp việc, và hơn lúc nào hết, tôi lại tiếc chú bé Xuri.

Nhưng than ôi! Cũng chẳng có gì lạ nếu tôi lại phạm sai lầm, tôi vốn có bao giờ làm được cái gì là đúng! Tôi chẳng tìm ra cách gì chữa được cho nỗi khổ cực của tôi ngoài cách tiếp tục vùi đầu vào công việc. Tôi đã tự chuốc lấy một việc làm quá xa lạ với tài trí mình và hoàn toàn trái ngược với cuộc sống đã mang tới cho tôi bao nhiêu là lạc thú! Chính vì cuộc sống ấy mà tôi đã từ bỏ gia đình bố mẹ, và coi thường mọi lời khuyên bảo khôn ngoan. Thỉnh thoảng lòng lại nhủ lòng: "Quả là mình rất có thể làm ngay trên đất nước Anh cái việc mình đương làm ở đây, ngay bên cạnh hai thân và bè bạn, cũng như là ở đây giữa những người xa lạ và thổ dân.

Cứ như thế này thì tội gì phải vượt qua biển cả mênh mông, đi xa trên một ngàn sáu trăm dặm đường trường! Phải chăng chỉ cốt để đến cái chốn chim kêu vượn hú này mà mình đã dứt tình với những xứ sở khác trên mặt đất, dù ở đó người ta cũng đã biết đến mình đôi chút?".

Viên thuyền trưởng đã cứu tôi giữa biển cả và từ đó đã trở thành bạn thân thiết của tôi, lúc này còn ở lại đây ba tháng vừa để cho tàu ăn hàng vừa để sửa soạn mọi thứ cần thiết cho một chuyến đi mới. Một hôm, nghe tôi tâm sự về số vốn ít ỏi còn giữ lại ở Luân Đôn, ông ta đã chân thật khuyên tôi như sau: "Ông bạn người Anh ơi, ông có thể giao cho tôi một bức thư gửi cho người nào đó đương giữ tiền của ông ở Luân Đôn. Ông yêu cầu người ấy gửi tài sản của ông tới Litbôn bằng các thứ hàng hóa thích hợp với thổ dân ở đây. Tôi xin hứa sẽ đưa về cho ông đầy đủ khi tôi quay trở lại. Nhưng kể ra thì ông cũng nên nghĩ kỹ xem, mọi sự trên đời này đều tùy thuộc vào lòng người và lòng Trời. Tôi khuyên ông hãy chỉ nên rút ra một trăm đồng xtéclinh, theo như ông nói thì là một nửa số vốn đó, và cứ liều thử một chuyến đầu xem sao. Nếu mọi việc đều chót lọt, lần sau ông lại rút nốt nửa kia cũng theo cách ấy; nếu không may bị mất chuyến này, ông

vẫn còn nửa kia để dùng khi cần đến".

Tôi viết cho bà vợ góa viên thuyền trưởng trước kia một bức thư kể rất tỉ mỉ những cơn chìm nổi của tôi cùng với tất cả những lời căn dặn cần thiết để bà có thể gửi tiền cho tôi. Nhận được thư, ngoài việc gửi tiền của tôi, bà còn lấy tiền riêng gửi tặng ông thuyền trưởng Bồ Đào Nha, bạn tôi, một món quà là hai mươi nhăm đồng xtéclinh, cảm ơn ông đã có lòng nhân đạo cứu giúp tôi. Một nhà buôn ở Luân Đôn chuyển số tiền đó thành hàng hóa và gửi đến Litbôn cho ông thuyền trưởng. Ông này đã thuận buồm xuôi gió mang về Bờrêdin cho tôi đầy đủ.

Tôi sướng run lên khi được tin chuyến tàu chở hàng đã cập bến và tôi cảm thấy chuyến này mình phất to rồi. Ông thuyền trưởng lại đem hai mươi nhăm xtéclinh, món quà của bà góa gửi tặng ông, thuê cho tôi một người giúp việc, trả tiền trước sáu năm liền. Ông đưa người ấy đến cho tôi và không chịu nhận một chút gì trả lại. Đối với một sự giúp đỡ to lớn như vậy, ông chỉ xin một ít thuốc lá trồng ở ngay trại tôi.

Sau bốn năm sống ở Bờrêdin, tôi đã có của ăn của để. Tôi học tiếng địa phương và giao thiệp rộng với những bạn chủ trại khác cũng như với những

tay buôn lớn ở cảng Xăng Xanvađo gần đó. Trong khi trò chuyện, tôi vẫn kể lại cho họ nghe hai chuyến đi Ghinê của tôi. Tôi nhắc lại tỉ mỉ cách buôn bán ở đó, cách đổi lấy vàng vụn, ngà voi và nhiều vật báu khác bằng những thứ rất tầm thường như là giường nằm kiểu nhỏ, nồi niêu, bát đĩa, dao, kéo, đục, búa, gương soi và nhiều thứ lặt vặt khác nữa. Lần nào cũng thế, mọi người đều hết sức chăm chú nghe câu chuyện của tôi.

Một hôm, ba người bạn chủ trại tới tìm tôi ngỏ ý muốn làm một chuyến buôn ở Ghi nê. Họ sẽ chuẩn bị một chiếc tàu và muốn nhờ tôi cùng đi trên chuyến tàu đó với nhiệm vụ tổng quản lý để điều khiển mọi việc mua bán đổi chác. Lúc trở về, chia hàng, tôi sẽ được hưởng một phần ngang với mỗi phần của họ mà không phải bỏ vào đó một xu nhỏ vốn nào. Máu tham mới thấy hơi đồng đã mê! Thật là khó mà từ chối nổi món lợi đó. Tôi vui vẻ nhận lời với điều kiện là họ bảo đảm trông coi chu đáo cái trại của tôi trong khi tôi đi vắng. Họ sẽ được hưởng cái trại đó nếu tôi không may bị thiệt mạng ngoài biển khơi.

Sau khi tuyển mộ thủy thủ xong, hàng hóa đã bốc lên đầy đủ, mọi việc đều ổn thỏa đúng như lời giao ước giữa tôi và ba người bạn, tôi xuống tàu

để dấn thân vào một cuộc khổ ải sắp tới. Hôm ấy là ngày mồng 1 tháng 9 năm 1659, đúng là ngày tám năm trước đây ở Hơn, tôi đã bước chân xuống tàu lần đầu tiên, bất chấp những lời khuyên bảo của bố mẹ.

Chiếc tàu của chúng tôi chở được chừng một trăm hai mươi tonnô[1]. Trên tàu có sáu khẩu đại bác và mười bốn người. Chúng tôi chỉ chở độc những thứ hàng hóa để trao đổi như là đồ thủy tinh, soong, chảo, và nhất là những cái gương xinh xắn, những con dao, kéo, búa và một số vải hoa.

Chúng tôi giong buồm lên, đi dọc bờ biển hướng theo phương bắc, dự định sẽ vòng sang bờ biển châu Phi sau khi đã lên tới mười, hoặc mười một nam vĩ độ. Đó là con đường hàng hải hồi ấy người ta hay dùng. Suốt thời gian đi dọc bờ biển, trời rất tốt mặc dầu thời tiết nóng bức vô cùng. Lên tới ngang mũi đất Thánh Ôguýtxtanh, chúng tôi dần dần quay mũi ra khơi. Khi không còn trông thấy đất liền nữa, chúng tôi hướng về bắc đông bắc, vượt đường xích đạo sau mười hai ngày đi trên mặt biển. Theo những tính toán mới nhất thì chúng tôi đương ở vị trí bảy

---

[1] Tonnô: Đơn vị đo lường để tính dung tích của một chiếc tàu, ước chừng 1m^{3}440 (N.D).

độ và hai mươi phút bắc vĩ độ. Bỗng dưng một cơn dông tố nổi lên làm cho chúng tôi hoàn toàn lạc hướng. Bắt đầu ở đông nam, cơn dông chuyển thành gần như tây bắc rồi dừng lại ở đông bắc. Tới đây, nó trở nên mãnh liệt vô cùng, làm cho suốt mười hai hôm liền, chúng tôi chỉ biết trôi xuôi theo chiều cơn gió hung dữ. Suốt thời gian đó, lúc nào tôi cũng nơm nớp lo bị vùi thây dưới lớp sóng cuồn cuộn, và thật ra cũng không có ai trên tàu dám tự an ủi rằng mình sẽ thoát cơn nguy.

Cuối ngày thứ mười hai, sức gió đã giảm. Viên thuyền trưởng ước lượng vị trí chiếc tàu và nhận thấy chúng tôi đang ở vào quãng mười một bắc vĩ độ, nhưng cách xa mũi đất Thánh Ôguýtxtanh hai mươi hai tây kinh độ. Như vậy là tàu đã trôi giạt lại bờ biển ở Guyan hoặc phía bắc nước Bờrêdin, phía trên sông Amadôn, ngược về phía sông Ôrênốccơ thường gọi là "sông Lớn". Viên thuyền trưởng hỏi ý kiến tôi bây giờ nên đi đường nào.

Chiếc tàu đã bị hư hỏng trầm trọng và nước vào cũng khá nhiều nên không thể đi xa được nữa. Chúng tôi cùng nghiên cứu lại bản hải đồ châu Mỹ và quyết định đi vòng ra khơi, tiến về phía đảo Bácbátđơ trong quần đảo Caraíp để ghé lại, hy vọng có thể dễ dàng cập bến sau mười lăm ngày. Bây giờ nếu tàu không

được sửa chữa, người không được nghỉ ngơi thì khó lòng mà sang tới châu Phi được nữa.

Quyết định như thế, chúng tôi đổi đường và chuyển về bắc tây bắc. Nhưng hành trình của chúng tôi lại chấm dứt một cách khác. Đương đi ở vị trí mười hai độ mười tám phút bắc vĩ độ, chúng tôi lại vấp phải một cơn bão thứ nhì hung hãn không kém cơn bão trước. Bão cuốn chúng tôi về phía tây, xa hẳn xã hội loài người. Cơ sự này nếu có thoát nạn sóng nước thì cũng đến sa vào tay những thổ dân chứ mong gì được may mắn trở về quê nhà. Thật là tuyệt vọng!

CHƯƠNG 4

Trong cơn nguy khốn đó, gió vẫn thổi vô cùng dữ dội. Trời vừa sáng, một người trong bọn chúng tôi bỗng kêu lên: "Đất liền!". Chúng tôi ra khỏi phòng để xem đó là xứ nào và hiện đang lênh đênh ở miền nào trên quả đất thì chiếc tàu đâm sầm vào một dải cát. Tàu đứng sững ngay lại, sóng trào vào ào ạt; chúng tôi chỉ còn chờ chết nữa thôi. Chúng tôi đứng sát với nhau tựa vào thành tàu để tránh sức sóng quật mãnh liệt.

Trong những trường hợp như thế, người ta hốt hoảng đến tột bực. Chúng tôi thật mù mịt chẳng biết mình ở vào xứ nào, mà cũng chẳng biết mình bị đâm vào đất nào! Đó là một hòn đảo hay là đất liền? Có người ở hay là hoang vu? Gió vẫn thổi dữ dội mặc dầu đã có phần nhẹ hơn trước. Chúng tôi cũng chẳng còn trông mong gì ở chiếc tàu. Có thể chỉ trong chốc lát là nó bị sóng đập tan ra từng mảnh, trừ phi tự nhiên cơn bão bỗng dưng ngớt ngay đi. Chúng tôi đứng yên nhìn nhau, chờ chết, nhất là lúc này đây chúng tôi chẳng xoay xở gì được cả.

Chúng tôi chỉ còn một chút hy vọng, đó là chiếc tàu chưa bị vỡ - trái với phỏng đoán - và ông chủ tàu cho biết gió đã bắt đầu dịu dần.

Trời đã hửng, nhưng tình cảnh chúng tôi vẫn chưa bớt phần gay go; chiếc tàu bị mắc cạn và đâm quá sâu vào trong cát, chẳng còn hy vọng đưa nó ra được nữa. Bây giờ chỉ còn chờ xem sống chết ra sao mà thôi. Trước khi bão nổi lên một chút, có một chiếc tàu đi sau chúng tôi. Chiếc tàu đó va vào bánh lái tàu chúng tôi mạnh đến nỗi chính nó bị nứt ra một kẽ hở. Sau đó, nó bị rạn thêm, hoặc là chìm hẳn, hoặc trôi bạt đi đâu không rõ. Thành thử cũng chẳng có trông chờ gì ở nó nữa. Trên tàu vẫn còn một chiếc xuồng, nhưng sóng gió lay tàu mạnh quá, không sao đem xuống được. Sóng gió quật mạnh, thân tàu kêu răng rắc. Ai nấy đều cho là tàu sắp vỡ đến nơi rồi.

Trong cơn tiến thoái lưỡng nan, may sao người hoa tiêu tìm được cách lấy xuồng. Chúng tôi xúm lại giúp anh ta hạ xuồng xuống biển, ngay sát thành tàu. Tất cả anh em chúng tôi đều xuống xuồng, trao phó tính mạng cho Trời, bỏ mặc chiếc tàu cho biển cả hung dữ. Mặc dầu cơn dông đã dịu đi nhiều, sóng biển vẫn dồn lên rất cao và đập dữ dội vào bờ.

Tai nạn khủng khiếp đã đến! Biển động ghê gớm. Chiếc xuồng khó mà chịu đựng được nữa, nhất định

chúng tôi sẽ bị dìm sâu dưới sóng. Vả lại chúng tôi cũng không còn lấy một cánh buồm; mà dù có còn cũng không thể nào dùng được. Chúng tôi cố gắng chèo cật lực vào bờ, vẻ mặt người nào cũng thiểu não như đương đi đến chỗ hành tội. Ai cũng hiểu rằng hễ xuống đến gần bờ thì sẽ phải chịu đựng những đợt sóng đập dữ dội mà vỡ tan ra thành muôn ngàn mảnh. Thôi thì dầu sao đi nữa, chúng tôi cũng cứ liều, may ra sống sót cũng nên! Gió đẩy chúng tôi vào bờ, chúng tôi hết sức chèo cho xuồng đi thêm nhanh, không ngờ tai nạn khủng khiếp lại càng đến nhanh.

Chúng tôi chèo, hay nói cho đúng là trôi, được chừng một dặm rưỡi thì một làn sóng lớn như một quả núi cuồn cuộn đuổi theo. Phút chốc nó đổ xuống chúng tôi dữ dội vô cùng. Chiếc xuồng bị hất ngược, chúng tôi bắn ra khỏi xuồng, chìm nghỉm dưới vực nước, mỗi người một ngả chẳng còn kịp gọi nhau. Bị cuốn xuống sâu dưới nước, tôi hoang mang lo sợ vô cùng. Tuy là một tay bơi lội giỏi, tôi vẫn không thể nhoai người lên để thở một chút. Ngọn sóng vồ lấy tôi, cuốn vào đất liền rồi dịu đi, để tôi nằm trơ nửa nổi nửa chìm trên cát, gần chết vì ngạt thở và uống nước quá nhiều. Nhìn thấy đất liền gần mình hơn là đã dự đoán, tôi tỉnh táo lại ngay và khỏe hơn lên. Tôi vùng đứng dậy, cố sức chạy thật nhanh

vào phía bờ, trước khi một đợt sóng khác có thể ào tới và cuốn tôi trở ra. Nhưng không kịp nữa? Phía sau, biển cả hung hãn dâng lên cao và dữ dội như một kẻ địch nguy hiểm mà tôi không thể đọ sức. Tôi cố gắng nín hơi nhoai người lên trên mặt sóng để có thể thở tự do và bơi thẳng được vào. Đáng lo nhất là sau khi đưa tôi về phía đất liền, ngọn sóng lại rút lui và sẽ có thể cuốn trôi trở ra biển cả.

Đợt sóng thứ nhì này đổ ào lên đầu tôi và vùi tôi xuống dưới một cây nước cao chừng hai mươi đến ba mươi bộ. Tôi có cảm giác bị cuốn đi rất xa, rất mạnh và rất nhanh vào phía đất liền. Tôi bèn nín thở, bơi cật lực để được gần bờ thêm chút nữa. Nhưng vì cố gắng quá sức, tôi gần như bị ngạt. Vừa may tôi thấy mình như nổi dần lên, đầu và tay nhô ra khỏi mặt nước, trong người dễ chịu hẳn. Mặc dầu chỉ nhô lên được chừng hai giây đồng hồ, tôi cũng đã kịp thở và trấn tĩnh trước khi lại bị dìm sâu xuống nước. Lần này thì tôi không đến nỗi ngột ngạt quá lâu nữa. Đợt sóng vừa dịu đi và bắt đầu rút lui ra biển cả, tôi đã vùng chạy miết lên phía trước để khỏi lại bị cuốn đi lần nữa; tôi đứng im một chút, thở lấy sức và chờ cho nước rút ra hết, rồi chạy cật lực về phía bờ. Tuy vậy gian nan vẫn chưa hết, tôi còn bị vùi dưới hai đợt sóng mạnh nữa.

Sóng lại cuốn và đẩy tôi tới phía trước, đưa tôi lại gần bờ thêm.

Đợt sóng thứ nhất trong hai đợt này thật tai hại quá chừng. Nó cuốn tôi vào đất liền, ném vào một mỏm đá, mạnh đến nỗi tôi choáng váng bất tỉnh. Sườn và ngực bị đập mạnh vào đá, tôi nghẹt thở mất một lúc. Nếu sóng dồn đến tới tấp thì chắc chắn tôi đã bị chết ngạt. Nhưng tôi đã tỉnh lại trước khi đợt sóng sau xô tới. Vừa thấy sóng sắp sửa nhào đến. Tôi cắn răng bám chặt lấy một mỏm đá, nín thở cho tới khi ngọn sóng rút lui trở ra. May sao đất liền cũng đã gần, sức sóng đã giảm nên dù sóng dồn qua dồn lại trên đầu, tôi vẫn bám chặt được vào mỏm đá. Ngọn sóng vừa rút lui, tôi không bỏ lỡ dịp tốt, chạy thẳng vào được gần bờ, đợt sóng sau tuy vẫn vượt qua đầu tôi nhưng không cuốn tôi trở ra được nữa. Tôi chỉ còn phải chạy tiếp một chặng đường nữa là đến bờ. Tới nơi, tôi trèo lên một mỏm đất, ngồi bệt xuống cỏ, tránh những ngọn sóng bất lực đương hung hăng nhào tới và réo ầm ầm như chưa muốn buông thả tôi ra.

Thế là thoát nạn. Tôi cảm thấy vô cùng phấn khởi và sung sướng, chẳng khác gì được cứu sống sau một cơn ốm thập tử nhất sinh.

Tôi đi đi lại lại trên bờ biển, lòng vui dào dạt, tỏ nỗi vui sướng của mình bằng nhiều cử chỉ bây

giờ cũng không nhớ lại được nữa. Nhớ tới các bạn cùng đi trên tàu, tôi ngậm ngùi vô hạn. Có lẽ chỉ còn một mình tôi sống sót. Từ khi bị nạn, tôi chẳng còn thấy bóng dáng một ai hoặc một vết tích gì của họ, ngoài bốn cái mũ, vài chiếc giày rách bị sóng ném vào bờ.

Tôi ngoảnh lại nhìn về phía chiếc tàu mắc cạn. Mặt biển vẫn đầy những sóng bạc đương réo lên hung hãn. Chiếc tàu lại còn ở cách rất xa nên tôi chỉ có thể thấy mờ mờ bóng dáng nó. Bất giác tôi kêu lên: "Trời ơi! Sao mà mình lại có thể vào được đất liền thế này?".

Nghĩ tới hoàn cảnh may mắn của mình, tôi thấy vững dạ thêm. Tôi bắt đầu nhìn xung quanh xem mình hiện ở nơi nào, mình phải lo tới việc gì trước. Thế là tôi lại thấy ngao ngán quá, vì thực ra chưa có gì đáng mừng. Trái lại, tình cảnh tôi còn bi đát lắm: ướt lạnh không có quần áo thay, đói không có ăn, khát không có uống, đau yếu không có thuốc thang; trong tay chỉ có mỗi một con dao nhỏ để giữ mình. Như vậy hỏi còn có thể nhìn thấy gì ngoài cái cảnh mình sẽ bị chết đói hoặc làm mồi cho thú dữ?

Cách giải quyết tạm thời và tốt nhất là tôi trèo lên một cây cao trông giống như cây thông nhưng cành lá rườm rà mà thân lại có gai mọc gần đó. Tôi

quyết định ngủ trên đó cho qua một đêm, chờ xem ngày hôm sau cái chết sẽ đến như thế nào với tôi, bởi vì hiện tại tôi vẫn không thấy gì ngoài cái chết.

Tôi đi sâu vào đất liền chừng một phần tư dặm đường để tìm nước uống. Gặp một dòng nước ngọt chảy róc rách, tôi mừng rỡ cúi xuống uống lấy uống để. Sau khi uống nước thỏa thuê và nhai một nhúm thuốc lá cho quên đói, tôi trèo lên cây tìm một chỗ nằm thật chắc chắn để dẫu có ngủ mê cũng không thể rơi xuống đất được. Tôi chặt một đoạn gậy ngắn đem theo phòng thân. Vì mệt quá nên vừa tới nơi là tôi nằm vật xuống ngủ thiếp đi một giấc dài. Chính giấc ngủ này đã giúp tôi lấy lại sức khỏe. Chắc không mấy ai đã có thể ngủ một giấc ngon lành như tôi lúc ấy, trên một chỗ nằm khá cheo leo.

Sáng bạch tôi mới dậy. Trời trong xanh, bão đã tan, mặt biển không còn hung hãn như hôm qua nữa. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy thủy triều lên cao đã nâng chiếc tàu của chúng tôi lên khỏi dải cát và đưa nó giạt vào gần ghềnh đá mà hôm qua tôi đã bị mấy phen quật vật lao đao. Từ chỗ tôi ngồi đến đó chỉ chừng một dặm biển. Thấy chiếc tàu vẫn có vẻ chưa suy suyển, tôi mong có thể ra đó, may ra tìm được một vài thứ cần thiết cho cuộc sống của tôi từ nay.

Vừa tụt xuống khỏi "giường", tôi nhìn quanh một

lần nữa và thấy ngay chiếc xuồng đã bị gió và thủy triều đẩy giạt vào bờ, ở bên phải tôi, cách chừng hai dặm biển. Tôi cứ men dọc mãi theo bờ biển, định đi tới đó. Nhưng tôi gặp ngay một cái phá[1] rộng chừng nửa dặm biển chắn ngang đành quay trở về, chờ dịp khác. Vả lại mục tiêu chính của tôi hôm nay vẫn là chiếc tàu, hy vọng tìm ngay ở đó được chút gì ăn uống tạm.

Quá trưa một tí, mặt biển phẳng lặng, nước triều xuống cạn đến mức tôi có thể đi bộ ra cách con tàu còn độ một phần tư dặm biển mới phải bơi. Lòng tôi lại càng thêm chua xót ngậm ngùi. Rõ ràng là nếu chúng tôi cứ ở yên trên tàu thì chắc chắn là sẽ được bảo toàn tính mạng. Ít nhất chúng tôi cũng có thể yên ổn lên được đất liền; bản thân tôi sẽ không đến nỗi cơ cực như bây giờ, một thân một mình trơ trọi. Những ý nghĩ đó làm cho tôi ứa nước mắt. Nhưng khóc thì cũng chẳng giảm nhẹ đau khổ được mấy chút, tôi quyết định ra chỗ chiếc tàu, nếu có thể ra được.

Trời nắng gay gắt. Tôi cởi hết quần áo rồi nhảy xuống nước, bơi đi. Nhưng khi tới bên sườn tàu, tôi mới thấy khó lên quá. Bây giờ tàu nằm ghếch trên một dải cát và nhô khỏi mặt nước khá cao, ven sườn

---

[1] Phá: chỗ biển ăn sâu vào đất như một cửa sông (N.D.).

lại chẳng có gì để bấu víu mà lên được. Tôi bơi quanh tàu hai vòng và cuối cùng gặp được "cứu tinh"; đó là một đoạn thừng treo lủng lẳng ở phía trước. Tôi phải cố gắng lắm mới nắm được mẩu thừng mà trèo lên phía mũi. Tới nơi, tôi thấy chiếc tàu bị vỡ một mảnh lớn tướng, nước tràn vào ngập gần hết cả khoang hầm. Nó nằm chúi vào sườn một dải cát thoai thoải cho nên lái thì nhô lên thật cao mà mũi lại tụt xuống quá thấp, gần chìm nghỉm trong nước. Như vậy, sàn tàu nằm cao hơn mặt nước, và tất cả những thứ gì để trên đó đều còn khô ráo cả. Việc trước tiên là sục sạo khắp nơi xem cái gì đã hư hỏng, cái gì còn tốt. Trước hết, tôi mừng rỡ thấy tất cả thực phẩm trên tàu đều còn khô ráo và nguyên lành. Bụng đói meo, tôi lấy bánh khô nhét đầy túi rồi vừa ăn vừa làm những việc khác, vì tôi không thể bỏ phí một chút thì giờ nào. Tìm được trong phòng viên thuyền trưởng một ít rượu mạnh, tôi uống ngay một ngụm lớn để cho tinh thần thêm vững mà đương đầu với tất cả những khó khăn trong những ngày sắp tới.

Vừa bước ra khỏi phòng viên thuyền trưởng, tôi nghe văng vẳng có tiếng rên ư ử. Tôi kinh ngạc, nửa sợ nửa mừng. Ai đó? Các bạn đồng hành đều cùng xuống xuồng với tôi và đều đã bỏ mình dưới biển cả rồi! Tôi lắng nghe và đoán ra những tiếng

đó phát ra từ khoang hầm. Quả nhiên xuống tới đó thì nghe thấy rõ hơn. Tôi cảm động mở tung cửa hầm để giải thoát cho người bạn khốn khổ. Một cái bóng vụt ra, nhảy bổ vào tôi. Đó là con chó trên tàu. Tội nghiệp, nó bị mệt lả và đói mèm nên chỉ sủa được vài tiếng yếu ớt. Nó quấn quít lấy tôi như gặp chủ cũ.Tôi quăng cho nó miếng bánh đương ăn dở và ngồi xuống vuốt ve nó: "Thôi, mày lên đảo với tao cho có bầu có bạn!".

Nhưng nhiều việc cấp bách không cho phép tôi ngồi với nó lâu hơn nữa. Tôi ném cho nó thêm mấy miếng bánh khô rồi quay trở lại với công việc của mình.

Tôi không thể cứ ngồi khoanh tay mặc thời gian trôi đi mà mơ ước viển vông. Nhu cầu cấp bách đã đốc thúc và khuyến khích tôi phải cố gắng bắt tay vào việc ngay. Trên tàu có rất nhiều trục buồm, vài ba cột buồm dự trữ và mấy phiến gỗ lớn. Tôi bèn lấy ngay mấy thứ đó, vốn cũng không lấy gì làm nặng quá, đẩy xuống nước buộc chặt vào một sợi dây thừng để chúng khỏi trôi đi. Xong xuôi tôi tụt xuống theo sườn tàu, kéo những cây gỗ ấy lại, buộc bốn khúc dài nhất vào nhau thật chặt, thành hình một chiếc bè. Tôi đặt ngang trên đó mấy mảnh ván ngắn để có thể đi lại được. Nhưng bè còn nhẹ quá chưa thể chở nặng. Tôi lại trèo lên tàu cưa thêm

một cái trục lớn thành ba đoạn, rồi nhọc nhằn lắm mới đem buộc được vào cho bè nặng thêm. Cứ nghĩ rằng mình sẽ có thể thu thập được nhiều vật dụng cần thiết, tôi lại càng hăng hái và làm được những việc vượt sức tôi rất nhiều. Chẳng mấy chốc tôi đã có một chiếc bè tạm đủ sức chở một chuyến khá nặng. Bây giờ chỉ còn chọn xem phải chở gì và làm thế nào để đồ đạc khỏi bị ướt. Nhưng tôi cũng chẳng phải suy tính lâu! Trước hết, tôi ném xuống bè tất cả những tấm ván đã tìm thấy trên tàu. Tiếp đến, sau một phút đắn đo, cân nhắc xem cái gì cần thiết trước, tôi lấy ngay ba chiếc hòm rỗng lớn buộc dây ròng xuống. Tôi xếp đầy thức ăn vào cái hòm lớn nhất, bánh mì, gạo, ba bánh pho mát Hà Lan, năm súc thịt dê khô và một ít lúa mì vẫn dùng để nuôi gà trên tàu, nhưng gà đã bị thịt dần hết từ lâu rồi. Tôi cũng tìm được một ít lúa mạch các loại trộn lẫn với nhau nhưng tiếc thay chuột đã ăn hoặc nhằn mất cả lõi, chỉ còn lại trấu. Tôi đành chỉ lấy về tất cả những thứ gì hiện nay tôi không thể thiếu, trong đó phải có một số đồ dùng để làm việc khi lên đất liền. Sau khi tìm kiếm rất lâu, tôi vớ ngay được cái hòm đựng đồ nghề của bác thợ mộc. Quả là một kho tàng quí báu, hơn hẳn một chiếc tàu chở đầy vàng. Tôi ròng ngay cái hòm ấy xuống bè, cũng chẳng cần kiểm lại nữa vì tôi đã biết đại khái trong đó

có những gì rồi.

Sau những dụng cụ quí giá ấy, tôi sục tìm ngay khí giới và đạn dược. Trong buồng viên thuyền trưởng có hai khẩu súng trường rất tốt và một cặp súng ngắn; tôi cho ngay mấy cây súng xuống bè cùng với hai túi thuốc súng, một bao đạn ghém và hai thanh gươm cũ đã gỉ. Tôi biết trên tàu còn có ba thùng thuốc súng nữa, nhưng không rõ người pháo thủ xếp vào đâu. Nhưng rồi tôi cũng moi ra được sau khi sục sạo không thiếu một ngóc ngách nào. Đáng tiếc là một thùng đã bị ngấm nước; còn hai thùng kia vẫn khô ráo và đang tốt; tôi đem luôn lên bè cùng với súng đạn. Như vậy, tạm thời tôi cũng đã có đủ mọi thứ cần thiết; bây giờ chỉ còn lo đưa chiếc bè yên ổn vào cho tới bờ. Bè không buồm, không bơi chèo, không tay lái; một cơn gió bất chợt đến cũng đủ đánh chìm tất cả chuyến tài sản mới của tôi; thật đáng ngại.

Bè đi được một quãng thì tôi nghe tiếng chó sủa trên tàu. Thì ra tôi đã bỏ quên con vật đáng thương ấy. Trong khi tôi bận túi bụi vào những công việc kể trên thì nó sục sạo khắp hầm tàu để tìm chuột cho nên lúc tôi xuống bè thì không thấy nó. Tôi giơ tay vẫy. Nó nhảy từ trên tàu xuống biển, bơi vào bờ và tới nơi trước cả bè. Lúc bè cập bến, tôi đã thấy nó ngồi chồm chỗm trên bờ để đón.

Bè trôi yên ổn đã được chừng một dặm biển, nhưng tôi thấy nó cứ dần dần xuôi giạt xa quá phía đất liền tôi lên hôm trước. Tôi nghi đâu đây có một dòng nước và hy vọng tìm được một cái vịnh hoặc một cửa sông có thể làm bến để dỡ đồ đạc xuống dễ dàng.

Bè đương trôi vào một cửa sông nhỏ thì vấp phải một dải cát ngầm, bị kênh lên, các đồ vật tí nữa đổ nhào về phía sau mà rơi xuống nước. Tôi vội nhảy xuống, giữ chặt lấy mấy cái hòm, nâng lên, nhưng không đủ sức kéo bè trở lui được. Tôi đành cứ đứng giữ như thế, trên nắng dưới nước, chừng nửa tiếng đồng hồ. Nước triều lên và nâng dần chiếc bè lên theo. Chờ cho chiếc bè lại nằm ngang trên mặt nước tôi mới dám bỏ tay ra. Bè nổi dần lên, trôi trên dải cát; tôi dùng sào chống dần cho nó đi sâu vào hẳn bờ.

Tôi nhắm một cái vũng nhỏ bên bờ sông phía tay phải để đưa bè vào. Bờ đá dốc, tí nữa bè lại bị lật. Tôi phải chờ cho nước thủy triều dâng lên thật cao, tràn qua bờ, mà chống bè theo lên. Tới nơi, tôi làm vội một cái neo tạm thời để giữ cho bè nằm nổi trên một bãi đất bằng phẳng. Nước triều rút, bè từ từ hạ xuống, nằm yên ổn trên đất với đủ mọi thứ tôi đã chở về.

Mọi việc xong xuôi, tôi bèn đi thăm dò khoảng đất, đồng thời cũng tìm một chỗ thuận lợi để ở và

để cất đặt mọi thứ đồ dùng cho cẩn thận khỏi mất mát, hư hỏng. Tôi cũng chưa phân biệt rõ đây là đất liền hay chỉ là một hòn đảo, có người ở hoặc hoang vu, có thú dữ hay không? Cách chỗ tôi chừng một dặm biển có một quả núi rất cao và lởm chởm, nổi bật hẳn lên trước một dãy núi khác ở phía bắc. Tôi mang một khẩu súng trường và một khẩu súng ngắn, kèm thêm một túi thuốc súng và một bao đạn ghém, rồi lên đường trèo lên đỉnh núi cao để khám phá vùng đất đó. Sau bao nhiêu nhọc nhằn mới lên tới nơi, tôi càng đau xót cho số phận mình. Tôi thấy rõ ràng hiện nay mình đang bơ vơ trên một hòn đảo trơ trọi giữa biển cả mênh mông, không còn mảnh đất nào khác mấy mỏm đá ở xa tít mù khơi. Cách đảo lớn này chừng ba dặm đường về phía tây chỉ có hai hòn đảo khác nhỏ hơn nhiều.

Tôi bị cầm tù trong một hòn đảo thật hoang vu. Tôi có thể tin chắc rằng ở đây không có dân cư mà chỉ có thú dữ. Nhưng tôi cũng chưa thấy bóng con thú dữ nào. Tôi chỉ gặp rất nhiều giống chim lạ mà cũng chẳng biết giết chúng để làm gì? Lúc trở về, tôi bắn rơi một con chim rất to đang đậu trên một cây cao ở ngay bìa khu rừng lớn. Có lẽ đó là phát súng đầu tiên ở đây từ khi khai thiên lập địa. Tiếng nổ chưa dứt, từ khắp nơi đã bay ra tới tấp hằng hà sa số các loại chim đủ các giống, ầm ầm ào ào

không biết bao nhiêu tiếng kêu, tiếng chí chóe, đủ giọng đủ kiểu đến lạ. Con chim bị bắn có lẽ là một loại diều hâu, màu lông và mỏ thì giống, nhưng cựa và móng thì lại khác, thịt thì hăng hắc khó chịu, chẳng được tích sự gì.

Thôi thì biết thêm được tí nào hay tí ấy! Tôi trở về chiếc bè và bắt tay vào việc dỡ đồ đạc. Tôi mê mải vào công việc đến nỗi đêm đến lúc nào không hay, thành thử chưa kịp nghĩ đến thu xếp nơi ăn chốn ngủ, dù là tạm thời. Tôi không dám nằm liều xuống đất mà ngủ, chỉ sợ bất ngờ có thú dữ tới vồ, mặc dầu cũng chưa có gì tỏ ra đáng ngại về mặt đó.

Tuy vậy, tôi cũng xếp tạm một bức rào bằng những hòm và ván lấy ở tàu về; rồi dựng tạm một chiếc lều nho nhỏ bên trong để ngủ cho qua tối hôm đó. Tôi cũng chưa nghĩ cách sẽ kiếm ăn thế nào trên hòn đảo hoang vu này trừ vài ba con thú giống như thỏ rừng chạy ra lúc tôi bắn con chim.

Tôi lót vội cho con chó một cái ổ ngay bên cạnh; như vậy tôi thấy vững dạ hơn. Thỉnh thoảng nó rên ư ử như đương nằm mơ thấy lại những cảnh hãi hùng vừa qua. Vào quãng nửa đêm nó vùng dậy sủa lên mấy tiếng; tôi cầm súng đứng dậy nhìn ra ngoài nhưng không thấy động tĩnh gì lại nằm xuống ngủ đến sáng.

Tôi ước tính còn có thể lấy ở chiếc tàu về được nhiều thứ rất cần thiết, đặc biệt là dây chão, vải buồm. Tôi lại tìm cách trở ra tàu. Tôi biết chỉ một cơn bão nữa nổi lên là đủ phá vỡ tan tàu ra ngay, nên tôi hoãn tất cả mọi công việc khác để đi vài chuyến nữa. Tôi để chiếc bè cũ ở nhà; ra tàu tôi sẽ lấy ván đóng một cái khác vững vàng hơn. Tôi bèn chờ nước thủy triều xuống để đi ra như lần trước. Nhưng lần này tôi cởi hết quần áo ngay từ trong lều, chỉ mặc áo lót rách, quần đùi và mang dép nhẹ.

CHƯƠNG 5

Tới nơi, tôi đóng ngay chiếc bè. Kinh nghiệm lần trước giúp tôi khéo tay hơn. Chiếc bè này không cồng kềnh như chiếc trước mà cũng không phải chở nặng quá. Tuy nhiên tôi vẫn mang về được rất nhiều thứ có ích. Tôi tìm thấy trong kho đồ mộc mấy túi đinh và sắt nhọn, một cái khoan lớn, có đến hơn chục cái búa, rìu và một hòn đá mài. Tôi để riêng ra cùng với mấy thứ khác của người pháo thủ, như vài thanh sắt, hai thùng đạn, bảy khẩu súng và thêm vào đó một khẩu súng săn, một ít thuốc súng, một túi lớn đựng đầy đạn ghém cỡ nhỏ.

Mấy thùng thuốc súng sao mà đồ sộ và nặng thế! Tôi phải đục thùng lấy thuốc súng ra dần dần, chia thành nhiều gói đem bỏ lên bè. Công việc ấy cũng làm tôi mất thêm một số thì giờ.

Vào đến đất liền với ngổn ngang trăm thứ như thế, tôi dựng ngay một cái lều nhỏ bằng tấm vải buồm lấy ở tàu về và những cọc nhọn đã chuẩn bị sẵn sàng. Tôi mang vào trong lều tất cả những thứ có thể bị hỏng vì mưa nắng ngoài trời. Sau đó, tôi

xếp những hòm và thùng rỗng, cái này chồng lên cái kia, thành một bức lũy vây quanh chiếc lều để bảo vệ tài sản của tôi, chống những cuộc tấn công của bất cứ kẻ địch nào. Tôi lại dựng mấy tấm ván phía trong và một cái hòm rỗng bên ngoài để chặn lối ra vào. Sau khi luồn hai khẩu súng ngắn xuống dưới gối và đặt khẩu súng săn bên cạnh mình, hôm ấy là buổi đầu tiên tôi được đặt mình xuống giường, đánh một giấc hết sức ngon lành cho tới khi trời sáng rõ.

Tối hôm qua tôi đã bị mệt và nhọc đến mức không ngủ được mấy chút, rồi cả ngày hôm nay lại làm việc không nghỉ, suốt ngày ra tàu lấy các thứ về rồi lại chuyển lên bờ đưa về lều.

Kho chứa đồ của tôi có thể coi là một tài sản lớn nhất riêng cho một con người. Tuy nhiên tôi vẫn chưa thỏa mãn. Chiếc tàu còn đứng vững ngoài kia thì tôi còn phải ra mà lấy cho kỳ hết tất cả những gì có thể đem về được. Ngày nào tôi cũng ra tàu vào lúc nước triều rút, hôm lấy về thứ này, hôm đem về thứ kia, đặc biệt trong chuyến đi thứ ba, tôi lấy về tất cả những đồ dùng đi biển: dây chão loại nhỏ, sợi gai bện thừng, một tấm vải thô và cả cái thùng thuốc súng bị thấm nước. Cái gì có thể lấy về được là tôi không từ. Tôi không quên tất cả những lá buồm các cỡ, từ cái to nhất đến cái nhỏ

nhất, trong hoàn cảnh này, nếu không dùng làm buồm thì cũng dùng làm vải thô. Tôi cắt thành từng mảnh đem dần về.

Sau năm, sáu chuyến đi như thế, tưởng rằng trên tàu chẳng còn gì đáng giá nữa, đột nhiên tôi vớ được một thùng lớn đầy bánh khô, ba thùng rượu mạnh, một hộp đường đen và chừng một thùng bột mì rất mịn. Cả chừng ấy thứ vẫn tốt nguyên, chưa bị nước mặn làm hỏng. Thật là thích thú quá chừng! Tôi vội vàng lấy hết bánh khô trong thùng ra đem gói vào trong những miếng vải buồm đã cắt sẵn, rồi bỏ lên bè chở vào bờ. Chuyến này cũng yên ổn và rôm rả không kém những chuyến trước.

Ngày hôm sau, tôi lại đi một chuyến nữa. Những chuyến trước, tôi đã lấy tất cả những gì có thể mang đi được một cách tương đối nhẹ nhàng. Lần này tôi nhằm vào những dây chão lớn. Tôi bắt đầu chặt những dây lớn nhất thành từng đoạn vừa sức tôi kéo đi, rồi chất hai dây chão, một dây tam cố[1] và đồ sắt, linh tinh thành một đống. Tôi lại cưa hai cái trục buồm lớn ra đem kết thành một cái bè lớn, chuyển tất cả cái đống nặng nề đó lên rồi chèo đi. Nhưng bản thân chiếc bè đã nặng quá lại chở quá sức, cho nên khi tới cái vũng hôm trước, tôi không

---

[1] Dây thừng bện ba, bốn tạo lại với nhau, to và chắc (N.D.).

điều khiển nổi bè nữa. Thế là bè bị lật, hất tôi và tất cả đồ đạc xuống nước. Tuy chính mình không bị tai nạn gì vì bè đã gần vào tới bờ, nhưng chuyến này tôi bị thiệt hại khá nhiều, nhất là các đồ sắt định dùng vào một số việc cần thiết. Cũng may nước triều xuống cạn, tôi vớt được lên bờ hầu hết những đoạn dây chão và một ít đồ sắt. Tôi cứ phải lặn xuống ngoi lên mãi nên mệt nhoài. Từ hôm đó, tôi vẫn tiếp tục mỗi ngày một chuyến ra tàu để lấy tất cả những gì có thể chở về được.

Tôi đã lên đất được mười ba ngày và ra tàu được mười một chuyến. Tôi đã lấy về tất cả những thứ mà sức một con người đơn độc có thể lấy và đem đi được. Tôi tin chắc rằng nếu trời cứ tốt, mặt biển cứ lặng, tôi sẽ lấy về được tất cả chiếc tàu, từng mảnh từng phần một. Tôi trở ra chuyến thứ mười hai, nhưng biển bắt đầu động nên không đóng bè chở thêm được. Bất ngờ tôi lục trong ngăn kéo viên thuyền trưởng được một số tiền vàng đủ các loại, mươi chiếc dao cạo và một tá dao ăn. Tôi định bỏ số tiền lại vì bây giờ nó vô dụng quá chừng, nhưng sau tôi cũng đem gói lại cùng với dao vào một miếng vải buồm. Tôi ôm lấy cái gói, nhảy xuống biển, bơi vào bờ trước khi mặt biển nổi sóng lớn.

Tôi cũng không ngạc nhiên lâu. Một ý nghĩ chợt

đến đã an ủi tôi: may mà mình không bỏ phí một chút thì giờ nào, không ngại khó khăn, không sợ mệt nhọc, đã lấy được hết mọi thứ cần thiết dù ít dù nhiều. Bây giờ nếu có còn chút thì giờ nào nữa cũng chẳng còn gì đáng kể mà lấy.

Từ nay tôi phải lo tìm cách ổn định cuộc sống, đề phòng kẻ hung dữ, giả thử có trên đảo này bất chợt đến, như người hoặc thú rừng. Tôi cân nhắc mãi những kinh nghiệm làm nhà và các kiểu nhà, không biết bây giờ nên đào một cái hang sâu hay dựng một túp lều. Cuối cùng tôi quyết định làm cả hai thứ. Tôi cũng muốn giới thiệu với các bạn toàn bộ "dinh cơ" của tôi vì chắc cũng có nhiều điều đáng được các bạn chú ý.

Trước hết, tôi nhận thấy chỗ ở tạm của tôi bây giờ không thích hợp để làm nhà vì vừa thấp vừa lầy lội, lại chẳng gần nguồn nước ngọt nào. Tôi bèn đi tìm một chỗ tốt hơn.

Trong hoàn cảnh này, tôi thấy cần phải kết hợp cho được nhiều mặt thuận lợi. Trước hết, cần có đủ điều kiện để bảo đảm sức khỏe tốt, gần nước ngọt, tránh được ánh nắng gay gắt ở xứ này. Mặt khác, những điều kiện để tự bảo vệ chống những cuộc tấn công bất ngờ của kẻ thù cũng không thể thiếu. Sau nữa, tôi lại muốn có thể nhìn được ra ngoài

biển cả để nếu thấy chiếc tàu nào qua lại sẽ tìm hết cách thoát khỏi đảo vắng. Hi vọng này tuy mỏng manh nhưng tôi vẫn quyết tâm bám chặt lấy.

Tôi tìm được một miếng đất bằng phẳng, nằm sát chân một ngọn núi cao. Sườn núi phía này thẳng đứng như tường, không dễ gì đi từ trên cao mà xuống đến chỗ tôi ở được. Bên dưới có một chỗ lõm vào giống như một cửa hang. Nhưng bên trong chẳng có hang động, hoặc đường hẻm. Tôi dựng nhà trên nền đất ngay trước chỗ lõm ấy. Một khoảng đất rộng chừng năm mươi sải và dài gấp đôi, trải ra trước mặt như một tấm thảm xanh, ba bề dốc thoai thoải về phía bờ biển. Làm nhà ở đó tức là phía bắc tây bắc ngọn núi, hàng ngày tôi có thể tránh nắng cho đến lúc mặt trời sắp lặn.

Trước khi dựng lều, tôi vạch một đường vòng cung, bán kính từ chỗ đất lõm thẳng ra chừng mười sải còn đường kính chạy theo chân núi thì dài hai mươi sải. Theo đường vòng cung, tôi trồng hai dãy cọc gỗ thật chắc chắn, chôn sâu xuống đất rất vững, cao hơn mặt đất chừng năm bộ rưỡi và đẽo nhọn ở trên. Hai lớp rào trong ngoài cách nhau chỉ chừng sáu tấc bộ. Xong xuôi, tôi lấy những đoạn dây chão đã cắt sẵn đem đan lại thật sít nhau, vào giữa những cọc hàng rào, từ chân lên đến ngọn. Tôi lại đóng

thêm những cọc gỗ khác cao chừng hai bộ rưỡi, áp chặt vào những cọc trước, để đỡ phía trong. Công trình ấy vững chãi đến mức không thể có người, hoặc con vật nào phá vỡ hay vượt qua được. Tôi đã dồn vào đó biết bao nhiêu công sức, nhất là để cưa xẻ những cọc gỗ rồi kéo từ bến vào, dựng lên mà chôn sâu xuống.

Tôi không làm cổng, nhưng lại làm một cái thang nhỏ để trèo qua rào, rồi kéo luôn thang vào bên trong. Như thế, chắc chắn tôi được bảo vệ rất cẩn mật để chống với mọi kẻ địch và từ ngày đó tôi mới được ăn ngon ngủ yên. Nhưng kể cũng là thừa, vì suốt một thời gian dài về sau, thực tế chẳng thấy có kẻ thù nào đáng kể.

Chính trong cái chỗ trú ẩn đó, hoặc gọi là cái pháo đài cũng được, tôi đã chuyển vào tất cả lương thực, khí giới, nói tóm lại, tất cả tài sản của tôi. Bên trong, tôi dựng một chiếc lều lớn có hai lớp mái để chống những trận mưa như trút và dai dẳng ở miền này. Trước hết, tôi dựng một túp lều trung bình, rồi làm một cái khác lớn hơn trùm lên, sau đó lại căng thêm một lớp vải nhựa đem từ tàu về.

Từ đó, một thời gian rất lâu, tôi không ngủ trên cái giường đem ở tàu lên nữa. Sẵn có chiếc võng rất êm của người hoa tiêu trước kia thường dùng

trên tàu, tôi đem mắc trong lều để ngủ, vì tôi thích ngủ võng hơn. Tôi lại cất vào trong lều tất cả những loại thức ăn có thể bị mưa làm hỏng.

Sau khi đã chuyển hết mọi thứ vào bên trong, tôi bịt kín hàng rào lại. Từ đó, tôi chỉ dùng cái thang để ra vào như trên kia đã nói.

Công việc ấy xong xuôi, tôi bắt đầu đào sâu vào trong núi. Đào được bao nhiêu đất, tôi đều chuyển qua lều đem ra đổ vào chân hàng rào, dần dần thành một sân đất nện, cao hơn bên ngoài đến một bộ rưỡi. Chẳng bao lâu tôi đã đào xong một cái hang, vừa dùng làm chái, vừa dùng làm hầm chứa đồ, ngay sau lều.

Tôi đã phải tốn rất nhiều tâm sức mới hoàn thành toàn bộ những công trình đó. Ấy thế mà dạo ấy lại còn một số việc bất ngờ xảy đến làm cho tôi phải lo lắng thêm nữa. Một hôm, trong thời gian đầu, tôi đương suy nghĩ về cách dựng lều và đào hầm, một đám mây đen và dày kéo đến rồi một cơn bão nổi lên. Bỗng nhiên, một tia chớp vụt sáng lòe và tiếp đó một tiếng sét nổ dữ dội. Sét nổ sau chớp là lẽ tất nhiên, cho nên tôi không sợ hãi gì. Nhưng một ý nghĩ vụt nảy ra cũng nhanh như chớp: "Không biết thuốc súng của mình ra sao rồi đây! Không còn thuốc súng thì mình kiếm ăn thế nào được!".

Tôi lo ngại quá chừng, chỉ sợ kho thuốc súng có thể bị sét đánh nổ tung lúc nào không biết.

Ý nghĩ đó day dứt tôi đến nỗi vừa dứt cơn bão, tôi vội tạm ngừng ngay tất cả công việc dựng hàng rào và lặt vặt khác để lo cất giấu thuốc súng. Tôi gấp rút làm những cái bao và những cái hộp để bỏ thuốc súng, chia thành nhiều gói cất ở nhiều nơi không cho bắt lửa, lỡ khi có một gói bị cháy. Như vậy muôn một có xảy ra chuyện gì thì tôi không bị mất tất cả thuốc súng. Tôi đã mất đến nửa tháng trời để hoàn thành công việc đó và tôi ước tính số một trăm rưỡi cân thuốc súng của mình đã chia thành chừng một trăm gói nhỏ. Riêng cái thùng thuốc súng đã bị ướt thì không có gì đáng lo ngại nữa, nên tôi đem cất vào trong cái hang mới đào, cao hứng tôi gọi là nhà bếp. Tôi giấu những gói kia vào những hốc đá thật khô ráo, và tất nhiên tôi hết sức chú ý để khỏi quên.

Mặc dầu bận bịu như thế, không ngày nào tôi không đi dạo bên ngoài ít nhất là một lần, hoặc để giải trí hoặc để săn bắn kiếm thịt tươi, hoặc cũng để biết thêm dần cảnh vật trên đảo. Mỗi lần đi ra, tôi đều đem theo con chó. Nó chạy quanh quẩn bên tôi, sục vào bụi đuổi chim hoặc thú ra cho tôi bắn. Lúc tôi ngồi nghỉ, nó nằm im bên cạnh, thỉnh thoảng

ngước mắt nhìn tôi rất âu yếm. Có nó, tôi cảm thấy bớt được một phần cô quạnh.

Trong buổi đi dạo đầu tiên, gặp mấy con dê đực, tôi thích thú vô cùng. Nhưng rồi thích thú ấy cũng giảm bớt đi sau khi tôi thấy giống dê ở đây là một loại dê rừng, tinh khôn và chạy rất nhanh, khó lòng lại gần được chúng! Tuy thế tôi cũng không nản lòng; tôi tin thể nào thỉnh thoảng cũng bắn được một vài con. Quả nhiên về sau tôi đã bắn được chúng. Chú ý nghiên cứu theo dõi lối đi đường về của bầy dê, tôi nhận thấy mỗi khi tôi ở trong cánh đồng cỏ mà chúng ở trên núi thì chúng tỏ vẻ hoảng sợ, bỏ chạy trốn nhanh như biến. Nhưng khi chúng xuống gặm cỏ trong cánh đồng mà tôi đứng trên núi thì hình như chúng lại không để ý gì đến tôi. Tôi kết luận rằng có thể do một sự cấu tạo đặc biệt, mắt chúng luôn luôn nhìn xuống nên không thể thấy được dễ dàng những vật đứng cao quá tầm mắt. Từ đó về sau, hễ muốn săn dê, tôi lại leo lên núi để đứng cao hơn, và như thế thì muốn bắn bao nhiêu cũng được. Ngay phát súng đầu tiên, tôi hạ được một con dê cái còn nuôi con, thành ra cũng không được hài lòng. Khi dê mẹ ngã xuống, dê con cứ đứng bên mẹ; lúc tôi vác con dê mẹ lên vai đưa đi thì dê con cứ theo tôi mà về tới hàng rào. Tôi đặt con dê

mẹ xuống, bế con dê con lên, trèo qua hàng rào, đưa nó vào bên trong, hy vọng có thể nuôi được nó. Nhưng nó không chịu ăn uống gì cả, nên buộc lòng tôi phải giết thịt nó vậy. Bữa đó tôi chẳng thấy ngon miệng chút nào.

Cái nguồn thịt tươi ấy cung cấp thức ăn cho tôi trong một thời gian khá lâu. Tôi ăn uống rất dè xẻn, hết sức tiết kiệm lương thực, nhất là bánh khô, được chừng nào tốt chừng ấy.

Tôi đã có nhà cửa hẳn hoi. Bây giờ cần phải thu dọn một góc để chất củi đốt. Nhưng tất cả những việc đó, từ cách thức mở rộng hang, đến những thứ thêm thắt dần vào cho cuộc sống được thoải mái và có nhiều thuận lợi hơn, sau này tôi sẽ có dịp nói nhiều đến. Bây giờ tôi muốn nói lên những điểm thuộc về con người của tôi, những ý nghĩ thay đổi trong đầu óc tôi trước một cuộc sống lạ lùng ít ai có thể tưởng tượng được.

Thực tế hiện ra trước mắt tôi thật là khủng khiếp: sau một cơn bão dữ dội trên một chiếc tàu bị trôi giạt, tôi bị ném vào hòn đảo hoang vu, cách xa những đường hàng hải hàng trăm dặm. Tôi cảm thấy cuộc đời tôi sẽ mãi mãi bị chôn vùi trong cảnh ngộ éo le bi thảm này. Nghĩ như thế, nhiều lúc tôi hai dòng nước mắt chảy dài xuống má than thân trách phận,

buồn thay cho mình phải đày đọa thống khổ tới nông nỗi này.

Nhưng tiếp theo những ý nghĩ yếu đuối ấy, bao giờ cũng có ngay những ý nghĩ khác lạc quan hơn. Một buổi đi dạo trên bãi biển, súng cắp dưới cánh tay, con chó chậm rãi đi theo sau từng bước, tôi suy nghĩ rất nhiều về hoàn cảnh hiện tại của mình.

Ngay lúc đó, lý trí vốn biết cân nhắc điều hơn lẽ thiệt, đã trỗi dậy chống lại những lời than vãn bi quan đó. Tôi tự nhủ: "Này, mình hiện đương ở trong một hoàn cảnh bi đát, đúng thế! Nhưng những bạn cùng tàu của mình hiện nay ở nơi nào! Chẳng phải là tất cả có mười một người trên tàu đó sao? Vậy thì mười người kia đâu rồi? Cớ sao họ lại không sống sót, mà mình lại không chết? Vì sao chỉ có một mình ta đã thoát nạn? Đàng nào hơn? Ở đây hay là dưới đó? (đồng thời, tôi chỉ tay xuống biển). Liệu có nên nhìn nhận mọi sự việc cả mặt tốt lẫn mặt xấu không? Chẳng lẽ những điều may mắn đã được hưởng lại không thể an ủi ta về những điều đau lòng được sao?".

Hơn nữa, nhìn lại, tôi thấy mình đã được thừa hưởng một tài sản khá lớn. Số phận tôi sẽ ra sao nếu không có chiếc tàu đã mắc cạn trên dải cát ngầm giữa biển, khiến tôi có thể ra lấy tất cả tài sản đó

đem về cất trong kho? Không có sự may mắn đó thì tôi biết làm thế nào mà tự tạo lấy những vật dụng cần thiết cho đời sống? Bất giác tôi nói to lên: "Mình sẽ ra sao? Ừ, mình sẽ ra sao nếu không có khẩu súng này, không có đạn dược để săn bắn, không có đồ dùng để làm việc, không có quần áo để che thân, không có giường để nằm, không có lều để ở?".

Nghĩ thế, tôi lại thấy phấn khởi hơn. Tôi được hưởng tất cả những thứ đó, dư dật đến mức một ngày nào đó hết thuốc đạn, khẩu súng trở thành vô ích. Khi đó, chắc chắn tôi vẫn cứ có đủ mọi thứ để sống trong nhiều năm. Ngay từ buổi đầu, tôi đã tính trước cách đối phó với mọi trở ngại khó khăn có thể xảy đến, không những chỉ tới ngày thuốc đạn thiếu hẳn, mà cả đến khi sức tôi bị yếu, lực tôi bị hao.

Thật ra, không phải bỗng chốc tôi đã nghĩ tới tình trạng đột nhiên thuốc đạn bị tiêu tan sạch trong chớp mắt. Thuốc súng của tôi có thể bị sét đánh nổ tung. Vì thế mỗi lúc chớp giật sấm rền lại nhắc lại cho tôi mối lo hôm trước.

Con chó thấy tôi đã vui trở lại thì cũng sủa lên mấy tiếng như để hưởng ứng thái độ ấy và mừng rỡ nhảy nhót quanh tôi. Khốn nạn cho nó, từ nãy đến giờ thấy chủ mặt ủ mày chau thì nó cũng cứ

lủi thủi bước theo như chia buồn với tôi vậy. Tiếng sủa của con vật trung thành sao lúc này làm cho tôi ấm lòng thế! Tôi ngồi xuống, móc túi lấy một miếng bánh khô, bẻ đôi chia cho nó một nửa và nói chuyện với nó như với một người bạn chí thiết.

Giờ đây, tôi nghĩ cũng cần nhắc lại cảnh sống của tôi, một đời sống cô đơn, âm thầm vắng vẻ, một cuộc sống có một không hai trên thế gian này. Tôi sẽ kể lại từ đầu theo thứ tự thời gian.

Tôi đặt chân lên đảo này vào ngày 30 tháng 9. Giữa tiết thu phân[1] mặt trời chiếu ánh nắng thẳng vào đầu. Theo ước tính thì chỗ tôi ở hiện nay có thể là bắc vĩ độ 9 độ 22 phút.

---

[1] Thu phân: tiết giữa mùa thu, từ quãng 21 tháng 9 đến 6 tháng 10 dương lịch (N.D.)

CHƯƠNG 6

Đặt chân lên đảo được mười hai hôm, tôi đã lo vì thiếu giấy, bút, mực, rồi đây mình có thể quên không tính được thời gian. Như vậy, tôi cũng sẽ không phân biệt được chủ nhật với những ngày khác, nếu không kịp thời tìm cách bổ cứu. Để tránh những sự sai lầm sau này, ngay trên bờ biển, đúng vào chỗ tôi đặt chân lên đất lần đầu tiên, tôi dựng một cây cột vuông vắn trên khắc một dòng chữ:

"TÔI ĐẶT CHÂN LÊN ĐẢO
NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 1659"

Ở bốn mặt cái cột, mỗi ngày tôi vạch một vạch nhỏ, cứ bảy ngày tôi lại vạch một đường dài gấp đôi, và cứ vào mồng một đầu tháng, một đường dài gấp đôi nữa. Cứ thế tôi bảo đảm quyển lịch đều đặn suốt thời gian sống trên đảo vắng.

Trong cái kho chứa đựng vật dụng đem từ dưới tàu lên, còn có những thứ tưởng như không cần thiết cho lắm nhưng thật ra rất được việc cho tôi, ví dụ ngòi bút, mực và giấy, mấy cái com-pa, những

dụng cụ về toán học, ống viễn kính, bản đồ và nhiều sách về hàng hải, một số sách linh tinh, v.v... Rất nhiều thứ còn để lộn xộn tôi chưa có thì giờ lựa ra xem cái gì dùng được, cái gì bỏ đi. Tôi lại không thể không nhắc tới con chó trên tàu đã theo tôi về đảo ngay từ chuyến bè thứ nhất. Nó đã sống bên tôi như một người bạn tốt và một người giúp việc tận tình; có gì đem về được cho tôi dùng là nó cố gắng lấy về. Theo bản năng, nó đã tìm hết cách để sống với tôi thật là thân mật. Với con vật trung thành ấy, tôi chỉ còn một mơ ước mà ai cũng biết là không bao giờ thực hiện được, là làm cho nó biết nói.

Kể ra kho vật liệu của tôi cũng đã tích lũy khá nhiều thứ rồi đấy. Nhưng dù bao nhiêu chăng nữa, tôi vẫn còn thiếu nhiều đồ dùng trong đó phải tính đến kim khâu, kim đính và chỉ để vá may, cái xẻng, cái cuốc, cái mai để đào và đổ đất đi nơi khác.

Do thiếu thốn đồ dùng như thế nên tôi hoàn thành chậm mọi công việc. Tôi phải mất gần một năm trời mới làm xong hẳn cái hàng rào. Những chiếc cọc rào ấy nặng quá thể! Tôi phải bỏ nhiều công phu mới dựng lên được. Lại còn mất bao nhiêu thì giờ để đẵn từ trong rừng, đẽo gọt và nhất là đem được về tới nhà. Tính ra mỗi cái cọc cũng đã lấy đứt đi

của tôi hai ngày tròn vừa chặt vừa kéo, lại thêm một ngày nữa để chôn sâu xuống đất. Khó khăn như vậy nhưng không lúc nào tôi nản chí. Thì giờ và tài trí sức lực không dốc vào bảo vệ cuộc sống thì tôi còn dùng để làm gì nữa!

Ngày mồng 1 tháng 11. - Tôi bắt đầu dựng lều dưới chân đồi. Tôi cố thu xếp cho lều được rộng rãi và tôi chôn cọc để chống lều lên cho chắc chắn. Xong xuôi tôi mắc võng vào hai cái cọc và hôm đó tôi ngủ võng.

Ngày mồng 3. - Tôi xách súng ra dạo bên ngoài và bắn được hai con chim trông giống như vịt trời, thịt rất ngon. Buổi chiều, tôi đóng một cái bàn.

Sáng sớm mồng 4. - Tôi lại tiếp tục việc theo bản chia thời gian đã vạch ra mấy hôm nay. Tôi quyết tâm giữ đúng giờ giấc hàng ngày như làm việc, đi chơi săn bắn bên ngoài, ngủ và giải trí. Tôi sắp đặt thì giờ như sau: Buổi sáng nếu trời không mưa, tôi xách súng ra ngoài chừng vài ba tiếng đồng hồ; sau đó tôi làm việc cho tới quãng mười một giờ rồi ăn bữa trưa rất đơn giản, có gì ăn nấy. Tôi nghỉ trưa cho tới hai giờ chiều, bởi vì ở đây buổi trưa rất nóng, chẳng làm ăn gì được. Ngủ dậy, tôi lại làm việc cho đến chiều. Suốt ngày mồng 4 và cả ngày hôm sau, tôi hì hục đóng cho được một cái bàn

gỗ. Thật tình, tôi cũng chỉ là anh thợ quèn, nhưng dần dần về sau, nhờ thời gian và nhu cầu tôi trở thành lành nghề. Tôi nghĩ rằng bất cứ ai, khi đã lâm vào cảnh ngộ như tôi, sớm muộn cũng sẽ được hai ông thầy ấy đào tạo cho trở nên khéo chân khéo tay như thế.

Ngày 17. - Tôi bắt đầu đào sâu vào sườn núi sau lều để mở mang nhà cửa cho rộng rãi và thoải mái hơn. Chắc các bạn còn nhớ tôi còn thiếu ba thứ đồ dùng để làm việc, đó là một cái cuốc, một cái xẻng và một cái xe cút kít, hoặc một cái thúng. Tôi đành tạm bỏ dở công việc và tìm hết cách thay thế bằng những đồ dùng mới, tự làm lấy. Không có cuốc, tôi đã dùng một thanh sắt làm xà beng tuy hơi nặng, nhưng được việc ra trò. Nhưng đến cái xẻng, dụng cụ cần thiết nhất, thì tôi vẫn chưa có cách gì thay thế.

Ngày hôm sau, 18 tháng 11. - Tôi vào rừng tìm được một cây gỗ, giống loại "thiết mộc"[1] ở Bờrêdin. Tôi đã mất nhiều công sức, chặt mẻ cả lưỡi rìu, mới được một đoạn. Khúc gỗ nặng quá chừng! Tôi lại phải một phen bở hơi tai mới đem được về đến nhà.

Gỗ đã cứng như sắt, lại thêm tay chân vụng về,

---

[1] Thiết mộc: một loại gỗ như sắt (N.D.).

dụng cụ thô sơ, cho nên tôi vất vả vô cùng. Tuy vậy mỗi lúc một tí, tôi cũng đẽo gọt tàm tạm thành một dụng cụ, nửa xẻng nửa mai, nhưng lưỡi thì không viền sắt cho nên không bền được như xẻng sắt; tuy nhiên nó cũng rất được việc.

Tôi vẫn còn thiếu một cái thúng hoặc một chiếc xe cút kít. Tôi phải bỏ cái việc đan thúng vì không tìm được một loại cành cây nào dẻo như miên liễu để uốn mà đan. Tôi bèn nghĩ cách làm xe cút kít nhưng lại gặp khó khăn là không biết cách làm bánh và rèn trục sắt. Thế là tôi lại đành phải bỏ cái mộng làm xe. Tôi bèn đóng một cái thùng giống như cái chậu đựng vữa của thợ nề để chuyển đất đào trong hang đem đổ ra ngoài. Làm cái thùng này không mất nhiều công phu như cái xẻng; tuy vậy hai thứ này với cái xe lậm thử đã lấy của tôi hết bốn ngày tròn, trừ những lúc xách súng đi dạo buổi sáng kiếm thức ăn tươi.

Ngày 23 tháng 11. - Tôi lại tiếp tục công việc đào hang. Suốt mười tám hôm liền, ngày nào tôi cũng cố gắng làm việc để bảo đảm đúng kế hoạch theo thời gian đã định. Tôi đào cái hang cho rộng và sâu thêm để có thừa chỗ xếp đặt thứ tự và gọn gàng tất cả "gia tài".

Ngày 10 tháng 12. - Tôi đương đứng nhìn lên trần và yên trí là chắc chắn rồi, thì bỗng nhiên đất

đổ ập xuống ở một góc gần đó. Tôi hết cả hồn vía vì nếu lúc ấy tôi đứng ở đó thì cũng đã được "mồ yên mả đẹp" rồi! Tôi lại mất rất nhiều công sức để sửa chữa lại chỗ đó. Trước tiên là phải chuyển ra ngoài cho hết đống đất đổ; sau đó, đây là việc quan trọng hơn, lại phải lót ván và chống cái trần cho chắc chắn để từ nay về sau khỏi xảy ra tai nạn như thế nữa.

Ngày 17 tháng 12. - Từ hôm nay cho đến ngày 20, tôi lo lót ván và đóng đinh vào những cái cọc chống để treo tất cả những thứ gì có thể treo lên được. Bắt đầu từ đó, tôi có thể tự hào rằng mọi thứ trong nhà đều đã ngăn nắp và có trật tự.

Ngày 20 tháng 12. - Tôi đem tất cả đồ đạc vào hang, thu dọn nhà cửa. Tôi lấy ván đóng một cái bàn đặt trong bếp để xẻ và thái thịt. Dạo này, ván cũng bắt đầu hiếm rồi.

Ngày 27 tháng 12. - Tôi bắn chết một con dê con và làm một con khác què chân; con chó đuổi theo con dê què, bắt được nó và giữ lại cho tôi buộc dây dắt về nhà. Về tới nơi, tôi nắn ngay chân cho nó và băng bó lại. Tôi chăm chút săn sóc nó rất chu đáo nên nó thoát chết; cái chân bị thương cũng lành mạnh như ba chân kia. Ở với tôi ít lâu thì nó quen dần và yên tâm gặm cỏ trong bờ rào, không hề tìm cách trốn. Thấy thế, tôi nảy ra ý nghĩ nuôi gia súc

để bảo đảm lương ăn khi hết thuốc súng và đạn ghém.

Mồng 1 tháng 1 năm 1660. - Trời vẫn còn nồng nực lắm. Tuy vậy, cứ sáng tinh mơ hoặc quãng chiều chiều, tôi vẫn xách súng ra ngoài. Lần này, đi sâu vào những thung lũng ở khoảng giữa đảo, tôi đã gặp vô số dê rừng, nhưng chúng nó đã quá quen sống hoang nên khó lại gần lắm. Có một lần, tôi xuýt con chó đuổi theo nhưng lũ dê quay đầu giơ sừng chống cự khiến con chó đâm ra lúng túng. Tôi không dám bắn sợ làm con chó bị thương.

Ngày mồng 3. - Tôi bắt đầu "xây lũy" vây quanh nhà. Lúc nào tôi cũng nơm nớp sợ bị tấn công bất ngờ, cho nên luôn luôn bồi đắp thêm cho bờ lũy ngày càng dày, càng vững.

Những ngày mưa cản trở công việc của tôi nhiều. Tuy mưa không dai dẳng suốt ngày, nhưng nhiều khi cũng kéo đến hàng tuần, hàng tháng. Bức lũy chưa xây đắp xong, tôi chưa có thể sống yên ổn được.

Những cọc gỗ dùng vào việc này, tôi đã làm to hơn cần thiết, nên cũng khó mà tin và cũng khó mà nói được là đã tốn bao nhiêu công sức vào mỗi việc làm, nhất là đưa chúng từ rừng về rồi chôn sâu xuống đất.

Làm xong bức lũy, tôi lại trồng một lớp cỏ che bên ngoài. Bây giờ thì dầu có ai bước chân lên đảo, chắc cũng không thể nhận thấy ở đây có một cái

nhà và đang có người ở. Tôi rất sung sướng đã đạt được kết quả đó và sau này tôi sẽ nói đến thêm nữa.

Ngày nào tôi cũng không quên vào rừng săn, trừ khi trời mưa phải ở lại nhà. Trong những cuộc đi dạo thường xuyên như thế, tôi đã tìm được rất nhiều thứ bổ ích. Tôi gặp một loại bồ câu rừng không ở trên cây như giống gầm ghì, mà lại chui vào làm tổ trong hốc đá. Tôi bắt mấy con chim non đưa về định nuôi cho quen; nhưng vừa lớn lên, chúng đã bay đi mất, không con nào trở về chuồng nữa.

Tôi lại còn thiếu một vật rất cần thiết, đó là nến. Tôi rất khó chịu vì thiếu nến, như thế là cứ phải đi ngủ ngay từ chập tối, thường vào quãng bảy giờ. Phương pháp độc nhất để thoát nạn ngủ sớm là lúc nào giết thịt dê thì tôi để dành mỡ lại. Sau đó, tôi lấy đất sét nặn một cái đĩa nhỏ đem phơi khô, lấy một sợi dây gai làm bấc. Tôi đã có một cái đèn, mặc dầu ánh sáng chỉ leo lét, không sáng bằng ánh nến. Có ánh lửa ban đêm, tôi làm thêm được nhiều việc, tránh được những lo nghĩ vẩn vơ, căn nhà thêm sáng sủa, ấm áp.

Trong khi lục lọi các thứ, tình cờ tôi thấy một cái bao gai đựng thóc cho gà vịt ăn trên tàu. Bao nhiêu lúa mì đều đã bị chuột nhắn hết, chỉ còn độc trấu và bụi. Định dùng bao gai vào việc khác nếu tôi không nhầm, thì là để đựng thuốc súng lúc chia

nhỏ thành từng bao để phòng sét đánh. Tôi bèn đem đổ tất cả trấu với những gì còn lại trong đó vào chỗ chân núi, ngay bên cạnh bức lũy.

Tôi đổ trấu và thóc lép ấy một thời gian ngắn trước mùa mưa; rồi không để ý đến nữa, chỉ chừng một tháng sau, là tôi quên hẳn. Nhưng vừa lúc đó, tôi lại thấy có lơ thơ vài mầm mạ mọc lên, tôi cho là những loại cỏ dại nào đó nên cũng bỏ qua. Được ít lâu, tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy mười hai bông lúa đã vừa ướm chín, một thứ lúa mạch rất ngon không khác giống lúa mạch ở châu Âu. Tuyệt hơn nữa là lúa cũng mọc tốt như loại ở nước Anh vậy.

Thoạt tiên tôi kinh ngạc quá đỗi, không hiểu vì đâu lúa mì không cần giống mà cũng mọc lên được thế này? Đã có lúc tôi nghĩ có lẽ trời thương tôi nên bỗng dưng sinh ra lúa mì để nuôi sống tôi trên đảo hoang. Nhưng sau nhớ lại là mình đã rũ một cái bao gai ở đấy và cái bao gai ấy vẫn đựng thóc cho gà ăn thì tôi thấy ngay chẳng có phép lạ gì trong câu chuyện này cả. Tuy nhiên cũng thật là bất ngờ mà có những bông lúa ấy. Đúng là một sự may mắn hiếm có! Tình cờ sao lại còn sót mười hai hột lúa chắc trong cả một bao lúa đã bị chuột nhắn hết nhẵn; tình cờ sao tôi lại đem rũ bao gai vào chỗ bóng râm dưới núi nên lúa mới có thể nảy mầm. Ví thử tôi rũ cái bao gai vào một chỗ khác thì mấy mầm lúa

kia có thể bị nắng thiêu héo khô, hoặc bị nước mưa cuốn đi chứ còn đâu nữa! Âu cũng là một điều may mắn mà tôi không thể bỏ qua!

Thôi thì còn gì hơn nữa! Chắc các bạn cũng tưởng tượng được vào quãng cuối tháng sáu, mùa lúa chín, tôi đã "gặt" rất cẩn thận những bông lúa đầu tiên ấy! Tôi cất kỹ từng hạt lúa và định sẽ gieo tất cả số lúa đó, hy vọng rồi đây sẽ gặt được nhiều, đủ để làm bánh nuôi thân. Phải trải qua bốn năm trời ròng rã, tôi mới được dịp vuốt ve cái bánh mì đầu tiên. Tới lúc đó, tôi sẽ nói chuyện nhiều với các bạn hơn. Sở dĩ kéo dài thời gian như thế là vì thiếu kinh nghiệm nên lúc đầu gieo giống bị hỏng gần hết.

Ngoài số lúa mạch, tôi còn có chừng ba chục bông lúa tẻ nữa. Tôi cũng cất đặt cẩn thận số thóc này để gieo như lúa mạch và cũng định dùng nó làm lương ăn. Khác với lúa mạch, gạo tẻ có thể vừa dùng làm bánh vừa dùng làm thức ăn. Tôi đã biết cách nấu thức ăn bằng gạo hột chứ không cần phải giã thành bột như lúa mạch.

Tôi làm việc luôn tay suốt ba bốn tháng trời để xây bức lũy và đắp kín nó vào hôm 14 tháng 4 sau khi đã quyết định dùng thang để ra vào qua lũy. Tôi không chừa cổng, sợ từ xa người ta có thể nhận thấy chỗ ở của tôi.

CHƯƠNG 7

Ngày 16 tháng 4. - Chiếc thang đã xong, tôi dùng thang trèo lên bờ lũy, sau đó tôi kéo thang lên đặt vào phía trong, ở một chỗ đã định. Như thế thì không còn cách nào lọt vào, trừ phi leo qua bờ lũy.

Bức lũy vừa xong, được một hôm, thì ngày hôm sau, chỉ một tí nữa là tất cả cơ nghiệp của tôi tiêu tan, và có thể là mạng tôi cũng không còn nữa. Sự việc xảy ra như sau:

Đang lúi húi sau lều, bỗng nhiên tôi giật nảy mình khiếp vía vì thấy đất đổ ầm ầm từ trần hang và từ đỉnh núi chênh vênh phía trên đầu tôi. Hai cột chống trong hang nứt toác ra thật kinh khủng! Chưa hiểu đầu đuôi ra sao, tôi nghĩ cũng chẳng có gì lạ; có lẽ chỉ là một đám đất đá bị rơi, như đã xảy ra một lần rồi. Nhưng sợ bị đất vùi và ở trong này cũng chẳng yên ổn, tôi chạy vội lại chỗ cái thang, trèo nhanh qua bức lũy rồi chạy ra thật xa để tránh những hòn đá tảng cứ như đang thi nhau lăn từ trên núi xuống đầu tôi. Vừa đặt chân xuống phía ngoài lũy, tôi biết ngay là có một trận động đất kinh

khủng. Ba lần tôi thấy đất chuyển động ngay dưới chân cách nhau chừng tám phút, và cả ba lần đều chuyển ghê gớm, có thể làm cho những tòa nhà vững chãi đồ sộ nhất cũng phải đổ nhào. Một hòn núi cách tôi chừng nửa dặm bị sạt hẳn một phía, đổ ầm ầm xuống tựa sấm vang. Biển cả như cũng giật mình trước hiện tượng kỳ lạ này và tôi đoán rằng ở dưới đáy biển lại còn chuyển động dữ dội hơn trên hòn đảo của tôi nữa.

Đất chuyển như thế làm cho tôi choáng váng như đi biển trên một chiếc tàu bị phong ba. Từ thuở lọt lòng, tôi chưa hề nghe, hoặc thấy những chuyện thế này; tim tôi như ngừng đập, tất cả mọi bộ phận trong người hầu như tê liệt. Nhưng tiếng núi đá đổ ầm ầm đã lôi tôi ra khỏi cơn mê hoảng và lại càng khiến tôi thêm kinh sợ hãi hùng. Một hình ảnh khủng khiếp vụt hiện ra trong óc tôi: một quả núi nào đó gần chỗ tôi ở có thể đổ nhào lên trên lều và vùi lấp dưới đống đất đá hỗn độn tất cả tài sản của tôi, và ôi thôi! Thế là sẽ không còn gì nữa hết!

Sau ba lần đất chuyển mà không thấy xảy ra chuyện gì nữa, tôi dần dần trở lại bình tĩnh. Tuy nhiên tôi vẫn chưa dám trèo qua lũy mà vào nhà, sợ bị chôn sống bất thình lình. Tôi ngồi phịch xuống đất, im lặng, buồn nản và hoang mang không biết

mình nên làm gì bây giờ.

Một hơi thở nóng khẽ phả vào sau gáy tôi. Tôi quay lại, thì ra con chó đã đứng ở đó từ bao giờ không biết. Có lẽ nó phải chật vật lắm mới theo tôi đến đây được vì nó leo thang rất vất vả. Mỗi lần ra vào tôi đều phải bế nó lên trên bức lũy rồi nhảy xuống bên kia. Lần này vì hốt hoảng quá, tôi bỏ quên nó, không biết nó ra bằng cách nào. Nó giương đôi mắt sợ hãi nhìn tôi để chờ sự che chở của chủ; nhưng chính tôi trong lúc này cũng được vững dạ thêm vì có nó bên cạnh.

Trời đất tối mù, mây kéo dày đặc như sắp mưa. Một lát sau, gió nổi lên càng ngày càng to, được chừng nửa giờ thì chuyển thành một cơn dông dữ dội. Sóng biển réo ầm ầm, dồn lên trắng xóa, vỗ dồn dập vào bờ. Cây cối đổ ngổn ngang; trên mặt đất đang bị một cơn bão lớn tàn phá rất khủng khiếp. Sau chừng ba giờ đồng hồ, cơn bão dịu dần; sau ba giờ nữa gió nhẹ hẳn và bắt đầu một trận mưa vuốt mặt không kịp.

Trong mưa to gió lớn, tôi vẫn hoang mang tâm trí, bủn rủn tay chân. Tôi chợt nhớ lại rằng gió và mưa như thế này là một hiện tượng tự nhiên tiếp theo cơn động đất. Như vậy là động đất đã chấm dứt rồi, tôi có thể thử trở về nhà xem sự thể ra sao. Ý nghĩ ấy giúp tôi tỉnh táo lên và trận mưa cũng

giúp tôi thêm vững dạ. Tôi vào trong lều ngồi; nhưng chưa ấm chỗ đã lại lo ngay ngáy là mưa to như vậy có thể làm sập lều như chơi. Thế là tôi đành phải chui vào ngồi trong hang mặc dầu cứ giật mình thon thót, chỉ lo đất đá trên trần bất ngờ rơi ầm ầm xuống đầu.

Cơn mưa như trút nước đã bắt buộc tôi phải moi một cái cống xuyên qua bức lũy để cho nước thoát ra ngoài khỏi tràn vào ngập cả hang. Tạm yên thân trong nhà được một chặp và tin chắc cơn động đất đã chấm dứt hẳn rồi, tâm trí tôi bắt đầu tỉnh táo hơn. Muốn cho tinh thần thêm hăng hái, tôi uống một hớp rượu mạnh để lấy lại sức. Nhưng dù sao, cũng như trong nhiều trường hợp khác, tôi uống rất dè dặt vì ngoài số rượu lấy được trên tàu, tôi chẳng còn nguồn nào cung cấp cho nữa.

Trời vẫn mưa luôn suốt đêm và cả hôm sau; tôi không thò mặt ra khỏi nhà được nữa. Nhưng bây giờ đã tỉnh táo hơn nhiều rồi, tôi bèn nghĩ ngay xem nên làm thế nào cho ổn. Tôi suy đi tính lại: hòn đảo có thể bị động đất vậy thì nhất thiết tôi không nên làm nhà trong hang đá. Trái lại, tôi phải tìm cách dựng một nếp nhà nhỏ ở một chỗ quang đãng, trống trải. Ở đó, tôi cũng sẽ làm một bức lũy để đề phòng mọi sự tấn công. Nếu tôi cứ bám vào cái hang núi thì chẳng bao lâu nó sẽ trở thành mồ

chôn tôi thôi!

Suy nghĩ như vậy, tôi trù tính dỡ cái lều ở chỗ cũ đi. Trong hai ngày sau, 18 và 19 tháng 4, tôi không nghĩ gì ngoài việc tìm một chỗ tốt để dời nhà.

Nỗi lo sợ bị chôn sống vẫn luôn luôn làm cho tôi mất ăn mất ngủ; mặt khác, tôi cũng không dám ngủ bên ngoài bức lũy, vì trống trải và sơ hở, nhưng mỗi khi nhìn chung quanh mình thấy đồ đạc xếp đặt ngăn nắp, chỗ ở kín đáo và thoải mái, lại thêm một bức lũy kiên cố, đề phòng được những cuộc tấn công từ bên ngoài, quả thật tôi cũng không muốn dời đi nơi khác tí nào.

Ngày 30 tháng 4 - Từ lâu tôi đã thấy bánh khô vơi đi nhiều. Tôi bèn kiểm lại và bắt đầu tự hạn chế mỗi ngày chỉ ăn một miếng bánh nhỏ thôi. Quả là một nỗi đau lòng!

Ngày mồng 1 tháng 5. - Buổi sáng nhìn ra ngoài biển lúc nước triều xuống, tôi thấy một vật gì khá to nằm trên bờ, nhìn hơi giống thùng rượu. Lại gần thì ra một cái thùng gỗ nhỏ cùng với vài ba mảnh vỡ của chiếc tàu bị sóng đánh giạt vào bờ trong cơn bão vừa qua. Tôi nhìn về phía chiếc tàu và thấy hình như nó nhô lên trên mặt nước cao hơn dạo trước. Tôi xem xét kỹ càng cái thùng ở trên bờ và thấy đó là một thùng thuốc súng, nhưng vì ngấm nước, thuốc đã vón lại và cứng như đá. Tuy vậy

tôi cũng cứ lăn nó rất cẩn thận vào phía trong bờ để tránh nước rồi tôi lần theo bãi cát đi ra phía tàu.

Đến gần, tôi thấy chiếc tàu đã thay đổi vị trí rất lạ kỳ. Mũi tàu trước kia bị vùi sâu dưới cát, bây giờ nhô cao hơn lên chừng sáu bộ. Phần sau lái kia bị bão đánh vỡ ra từng mảng và rời ra khỏi tàu sau khi tôi đã moi hết chuyến cuối cùng thì nay như bị đảo lại và nằm nghiêng hẳn chỉ thấy một phía. Ở mặt trước, có nhiều đống cát thật cao; khi nước triều xuống, tôi có thể đi bộ ra trèo lên trên đó mà đi tới tàu, không phải bơi mất nửa dặm như trước. Thoạt tiên tôi cũng ngạc nhiên về sự thay đổi vị trí này, nhưng tôi biết ngay nguyên nhân là do trận động đất. Cũng vì bị ảnh hưởng nhiều lần đất chuyển, chiếc tàu bị nứt rạn nhiều và lại vỡ ra to hơn hồi trước. Do đó ngày nào cũng có rất nhiều thứ trong tàu bị sóng biển lôi ra và đưa dần vào bờ, nằm lăn lóc trên bãi cát.

Bây giờ tôi tạm hoãn việc dời nhà. Công việc chính của tôi là thử tìm xem có cách nào vào được trong tàu không. Nhưng khoang tàu đầy tràn những cát, không thể vào được. Tuy thế, kinh nghiệm từ trước tới nay dạy cho tôi không bao giờ nên chán nản; tôi quyết định phá vỡ chiếc tàu đắm này ra thành từng mảnh và đem về, thể nào cũng dùng được nó vào một số việc cần thiết.

Ngày mồng 3 tháng 5. - Tôi đem cưa ra cắt đôi một cái xà chống ở sàn tàu dưới. Sau đó, tôi gạt và moi dần ra được khá nhiều cát ở phía trên cao. Nhưng vừa lúc nước triều lên, tôi phải tạm dừng công việc.

Ngày mồng 4. - Tôi đi câu và được một con cá heo nhỏ. Tôi có một cái cần câu lớn buộc một sợi dây gai gỡ ở thừng ra nhưng lại thiếu lưỡi câu; tuy vậy tôi cũng kiếm được khá nhiều cá, thừa ăn thừa để. Tất cả kỹ thuật chế biến chỉ là đem phơi khô để cất ăn dần. Mỗi lần tôi đi câu, con chó đều lon ton chạy theo. Từ sau hôm động đất tôi khoét rộng thêm cái cống ở chân lũy cũng là để cho nó chui ra chui vào cho tiện. Thấy tôi sửa soạn đi câu, nó chui ra trước, đứng dưới chân thang chờ, cái đuôi ve vẩy ra chiều mừng rỡ. Có gì đâu! Mỗi bận như thế, chú ta đều được một bữa no nê những ruột và đầu cá. Nó cũng rất khôn, không bao giờ đụng đến cá phơi, hơn nữa nó lại còn canh giữ cá rất cẩn thận, không cho bọn mèo rừng hoặc quạ bén mảng đến.

Ngày mồng 5. - Tôi lại ra làm việc ở chiếc tàu vỡ. Tôi cưa một cây cột nữa rồi tháo ở boong tàu ra ba tấm ván gỗ thông lớn đem ghép lại thả xuống nước cho trôi theo thủy triều vào bờ.

Những ngày 10, 11, 12, 13, 14 tháng 5. - Hôm nào tôi cũng ra làm việc ở chiếc tàu vỡ. Tôi tháo ở đó ra được nhiều cột kèo, vô số ván và chừng vài

ba trăm cân đồ sắt.

Ngày 15 tháng 5. - Tôi đem theo hai chiếc búa thử xem có thể chặt được một tảng chì cuốn chăng! Tôi đặt lưỡi một chiếc búa lên tảng chì rồi lấy chiếc kia giọt xuống. Nhưng tảng chì ngập sâu dưới nước đến một bộ rưỡi, tôi đành phí công.

Tôi tiếp tục công việc đến rằm tháng sáu. Hàng ngày tôi vẫn dành thì giờ đi kiếm thức ăn đều đặn vào lúc thủy triều lên để khi thủy triều xuống thì ra chiếc tàu. Cứ như thế, tôi đã khuân về được cơ man là ván nhỏ, ván lớn và đồ sắt, kể cũng đủ để đóng một chiếc tàu nếu tôi biết cách đóng một chiếc như thế. Tôi lại còn cắt được một thỏi chì cuốn ra từng khúc mà lấy về được đến non một trăm cân.

Ngày 16 tháng 6. - Trong khi ra bờ biển, tôi gặp một con rùa: đó là con rùa thứ nhất tôi thấy từ khi bước chân lên đảo. Tuy nhiên, không phải ở đây hiếm rùa. Sau này tôi biết phía bên kia hòn đảo nhiều rùa không kể xiết, tha hồ mà bắt.

Ngày 17 tháng 6. - Suốt ngày hôm nay, tôi làm thịt rùa và nấu nướng. Tôi moi trong bụng nó ra được một buồng trứng lớn. Từ khi lạc lên đảo hoang đến giờ, tôi chỉ ăn có độc vị thịt chim và thịt dê, thành ra thịt rùa đối với tôi quả là lạ miệng và thơm ngon tuyệt trần. Con chó cũng được chia một phần thịt rùa; có lẽ nó cũng thấy lạ miệng và hoan nghênh

không kém. Nó ngốn sạch trơn cả xương xẩu và từ đó trở đi, nó giúp tôi tìm bắt rùa rất đắc lực.

Ngày 18 tháng 6. - Trời mưa tầm tã suốt ngày, tôi phải bó chân ngồi nhà. Mưa có vẻ lạnh lẽo và tôi thấy như ớn rét: đó là một triệu chứng bất thường ở miền nhiệt đới này.

Ngày 19. - Tôi thấy trong người mệt mỏi lắm và tôi run lên như khi trời mùa đông lạnh.

Ngày 20. - Suốt đêm tôi không chợp mắt được tí nào, lại bị một cơn sốt và đầu nhức như búa bổ.

Ngày 21. - Tôi mệt quá sức. Tôi vô cùng lo sợ khi nghĩ tới cảnh khổ nhất định không tránh được: bị ốm và không thể trông mong sự giúp đỡ của một ai. Trong cơn khủng hoảng đó, tôi làm một việc mà tôi chưa hề làm kể từ ngày gặp cơn phong ba ngày xưa, đó là cầu nguyện Thượng đế. Nhưng đó chỉ là những lời cầu nguyện khô khan vô nghĩa đến nỗi tôi cũng chẳng hiểu tôi đã nói gì và tại sao tôi lại nói như thế. Quả thật lúc ấy tôi như mê man, lòng dạ cứ như một mớ bòng bong.

Ngày 22 tháng 6. - Tôi thấy bệnh đã bớt; nhưng nỗi lo âu về bệnh hoạn vẫn làm cho tâm trí tôi bối rối vô chừng.

Ngày 23. - Tôi lại mệt mỏi quá chừng; ớn rét, run cầm cập và nhức đầu không thể tả.

Ngày 24. - Tôi đỡ nhiều.

Ngày 25. - Bệnh sốt rét lại vật tôi một cơn chí tử và kéo dài luôn bảy tiếng đồng hồ. Đầu hết lạnh thì nóng bất thường; cuối cùng, mồ hôi vã ra như tắm và người lả hẳn đi.

Ngày 26. - Tôi lại thấy đỡ hơn. Nhớ ra thức ăn đã hết, tôi gượng dậy xách súng đi ra ngoài để săn. Tôi thấy mình yếu quá chừng. Tuy thế tôi cũng bắn được một con dê nhưng lôi về khó khăn quá! Tôi quạt than nướng vài miếng ăn cho qua bữa; nếu đem hầm lên mà húp nước xúp thì hơn, nhưng nồi niêu chẳng có nên đành chịu nhịn.

Ngày 27. - Cơn sốt lại vật tôi dữ dội. Tôi phải nằm bẹp trên giường suốt cả ngày không ăn uống gì cả. Tôi khát khô họng nhưng sức yếu quá không thể đứng dậy đi lấy nước uống được. Tôi mê man bất tỉnh, tôi lâm rậm cầu Trời khấn Thánh. Dần dần tôi tỉnh cơn mê nhưng trong người vẫn còn yếu quá, tôi cứ phải nằm và thỉnh thoảng lại rền rĩ: "Trời ơi, cứu tôi với!".

Tôi nhớ mường tượng đã nằm và kêu rên như thế khoảng vài ba tiếng đồng hồ cho tới lúc "dứt cơn", rồi tôi ngủ luôn mãi tới khuya mới dậy. Vừa mở mắt ra, tôi thấy trong mình đã dễ chịu mặc dầu đang rất yếu và khát nước xé họng. Nhưng làm thế nào bây giờ? Tôi vẫn nằm trên giường cho tới sáng. Chẳng còn một giọt nước nào trong nhà, thế là tôi

đành nằm thao thức mà chịu khát.

Không lúc nào tôi thiết tha mong có một người bạn bên cạnh bằng lúc này. Tôi cảm thấy nỗi cô đơn của tôi đã đến cực độ. Con chó thân yêu và có nghĩa thật đấy, nhưng chẳng giúp gì được cho tôi. Từ khi tôi bị ốm, suốt ngày đêm nó cứ quanh quẩn bên giường không rời tôi nửa bước. Con vật có vẻ hiểu thấu tâm trạng tôi và cũng hiểu cả sự bất lực của nó, tôi ốm, nó không kiếm giùm được thức ăn; tôi khát, nó không lấy giùm được nước uống. Những lúc cơn sốt rét lên, tôi ôm lấy nó cho thêm ấm người và ấm lòng; trong cảnh ngộ éo le này, nó vẫn là chỗ dựa rất quí của tôi về tình cảm.

Ngày 28 tháng 6. - Trong mình đã khoan khoái đôi chút sau một giấc ngủ yên lành; cơn sốt cũng đã dứt hẳn rồi, tôi bèn đứng dậy. Tôi biết mình chưa khỏi hẳn và cơn sốt rét có thể trở lại ngày hôm sau. Tôi cần phải lợi dụng lúc này để lấy lại sức khỏe phần nào và chuẩn bị nước uống ngay bên cạnh mình khi cơn sốt trở lại. Trước tiên, tôi lấy đầy một chai nước đem để trên bàn, cạnh giường nằm. Để cho nước đỡ nhạt, tôi pha thêm một phần chai rượu mạnh. Tôi cắt một miếng thịt dê đem nướng lên, nhưng chẳng ăn được mấy tí. Tôi muốn ra ngoài đi dạo một chút nhưng trong mình quá yếu. Tôi thấy buồn và lòng se lại khi nghĩ đến tình cảnh

khốn đốn của mình, lo sợ ngày mai cơn sốt rét lại trở lại. Buổi chiều, tôi nướng ba cái trứng rùa và ăn theo kiểu lòng đào để lấy lại chút sức.

Ăn xong, tôi gắng đi dạo một chút nhưng sao mà trong người mệt đến thế! Tôi mệt đến nỗi không mang nổi khẩu súng nữa. Vì vậy tôi không đi xa. Tôi ngồi phệt xuống đất và nhìn ra mặt biển lúc đó bằng phẳng và yên lặng. Tôi ngồi như thế, suy nghĩ một lúc lâu.

Rồi tôi đứng dậy, tư lự và buồn rầu, chậm rãi trở về, trèo qua bức lũy vào nhà và định đi nằm. Nhưng tâm trí hoang mang đến cực độ nên tôi rất khó ngủ; tôi đành phải ra ngồi trên ghế. Trời đã tối, tôi thắp đèn lên. Cơn sốt bắt đầu đe dọa làm cho tôi lo lắng lạ thường. Trong cơn lo lắng, tôi chợt nghĩ ra rằng người Bồrêdin lúc bị bệnh sốt rét hầu như chẳng dùng thuốc gì ngoài thuốc lá hút. Tôi lại nhớ đương còn một cuộn thuốc lá cất trong một cái hòm nào đó, nhiều lá đã vàng và một số đương xanh.

Tôi bèn đứng ngay dậy khỏi ghế và như có linh tính, tôi đi thẳng lại đúng cái hòm đựng vị thuốc cứu tinh. Tôi mở hòm ra và thấy ngay cuộn thuốc lá quý báu đó.

Tôi không biết cách dùng thuốc lá để chữa bệnh mà cũng không hiểu nó có công hay phạt đối với

cơn sốt của tôi. Tuy nhiên tôi cũng thử dùng nhiều cách, tin chắc bằng cách này hoặc cách khác, thể nào tôi cũng khỏi bệnh. Trước tiên tôi lấy một lá thuốc bỏ vào miệng nhai. Thuốc lá nặng và đương xanh, tôi lại không quen dùng theo cách này nên choáng váng cả đầu óc. Sau tôi lấy một lá khác ngâm vào rượu mạnh và cứ nằm nghỉ mà uống chừng một hai giờ đồng hồ một lần. Cuối cùng tôi sấy lá thuốc trên than hồng cho khói bốc lên và tôi áp mũi lại thật gần để xông cho đến khi không chịu nổi nóng hoặc sặc hơi mới thôi.

Đêm cũng đã khuya và hơi thuốc lá nặng quá làm cho tôi choáng váng đầu óc nên tôi thấy buồn ngủ. Trước khi đi ngủ tôi cứ để nguyên ngọn đèn cháy trong hang cho sáng sủa một chút phòng khi cần lấy gì cũng dễ dàng. Tôi ngủ li bì suốt đêm hôm đó, suốt cả ngày hôm sau, suốt cả đêm hôm sau và suốt cả một buổi hôm sau nữa. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy trong người thanh thản hẳn lên, hăng hái và khoan khoái lạ lùng. Tôi đứng dậy và thấy mình khỏe hơn mấy hôm trước, bụng thấy đói và muốn ăn. Nói tóm lại, tôi không còn bị cơn sốt day dứt nữa và khỏe dần lên.

Ngày 30 tháng 6. - Theo sự tiến triển của bệnh sốt rét thì là ngày tạnh cơn. Tôi lại mang súng đi ra dạo bên ngoài một quãng. Tôi bắn được một cặp

chim biển, nom hơi giống loại ngỗng trời. Tôi xách chim về nhà nhưng chưa muốn ăn thịt chim nên tôi chỉ ăn tạm vài ba quả trứng rùa, món ăn mà tôi rất thích. Buổi tối, tôi lại dùng phương thuốc đã chữa cho tôi dứt cơn, đó là thuốc lá dầm trong rượu mạnh. Tuy nhiên lần này tôi có rút bớt ít nhiều; mỗi lần uống đã ít hơn trước, lại không nhai thuốc lá mà cũng không xông mũi bằng khói như trước nữa. Thế nhưng ngày hôm sau mồng 1 tháng 7, tôi lại thấy mình không được khỏe khoắn như là tôi đã tưởng; tôi thấy hơi ớn lạnh; tuy thế cũng không còn gì đáng ngại.

Ngày mồng 2 tháng 7. - Tôi lại dùng thuốc theo cả ba cách, và lần này tôi lại uống tăng rượu ngâm thuốc lên gấp đôi. Hơi thuốc lại bốc lên đầu làm tôi choáng váng không kém lần trước.

Ngày mồng 3. - Cơn sốt rét dứt hẳn, nhưng cũng phải vài ba tuần lễ nữa tôi mới thật lại sức.

Từ mồng 4 đến 14 tháng 7. - Công việc chính hàng ngày của tôi là mang khẩu súng ra dạo bên ngoài. Ngày nào tôi cũng đi ra nhưng tôi không đi lâu, chỉ vừa đủ cho một người ốm mới khỏi bệnh và đương cố gắng lấy lại sức khỏe. Thật cũng khó mà lường được tôi đã mất sức tới mức độ nào và tôi đã yếu đi như thế nào. Phương thuốc trị bệnh của tôi quả là mới mẻ vô cùng và có lẽ từ trước tới

nay chưa ai dùng nó để chữa sốt rét cả. Kinh nghiệm của tôi thật ra chưa đủ bảo đảm để phổ biến cho bất kỳ ai, bởi vì một mặt nó có chữa khỏi bệnh thật đấy nhưng mặt khác nó cũng góp sức với bệnh làm cho tôi suy nhược đi nhiều. Trong một thời gian khá lâu, nó vẫn còn gây ra tình trạng hỗn loạn như lên cơn kinh, giật chân, giật tay, rùng mình rùng mẩy.

Những cuộc đi dạo thường xuyên như thế đã cho tôi kinh nghiệm quí báu là nó gây cho tôi nhiều tai hại. Đó là một nguyên nhân bệnh sốt rét của tôi. Nó cũng lại giúp tôi rút ra được một nhận xét cần thiết cho bản thân là không gì có hại cho sức khỏe bằng đi ra ngoài trời trong mùa mưa, nhất là khi cơn mưa lại kèm một cơn bão hay một cơn dông. Hơn nữa, về mùa khô ráo, thỉnh thoảng bất chợt có cơn mưa thì bao giờ cũng kèm theo dông tố, cho nên mưa về mùa này nguy hiểm hơn và đáng sợ hơn là mưa tháng 9 và tháng 10.

CHƯƠNG 8

Mãi đến hôm 15 tháng 7 tôi mới mở một cuộc thăm dò xứ sở của tôi, một cuộc thăm dò kỹ lưỡng nhất từ trước đến nay. Tôi bắt đầu đi ra cái vịnh nhỏ, chỗ ghé tất cả những chuyến bè chở vật liệu lấy ở tàu về. Tôi đi men theo bờ sông. Đi ngược dòng độ hai dặm đường, tôi nhận thấy nước thủy triều không lên tới đó nữa và chỉ còn lại một dòng suối nhỏ, nước mát và ngọt, ngon lạ thường. Dạo này về mùa hè, tiết trời khô ráo, có nhiều chỗ gần như cạn hết nước, tuy nhiên cũng còn đủ chút ít để nối tiếp cho dòng nước chảy rì rì.

Tôi hết sức chú ý tìm cây sắn mà người châu Mỹ ở miền khí hậu này, vẫn dùng làm bánh ăn, nhưng tìm đâu cũng không thấy. Tôi gặp những cây lô hội[1] tuyệt tốt nhưng cũng chưa biết có thể dùng vào việc gì; tôi lại gặp khá nhiều bụi mía, nhưng chỉ là loại mía dại cằn cỗi thiếu chăm sóc.

---

[1] Lô hội (aloès): một thứ cây giống cây dứa ở vùng nhiệt đới, lá có sợi và có gai (N.D.).

Tôi tìm được nhiều thứ quả, đặc biệt là dưa bở mọc lổn nhổn khắp mặt đất và nho treo nặng trĩu trên cây đầy những chùm quả chín mọng vừa dịp hái. Món quà tự nhiên đó làm cho tôi vừa ngạc nhiên vừa vui mừng vô kể.

Tuy nhiên, tôi cũng hạn chế được lòng ham muốn và chỉ ăn vừa chừng món nho chín, mặc dầu nho ở đây ngon ngọt vô cùng, ăn vào đến đâu biết đến đó. Ăn xong, tôi hái nho xếp thành từng đống. Mùa đông được ăn nho khô thì tuyệt thú.

Tối hôm đó tôi nghỉ lại ở vườn nho. Tôi chọn một cây cao và um tùm, trèo lên, tìm một chỗ chắc chắn, đánh một giấc suốt đến sáng. Hôm sau, tiếp tục đi thêm bốn dặm đường nữa về phía bắc, tôi tới một khoảng đất trống trải, có một dòng suối nhỏ chảy qua, nước mát rượi và trong suốt. Hai bên bờ suối cây cỏ tốt tươi, trăm hoa đua nở, khác nào một vườn cây được chăm sóc chu đáo đương khoe tươi dưới một bầu trời xuân vĩnh viễn.

Tôi thong thả đi dọc thung lũng, say sưa ngắm cảnh, quên cả những nỗi phiền muộn đang giày vò tâm trí. Tôi gặp rất nhiều cây ca cao, cam, chanh và chanh yên, tuy đều hoang dại nhưng mọc rất tốt; nhiều cây cũng đã có quả. Tôi hái một ít chanh tuy còn xanh nhưng ăn cũng ngon mà lại rất lành;

về sau tôi thích vắt nước chanh vào nước uống làm cho nước thêm ngon, thơm mát và lành hơn.

Tôi lại phải tích trữ một số nho và chanh để dùng trong mùa rét. Tôi chất được hai đống nho và một đống vừa chanh vừa chanh yên lẫn lộn. Xong xuôi, tôi hái thêm một ít cả mấy thứ quả đem về, dự định sẽ trở lại một ngày gần đây.

Sau ba ngày du lịch, tôi trở về nhà, tức là chỗ cái lều và hang đá của tôi, nhưng chưa tới nơi, bao nhiêu nho hái về đều đã chín nẫu ra và đè lên nhau nặng quá nên dập hết cả, chẳng được việc gì nữa. Còn chanh yên thì vẫn ngon lành, chỉ tiếc tôi hái về có ít.

Hôm sau là ngày 19, tôi trở lại vườn mang theo hai cái bị mới đan xong để đựng quả. Nhưng tôi rất ngạc nhiên thấy đống nho ngon lành hôm qua xếp rất cẩn thận như thế mà giờ đã hỏng hết: nho bị tha đi kéo lại vương vãi khắp nơi, một phần lại bị nhấm dở, hoặc bị ăn mất! Chắc có những loài thú rừng ở quanh quẩn đâu đấy đã đến phá hoại...

Thế là không thể đánh đống nho lại đó mà cũng không thể bỏ vào bị mang về; một đằng thì làm mồi cho thú rừng, một đằng thì để đè lên nhau đến bẹp và nát hết. Tôi bèn nghĩ ra một cách thứ ba và tốt nhất: tôi hái thật nhiều chùm nho, đem treo lên

cành cây để phơi nắng cho khô chín đi. Còn chanh yên và chanh thì tôi hái mặc sức để đem về nhà, cho tới lúc vác nặng è cổ ra mới thôi.

Trên đường về tôi lại say sưa ngắm cảnh thung lũng; sản vật thật dồi dào, địa thế thật đáng yêu, lại ẩn sau những rừng cây và những ngọn đồi nhỏ nên dễ tránh được dông tố do gió đông đem tới. Từ nhận xét đó, tôi nghiệm ra rằng chỗ tôi ở hiện nay quả là một nơi tồi tàn nhất trong hòn đảo. Thế là tôi nghĩ ngay đến chuyện dời chỗ ở. Tôi sẽ kiếm trong cái thung lũng phì nhiêu này một khoảng đất thuận tiện để dựng nhà rồi sẽ đắp một bức lũy kiên cố để phòng ngự.

Tôi nuôi cái mộng ấy trong óc đã lâu lắm; cảnh đẹp miền đất mới lại càng kích thích mơ ước của tôi. Nhưng dần dần, suy đi tính lại, hết xa đến gần, tôi nghĩ rằng "dinh cơ" của tôi hiện nay ở rất gần bờ biển lại có những thuận lợi khác; biết đâu dông tố và biển cả đã ném tôi lên hòn đảo này lại chẳng đem đến cho tôi những người bạn xấu số như tôi và cũng bằng cách ấy? Hy vọng ấy kể cũng khá mỏng manh nhưng không phải là mất hẳn. Ngược lại, nếu rút lui vào "đóng đô" giữa những ngọn núi cao và những rừng cây ở giữa đảo thì tôi chỉ siết chặt thêm sợi dây trói buộc tôi lại đây; hy vọng thoát

ra khỏi cảnh cô đơn này, hiện nay đã khá mỏng manh lúc đó sẽ tiêu tan hẳn! Và tôi kết luận không nên dời chỗ ở nữa.

Tuy nhiên, vì quá say sưa với cảnh đẹp, tôi đã nán lại chỗ vườn quả cho đến cuối tháng 7. Sau đó mặc dầu đã sáng suốt quyết định không dời chỗ ở nữa, tôi vẫn cố gắng để thỏa mãn ước mơ của mình một phần nào. Tôi dựng một nếp trại nhỏ ở giữa một vòng hàng rào khá rộng, gồm hai lớp ván ghép với nhau cao vừa tầm tay tôi với. Giữa hai lớp rào tôi cắm rất nhiều cành nhỏ; những cành này về sau nảy mầm mọc thành cây cao, cành lá xum xuê che kín cả bức lũy. Một đôi khi tôi ngủ hai ba tối liền trong bức lũy mới đó. Tôi cũng dùng thang để ra vào qua hàng rào như ở nhà bên kia. Từ đó, tôi cho mình là chủ nhân của hai dinh cơ: một lâu đài dựng trên bờ biển để lo liệu việc liên lạc với bên ngoài và đón những chuyến tàu cập bến; một "trại" lập ở nông thôn để lo việc trồng trọt, gặt lúa hái nho! Tôi ở lại trại cho mãi đến mồng 1 tháng 8 mới làm xong mọi việc. Từ hôm đó tôi bắt đầu được hưởng kết quả lao động của mình cho tới mùa mưa. Thế rồi lại phải tạm thời rời nhà mới, trở về nhà cũ để tránh mưa một thời gian. Ở trại mặc dầu tôi có dựng một chiếc lều bằng vải buồm thật căng, không kém

chiếc lều trước, nhưng lại không có một tảng núi đá cao và thẳng đứng làm bức thành che mưa to gió lớn mà cũng không có một cái hang để trú ẩn trong khi bão táp phong ba. Tôi đã nói rằng cái trại đã hoàn thành vào đầu tháng 8 và từ đó, tôi bắt đầu được hưởng những điều thích thú do nó đem lại.

Tôi vừa làm xong trại thì mưa giội xuống liên tiếp, từ ngày 14 tháng 8 cho đến rằm tháng 10. Tuy thỉnh thoảng mưa cũng có tạm ngớt, nhưng nhiều lúc lại có những trận khác tiếp đến rất dữ dội, tôi phải nằm lì trong hang đá hàng mấy ngày liền.

Từ ngày 14 tháng 8 cho đến ngày 26, trời mưa không ngớt. Suốt thời gian đó tôi không thể bước chân ra ngoài được, phần vì mưa to, phần vì không dám dầm mưa sợ bị ốm. Chính trong thời gian "cấm cung" dài dằng dặc đó, tôi thấy lương thực bắt đầu cạn. Nhân trời hửng được một chút, hai lần tôi đi liều ra ngoài chốc lát cũng bắn được một con dê rừng và bắt được một con rùa lớn lắm. Thật là đại tiệc! Tôi phân phối những bữa ăn của tôi như sau: "bữa sáng tôi ăn một chùm nho; bữa trưa, một miếng thịt dê hoặc thịt rùa nướng (vì không may tôi chẳng có cái nồi, cái niêu nào để nấu hay hầm cả), chiều đến vài quả trứng rùa cũng đủ thành một bữa tối

ngon lành".

Để tiêu khiển trong khi bị bó chân ở nhà vì mưa, tôi làm một vài thứ đồ dùng cần thiết. Mỗi ngày tôi lại dành vài ba tiếng đồng hồ để mở rộng hang đá. Tôi cứ đào sâu về một phía sườn núi, lâu dần xuyên ra được bên ngoài làm thành một lối ra vào thảnh thơi phía sau bức lũy. Thoạt tiên, tôi cũng lo ngại như vậy thì hang có bề trống trải. Từ trước đến nay quả thật tôi được phòng thủ rất kín đáo, thế mà bây giờ tôi rất có thể chạm trán ngay với kẻ địch từ phút đầu tiên. Nhưng thực ra chỉ là sợ bóng sợ gió thế thôi, chứ từ khi bước chân lên đảo đến nay, kể cũng đã lâu rồi, tôi chỉ gặp mấy chú dê xồm là những con vật to và dữ nhất.

Ngày 30 tháng 9 đến nhắc lại cho tôi cái buổi phiêu bạt thảm hại trên đảo vắng! Tôi tính những nét khắc trên cột gỗ và thấy được ba trăm sáu mươi lăm ngày. Tôi coi hôm đó như là một ngày ăn chay, chiều đến, tôi mới ăn một mẩu bánh khô và một chùm nho trước khi đi ngủ.

Một thời gian ngắn sau, mực viết gần cạn. Tôi bắt buộc phải tiết kiệm hết sức nên chỉ ghi lại những trường hợp đặc biệt trong cuộc sống của tôi chứ không còn viết được nhật ký chi tiết về mỗi sự việc xảy ra nữa.

Một năm qua, tôi cũng đã nắm được tình hình thời tiết ở đây và phân biệt được mùa khô ráo với mùa mưa rõ ràng để chuẩn bị công ăn việc làm cho thích hợp. Hiện nay tôi đã có vài chục bông lúa mì và lúa tẻ như các bạn đã biết; tôi bèn đem gieo mỗi thứ một ít.

Tôi dùng cuốc và xẻng gỗ đào xới đất thật kỹ rồi chia làm hai mảnh để gieo hai thứ lúa. Kết quả là không được một hạt thóc nào, bởi vì luôn mấy tháng sau là mùa khô, đất không đủ nước cho mạ nảy mầm. Tới mùa mưa mới mọc được dăm cây lèo tèo thì cũng dần dần cằn đi mà chết.

Mặc dầu thất bại, tôi vẫn không nản lòng. Tôi đoán ngay vì nắng hạn nên lúa mới chột đi như thế. Lần này tôi rút kinh nghiệm và tiếp tục gieo nốt chỗ hạt giống còn để dành lại. Tôi chọn một mảnh đất tốt ở gần trại, đào xới thật kỹ rồi chờ đến tháng 3 thì gieo giống dăm hôm trước ngày xuân phân. Nhờ được mưa phùn trong hai tháng liền, lúa mọc rất khỏe và trổ bông rất đều. Tôi vui sướng đón tiếp "mùa gặt" đầu tiên, thu về được mỗi thứ lúa một đấu hạt khô và chắc, mẩy. Từ đó tôi trở thành một nhà nông có kinh nghiệm nắm vững thời vụ gieo hạt giống và cách chăm bón cây lúa. Năm nào tôi cũng gieo giống hai lượt và gặt hai mùa,

dần dần có đủ lúa mì làm bánh và gạo để làm thức ăn như trên kia đã nói.

Tôi lại tiếp tục cuộc du lịch đi tìm hiểu đất đai. Tôi đã lập một cái trại mới và ở đó tôi có thể nhìn thẳng về phía sau hòn đảo ra tận bờ biển. Bây giờ tôi muốn đi thẳng ra chỗ bờ biển phía ấy. Tôi đem theo con chó, xách cây súng săn và một cái búa, bỏ vào bị vài ba chùm nho, một số đạn ghém và thuốc súng nhiều gấp bội ngày thường, rồi lên đường. Vượt qua thung lũng, tôi thấy ngay biển về phía ấy. Lúc bấy giờ rất tốt trời tôi thấy ở xa xa có một dải đất. Không hiểu đó là một hòn đảo hay đất liền, nhưng tôi thấy nó cao lắm, kéo dài từ tây đến tây tây nam và ít nhất cũng còn cách tôi đến vài ba chục dặm đường.

Tất cả những điều hiểu biết của tôi chỉ có thể giúp tôi ước đoán và nhận định rằng dải đất đó thuộc về châu Mỹ và có thể là nó ở liền ngay những thuộc địa Tây Ban Nha. Cũng có thể ở đó chỉ có những giống người thổ dân còn dã man. Nếu tôi đặt chân lên đó, rất có thể sẽ gặp một sự không may và bi đát hơn là hoàn cảnh hiện tại. Nghĩ như thế, tôi cho là mình đã may mắn phiêu bạt lên hòn đảo này và tôi cũng phó mặc theo số phận. Dải đất đó chưa làm cho tôi phải áy náy chút nào và tôi cứ tạm thời

yên tâm với cuộc sống hiện tại.

Phía bên này hòn đảo có vẻ khác hẳn phía tôi ở. Phong cảnh thật là thanh tú. Thung lũng và đồng bằng đều một màu xanh ngắt, đây đó điểm những bông hoa sặc sỡ muôn màu. Rừng cây cao và rậm. Tôi gặp nhiều đàn vẹt và cũng muốn bắt lấy một con để nuôi cho quen mà dạy cho nó nói. Tôi vung gậy lên ném trúng một chú vẹt non và bắt được nó. Tôi nhặt nó lên áp vào ngực và săn sóc nó rất cẩn thận nên chỉ một lúc sau nó hồi tỉnh và khỏe mạnh như cũ. Tôi bèn đem nó về nhà. Cũng mất vài ba năm tôi mới dạy được nó nói. Tôi đã tập được cho nó gọi tên tôi rất thân mật. Về sau xảy ra một việc, tuy không có gì đặc biệt nhưng chắc cũng có thể giúp vui các bạn phần nào; vậy khi tới đoạn đó tôi sẽ xin nhớ kể lại.

Suốt trong cuộc du lịch, tính theo đường chim bay, không bao giờ tôi đi quá hai dặm đường một ngày. Nhưng tôi có ý muốn đi quanh co cốt để tìm được nhiều điều bổ ích, thành ra mỗi buổi chiều khi tới chỗ nghỉ chân thì trong người cũng đã khá mỏi mệt. Thế là tôi trèo lên một cây cao hoặc nằm giữa hai gốc cây gần nhau, rào thêm ít cành cây nữa là yên tâm ngủ.

Tới bờ biển, tôi lại thêm thích thú với cảnh vật

ở phía bên này hòn đảo. Tất cả những điều tai nghe mắt thấy càng làm cho tôi yên trí rằng thì ra từ trước đến nay, mình đã chọn lấy phần khô cằn nhất. Trong một năm rưỡi trời, bờ biển phía kia chỉ cung cấp cho tôi được có ba con rùa biển; ở bên này thì hàng đàn hàng lũ, đổ đi không hết. Ở đây khắp nơi nhan nhản những chim đủ các loại, cũng có nhiều giống rất lạ nhưng thịt ăn rất ngon, mặc dầu tôi không biết tên trừ giống chim "mang tơi" thường thấy ở châu Mỹ.

Tôi có thể bắn thả cửa nhưng vì muốn tiết kiệm thuốc đạn, tôi chỉ mong hạ lấy một chú dê để ăn được nhiều và lâu hơn. Ở đây quả là có nhiều dê hơn bên kia nhưng khó đến gần chúng quá, bởi vì đất thì bằng phẳng và thấp, chúng nó trông thấy tôi rất dễ dàng chứ không như khi tôi đứng trên đá cao hoặc trên núi nhìn xuống.

Khi trở về, tôi tìm một con đường khác, hy vọng có thể biết được toàn thể hòn đảo. Nhưng tôi đã lầm. Vừa đi sâu vào chừng vài ba dặm đường, tôi đã gặp một thung lũng rộng, xung quanh có một dãy đồi cao bao bọc. Trên đồi, cây cối rậm rạp đến nỗi không thể nào tìm ra được đường đi ngoài cách nhắm theo hướng mặt trời. Loanh quanh mãi không kiếm ra được một con đường khác, tôi đành quay

trở lại phía bờ biển để về nhà theo đường cũ.

Trong chuyến đi này, con chó của tôi bắt gặp một con dê con và nó đã vồ ngay lấy. Tôi chạy ngay lại và chật vật lắm mới cứu được con vật bé nhỏ thoát khỏi hàm răng con chó. Tôi rất muốn đem nó về nhà, vì tôi vẫn ao ước bắt được một đôi dê non đem về nuôi; sau này chúng sinh sôi nảy nở thành một bầy dê nhà, tôi sẽ có đủ thức ăn, tiết kiệm được thuốc đạn.

Tôi làm một cái vòng quấn quanh cổ nó, lấy một đoạn thừng buộc vào rồi dắt nó đi theo. Thật cũng đã bở hơi tai với nó mới dắt được nó về trại. Tới nơi, tôi thả ngay nó vào trong đó cho nó gặm cỏ rồi vội vàng trở về nhà cũ sau một tháng trời xa vắng.

Nói sao cho hết nỗi vui sướng của tôi khi về tới ngôi nhà cũ thân mến, được nghỉ ngơi thoải mái trên cái võng êm ái. Chuyến đi mới rồi, ban ngày thì không định trước được đường đi, ban đêm thì thiếu chỗ nghỉ ngơi yên ổn, cho nên tôi mệt quá. Bây giờ trở về tôi cảm thấy nếp nhà cũ của tôi thật đúng là tổ ấm và không thiếu một thức gì. Tất cả mọi vật xung quanh đều khiến tôi thêm hồ hởi. Tôi tự nhủ: còn ở trên đảo ngày nào, không bao giờ tôi đi xa nhà lâu như thế này nữa.

Tôi ở lại nhà suốt một tuần lễ, phần để tận hưởng

cái thú êm ấm được nghỉ ngơi, phần để lấy lại sức sau một chuyến đi dài. Sau đó, tôi nghĩ ngay đến con dê con đáng thương còn bị nhốt ở trong trại. Tôi đến tìm ngay và cho nó ăn. Khi nó ăn xong, tôi lại buộc nó như lần trước và dắt đi. Trong trại cũng ít cỏ nên chú ta đói, mất cả hung hăng phá bĩnh và trở nên ngoạn ngoãn đi theo tôi như một con chó đến nỗi tôi cũng chẳng cần phải cầm chừng và dắt nữa. Tôi săn sóc nó rất chu đáo, luôn luôn cho ăn và vuốt ve nó hàng ngày. Một thời gian ngắn, nó đã quen tôi và trở nên dễ thương, dễ mến; nó không còn muốn rời tôi ra nữa và tôi cũng liệt nó vào hàng gia súc cùng với con chó và con vẹt.

CHƯƠNG 9

Sau tiết thu phân lại đến mùa mưa. Ngày 30 tháng 9 là ngày kỷ niệm hai năm tôi đặt chân lên đất này và tôi vẫn chưa có thêm một tia hy vọng ra khỏi hòn đảo. Tôi tổ chức kỷ niệm ngày hôm đó cũng trang nghiêm như lần trước. Lại một dịp nữa để ôn lại quãng đời hai năm qua so với ngày tôi đặt chân lên đảo.

Trước kia, lúc đi săn hoặc đi chơi ngoài đồng nội, tôi thường nghĩ tới cảnh cực khổ của mình và có những khi trên bãi cát, tôi đứng lặng đi và đau đớn thấy mình trơ trọi một thân, bị cầm tù trong vòng vây vĩnh viễn của biển cả. Những ý nghĩ đó cũng thường đến giữa lúc tôi bình tĩnh nhất.

Như một cơn bão táp, nó xô tôi vào chỗ hoang mang hỗn loạn, khiến tôi cứ vặn tay mà khóc như một đứa trẻ.

Một đôi lần, những cử chỉ ấy bật ra giữa lúc tôi đang làm việc. Thế là tôi ngồi phịch xuống, thở dài não nuột, mắt dán xuống đất hàng hai ba giờ đồng hồ liền. Như thế chỉ càng làm khổ não thêm. Nếu

tôi có thể khóc lên, gào lên được, có lẽ tôi nhẹ người hơn vì đã trút được gánh nặng.

Nhưng bây giờ thì tâm hồn tôi lại rất thư thái và chứa chan biết bao nhiêu ý nghĩ khác, sáng sủa và yêu đời hơn.

Dạo này, tôi lại thường hay chú ý tới dải đất xa xa ở trước đảo và hễ nghĩ đến nó là trong lòng tôi lại rạo rực một ước mơ thầm kín, mong sao đặt chân lên đó được. Chính thế, tôi vẫn nghi trên dải đất ấy không có người ở và nó nằm vào một doi đất liền. Như vậy thì cho dù địa thế của nó ra sao chăng nữa, tôi cũng có thể từ đó mà đi xa hơn rồi tìm được cách tự thoát khỏi cảnh giam cầm.

Nhưng tôi quên bẵng không để ý cân nhắc những gian nan có thể gặp trong một chuyến đi như thế. Trước hết tôi có thể sa vào tay những bộ lạc thổ dân ở đó; thật là đáng sợ vì đã sa vào tay họ thì khó lòng thoát chết. Họ hung hăng dữ tợn lạ thường. Trước đây họ đã giết chết nhiều người Tây Ban Nha, mặc dầu những người này thường đi thành đoàn mười người, có khi đến hai mươi người nữa. Vậy mà bây giờ nếu tôi chỉ đi một mình và không đủ sức tự vệ thì lại càng đáng sợ. Đúng ra tôi phải suy tính cho đến nơi đến chốn tất cả những điều đó để sau này khỏi phải băn khoăn, thì ngay lúc đầu tôi chẳng để ý đến tí nào. Trái lại, tôi đã vô cùng lạc

quan với mơ ước có thể vượt biển để đặt chân lên dải đất ngoài kia.

Tôi lại tiếc chú bé Xuri và chiếc thuyền cướp được của tên cướp biển ở Xalê đã giúp tôi vượt được hơn một nghìn dặm biển theo bờ biển châu Phi dạo trước. Nhưng nhớ tiếc như thế quả là hão huyền, tôi bèn nghĩ tới chiếc xuồng cũ đã giạt lên đảo trong cơn dông tố ngày nọ. Tôi vẫn thấy nó nằm im như xưa nhưng cách xa chỗ trước một chút, sóng và gió đã đẩy nó vào và lật úp nó xuống một mô đất; bây giờ thì nó nằm trên cát khô.

Nếu có được một người nữa giúp tôi lật ngửa xuồng lên rồi đẩy nó xuống nước thì với chiếc xuồng ấy tôi có thể vượt biển sang tới nước Bờrêdin một cách dễ dàng. Nhưng chỉ có một mình tôi thì lật nó lên cũng khó như lật ngược cả hòn đảo. Vậy mà tôi không mảy may nghĩ tới cái khó ấy. Đến đâu thì đến, tôi cũng cứ vào rừng chặt gỗ làm đòn bẩy và làm trục lăn, đem ra xuồng, và thử sức mình xem có làm nổi việc không. Đưa được xuồng đến chỗ thuận tiện thì tôi chắc cũng có thể sửa chữa lại cho tốt để yên tâm vượt biển theo ý định.

Quả thật tôi không tiếc sức bỏ vào cái công dã tràng này; tôi nhớ đã mất đứt vào đó đến ba, bốn tuần lễ chứ không phải ít. Sau cùng, tự liệu sức mình không thể nâng nổi một vật nặng như thế,

tôi đành hậm hực bỏ dở công việc. Tôi bèn nghiên cứu dùng một thân cây to để làm một chiếc xuồng hay một cái thuyền độc mộc giống như thứ xuồng của thổ dân miền này. Theo ý tôi công việc ấy chẳng phải là viển vông mà cũng không có gì khó khăn lắm. Tôi tin thể nào mình cũng có nhiều sáng kiến và tháo vát hơn những người thổ dân trong việc này, họ làm được xuồng thì tôi cũng phải làm được. Nhưng tôi quên rằng tôi lại có những trở ngại mà những người thổ dân không bao giờ gặp, ví dụ như thiếu người giúp đỡ để đưa chiếc thuyền ra biển sau khi làm xong. Trong hoàn cảnh của tôi, làm thế nào vượt qua cho được trở ngại vô cùng khó khăn ấy!

Thế là tôi lao đầu vào một việc vô ý thức nhất mà một con người có thể làm, nếu không phải là một người mất trí. Tôi tự hào đã có một dự kiến độc đáo, chẳng cần xét lại xem mình có thể hoàn thành được hay không. Không phải tôi không nghĩ tới khó khăn khi phải chuyển xuồng xuống biển đâu! Nhưng chính đó là một khía cạnh mà tôi không chịu để ý nghiên cứu cho đến nơi đến chốn. Tôi cứ xoa dịu tất cả những sự ngần ngại của mình bằng cái lý lẽ sau đây: "Bây giờ ta cứ làm xuồng - tôi tự bảo mình như thế - xuồng đóng xong, với óc tháo vát của ta, thể nào cũng tìm được cách chuyển nó

đi và hạ nó xuống biển".

Cái cách suy luận đó quả là quái gở hết sức, trái hẳn với lương tri. Thế mà cuối cùng cái tính bướng bỉnh của tôi vẫn thắng, tôi bắt tay ngay vào việc. Trước tiên tôi chặt một cây bách; có lẽ dân Li băng cũng chẳng bao giờ có một cây gỗ như thế để dâng lên cho vua Xalômông[1] dựng ngôi đền ở đất thánh Giêruydalem! Đường kính ở gốc đo được năm bộ và mười tấc, phía trên cũng được bốn bộ và mười một tấc, từ đầu này đến đầu kia dài hai mươi hai bộ. Thật là vĩ đại! Tôi đã mất hẳn hai mươi hôm để chặt cho nó ngã, lại mất thêm nửa tháng nữa để phát sạch cành và chặt cụt cái ngọn đồ sộ của nó. Tôi đã huy động tất cả rìu và búa, tất cả những đồ thợ mộc tốt nhất để phụ vào với tất cả sức lao động cật lực của tôi. Tôi lại mất hẳn một tháng trời đục đẽo và bào gọt theo kích thước đã định để làm tạm một cái thân xuồng có thể giữ được thăng bằng và nổi đúng mực trên mặt nước. Suốt ba tháng trời, tôi khoét lòng cây gỗ và làm xong một chiếc xuồng khá tốt. Để đục lòng cây gỗ, tôi không đốt lửa hoặc dùng một cách gì khác ngoài những dụng cụ, như búa, đục và một sự nhẫn nại không gì lay chuyển

---

[1] Xalômông: Vua Do thái ngày xưa. Tài trí của ông đã được nhân dân ca tụng (N.D).

nổi. Cái xuồng mới của tôi rất đẹp, vừa rộng vừa dài, đủ chỗ cho hai mươi sáu người, thừa sức để chở tôi và tài sản của tôi.

Công việc có kết quả tốt như vậy, tôi sướng vui lạ lùng. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ tôi mới được thấy một cái xuồng lớn và đẹp, đục thẳng từ một cây gỗ như thế này. Nhưng tôi cũng muốn các bạn thử nhớ lại xem tôi đã dùng bao nhiêu công sức vào đó.

Bây giờ chỉ còn việc đưa xuồng xuống nước. Nếu sức tôi có thể làm được việc này, chắc hẳn tôi đã thực hiện xong một chuyến vượt biển rất táo bạo và rất ít hy vọng thành công. Nhưng mọi cố gắng để đưa chiếc xuồng xuống nước đều bị thất bại. Xuồng chỉ cách biển chừng hai trăm sải thôi, nhưng bị một gò đất nổi lên sừng sững chắn ngang đường đi ra biển. Tuy vậy khó khăn không làm cho tôi lùi bước. Tôi bèn dùng cái mai san phẳng gò đất ấy và luôn thể đánh một cái dốc đi xuống. Tôi bắt tay vào việc và mồ hôi của tôi đã đổ xuống đó không kể xiết. Trong cuộc vật lộn gay go này, nguyện vọng tha thiết được tự do đã là nguồn nâng đỡ, an ủi, động viên quý nhất. Nhưng sau khi san phẳng vật chướng ngại đó, tôi nghiệm ra rằng mình cũng chẳng tiến thêm được bước nào, vì bây giờ tôi vẫn không lay chuyển nổi cái xuồng mới này cũng như đã bó tay

trước cái xuồng cũ kia.

Tôi bèn xoay cách khác. Tôi đo chiều dài dải đất, đặt ngay kế hoạch đào một cái vũng hoặc một con mương để đem nước từ ngoài biển vào chỗ cái xuồng.

Tôi bắt tay vào việc ngay. Nhưng, sau khi tính toán kỹ bề sâu và bề rộng của con mương và nghiên cứu kỹ cách đào, tôi thấy ngay với tất cả khả năng hiện tại của tôi, (mà tôi không thể trông mong vào đâu ngoài bản thân), tôi sẽ làm việc cật lực luôn mười hai năm trời mới mong có kết quả. Đất nhô lên quá cao, thành ra ở chỗ xa biển nhất, con mương phải sâu tới hai mươi hai bộ là ít. Tôi đành bỏ dở công việc đó mặc dầu tôi rất tiếc. Tôi buồn da diết và bây giờ tôi mới cảm thấy mình thật là điên rồ.

CHƯƠNG 10

Bốn năm đã qua. Áo quần của tôi đã nối tiếp nhau rách như xơ mướp. Mặc dầu khí hậu miền này rất nóng, tôi vẫn phải dùng quần áo như thường.

Vả lại, thực ra trời càng nắng thì mặc quần áo lại càng dễ chịu hơn là ở trần. Ánh nắng mặt trời thiêu rám cả da làm sần sùi lên từng đám đến khó chịu! Đi đầu trần dưới nắng ở đây cũng rất nguy hiểm vì dễ bị nhức đầu và say nắng; nhưng nếu đội mũ vào thì chẳng mấy chốc lại thấy dễ chịu ngay.

Tôi tìm hết cách để vá quần áo bằng tất cả các thứ giẻ. Nhưng cuối cùng thì giẻ cũng hết mà quần áo thì càng ngày càng rách bươm không dùng được nữa.

Hết áo quần bằng vải, tôi may bằng da thú. Tôi dùng những tấm da mềm nhất để may một cái mũ, mặt có lông trở ra ngoài. Dùng thử mũ thấy tốt, tôi bèn may một bộ quần áo bằng da lông thú. Bộ áo quần này dùng để che mưa nắng hơn là chống rét nên tôi may khá rộng rãi, mặt có lông trở ra ngoài để nước mưa trôi nhanh, khỏi thấm vào trong.

Tôi đã phải mất nhiều công phu và thì giờ mới

làm được một cái dù giống như thứ người ta vẫn dùng ở Bờrêdin, để chống cái nóng gay gắt. Làm đi hỏng lại nhiều phen trong một thời gian khá lâu tôi mới có được một đồ dùng tàm tạm để che mưa, che nắng. Thế nhưng tôi vẫn chưa thỏa mãn với kết quả đó và cả hai ba cái làm về sau cũng thế. Tôi có thể giương dù lên nhưng chưa cụp nó xuống được, nên cứ phải mang nó chềnh ềnh trên đầu, phiền phức quá! Cuối cùng, tôi cũng làm được một chiếc khung dù tạm dùng được rồi căng da lên, mặt có lông trở lên trên. Trời mưa, tôi đứng dưới dù cũng như đứng dưới mái hiên; trời nắng như thiêu như đốt, tôi vẫn đường hoàng đi dạo dưới bóng dù như những ngày râm mát. Lúc nào không cần thiết tôi cụp nó lại và cắp gọn gàng dưới nách.

Như vậy cuộc sống của tôi cũng đã có vẻ dễ chịu; tinh thần của tôi cũng tạm ổn định; tôi cam lòng chịu theo số phận của mình.

Ngoài những việc trên kia đã nói, suốt một thời gian năm năm không xảy đến chuyện gì đáng kể. Ngoài việc đi săn, gặt lúa phơi và cất nho khô, công việc chính của tôi là làm một cái xuồng nhỏ. Tôi đã làm xong chiếc xuồng và đào một con mương sâu sáu bộ, rộng bốn bộ, đưa xuồng ra biển. Còn chiếc xuồng thứ nhất, đồ sộ quá mức vì thiếu tính toán trước như các bạn đã biết thì chẳng bao giờ

tôi có thể hạ thủy nó được nữa! Tôi đành để yên nó tại chỗ, coi đó là một bài học thấm thía, rút kinh nghiệm để sau này làm việc thận trọng hơn. Như các bạn đã thấy, sự thất bại đó không làm cho tôi nản lòng; nó cũng giúp tôi rút ra được những kinh nghiệm bổ ích. Tôi ngả cây gỗ làm cái xuồng thứ nhì cách bờ biển đến nửa dặm cho nên việc dẫn nước từ ngoài biển vào cũng gặp nhiều khó khăn. Nhưng tính toán kỹ và thấy không có gì quá sức, tôi không thất vọng chút nào, cứ vững lòng bắt tay vào việc. Luôn hai năm trời, không quản khó nhọc, lúc nào tôi cũng ôm ấp hy vọng tìm cách lại vượt biển nữa, quyết thoát ra khỏi hòn đảo lao tù này.

Cái xuồng nhỏ của tôi đã hoàn thành. Nhưng nó không đủ sức giúp tôi thực hiện ước mơ đã nảy ra từ đầu, là vượt bốn mươi dặm biển để sang bờ đất liền bên kia.

Không vượt được biển thì ít nhất cũng dùng thuyền mới mà đi một vòng quanh đảo xem sao! Tôi đã đi bộ suốt từ đầu này đến đầu kia đảo; những điều tai nghe mắt thấy trong cuộc du lịch đó đã khiến tôi càng nôn nóng muốn biết rõ tất cả những phần bờ biển khác quanh hòn đảo. Thế là tôi lại loay hoay vào việc đi thăm bờ biển. Để tiến hành cuộc đi cho cẩn thận và chắc chắn, tôi chuẩn bị hết sức chu đáo cho chiếc xuồng nhỏ. Tôi dựng một cột buồm

rồi căng buồm đi thử, và thấy buồm rất ăn gió. Tôi lại làm những khoang, những thùng ở hai đầu để cất giấu thức ăn và thuốc đạn, phòng khi nước mưa, hoặc nước biển có tràn vào trong xuồng cũng không bị ướt. Tôi lại ngăn một khoang riêng để cất khí giới và che đậy cẩn thận. Cuối cùng tôi cắm cái dù vào sau lái thuyền để che mưa nắng.

Hôm ấy là ngày mồng 6 tháng 11 thuộc về năm thứ sáu của "triều đại tôi" hoặc của sự cầm tù của tôi (các bạn muốn gọi là gì cũng được, tùy thích), tôi xuống xuồng bắt đầu đi thăm đảo. Cuộc du lịch này đã kéo dài trong một thời gian quá lâu, ngoài dự tính. Cứ nhìn bao quát thì hòn đảo không rộng lắm, nhưng ở về phía đông có một doi núi đá chạy nhô ra biển dài đến hai dặm đường, lủng củng những đá nhô lên trên mặt nước hoặc mọc ngầm dưới nước. Một dải cát khô tiếp theo doi đá chạy dài thêm ra ngoài biển chừng nửa dặm nữa, thành ra muốn vòng qua mỏm đất đó, tôi phải đi khá xa ra ngoài khơi.

Trước trở ngại đó, tôi đã toan bỏ dở cuộc đi, phần vì chưa quen đường, phần ngại không biết sẽ trở về bằng cách nào. Tôi đã quay xuồng lại và thả neo. Tôi cũng quên chưa nói để các bạn biết tôi đã làm được cả neo cho chiếc xuồng bằng một đoạn neo lớn lấy ở tàu đem về.

Chiếc xuồng đậu yên chỗ rồi, tôi lấy khẩu súng

săn và lên bộ rồi trèo lên một ngọn núi nhỏ. Ở đó tôi nhìn suốt cái doi đá và cát, ước lượng được chiều dài của nó; thế là tôi lại quyết định tiếp tục cuộc du lịch.

Tôi chú ý thấy ngoài khơi có một luồng nước chảy rất nhanh, xiết về phía đầu mỏm đất; nếu tôi sa vào đó thì dễ bị cuốn đi lắm. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu kỹ, tôi thấy nếu điều khiển thuyền cho khéo thì cũng có thể tránh cái luồng nước ấy rồi nương theo cái cồn phía trái mà vòng qua bên kia dễ dàng.

Tôi nghỉ lại ở đồi hai đêm vì gió đông nam thổi mạnh, ngược với dòng nước. Gió dồn sóng đập ầm ầm vào mỏm đá, thật là bất lợi: tôi không thể đi sát vào bờ mà cũng không dám ra xa ngoài khơi sợ có thể bị luồng nước ngoài đó cuốn đi mất.

Tới ngày thứ ba, gió tạnh, biển lặng, tôi tiếp tục cuộc hành trình. Những người hoa tiêu hùng hổ và ngốc nghếch hãy chú ý tới việc sẽ xảy ra cho tôi sau đây mà rút kinh nghiệm. Tôi chưa ra được đến đầu doi đất đã thấy mình bơi thuyền trên một vùng biển sâu, giữa một dòng nước chảy mạnh như thác đổ. Lúc đó tôi chỉ cách bờ đất chừng bằng chiều dài chiếc xuồng. Luồng nước cuốn chiếc xuồng đi mạnh đến nỗi không lúc nào tôi có thể đưa nó lại gần bờ được. Tôi thấy mình bị cuốn đi xa dần cái

cồn bên trái. Trời im phăng phắc, tôi chẳng còn trông chờ gì vào gió nữa. Cố gắng chèo chống bao nhiêu cũng thành vô ích. Tôi tự coi mình là một người chết rồi, vì hòn đảo này có hai luồng nước chạy quanh, chỉ chừng vài dặm nữa là chúng gặp nhau và cuốn tôi ra biển cả. Đến nước này thì thật không còn bấu víu vào đâu được nữa. Tôi không còn hy vọng sống, chẳng phải là sợ chết đuối nhưng vì thấy mình không thể nào thoát được nạn đói một khi lương ăn đã cạn. Luồng nước này sẽ cuốn tôi ra tận biển cả. Trong khi trôi lênh đênh hàng ngàn dặm, tôi sẽ không còn hy vọng được gặp một bờ đất, một hòn đảo hay một dải đất liền; trên thuyền vẻn vẹn chỉ có một vò nước ngọt, một ít bánh khô và một con rùa lớn đã làm thịt sẵn.

Không ai có thể hiểu thấu được hết nỗi đau lòng của tôi lúc thấy mình bị cuốn ra biển cả, xa hòn đảo thân yêu. Tôi đã bị cuốn đi xa tới hai dặm đường và chẳng còn hy vọng gì trở lại nữa. Tuy vậy tôi vẫn cố gắng phấn đấu không ngã lòng. Tôi hết sức hướng cho chiếc xuồng chuyển về phía bắc, tức là về phía luồng nước mà tôi đã chú ý thấy có một bãi cồn chắn ngang. Chừng buổi trưa hình như có một luồng gió nhẹ lướt qua mặt man mát và thổi từ hướng nam đông nam; tôi bắt đầu có hy vọng. Chừng nửa giờ sau, gió thổi mạnh dần và trở thành

rất thuận cho tôi. Lúc đó tôi đã cách xa hòn đảo lắm rồi, chỉ còn thấy dáng lờ mờ nữa thôi. Nếu trời âm u thì thật rồi đời, vì tôi quên mang cả địa bàn đi biển nên chỉ có thể theo mắt nhìn vào hòn đảo mà định hướng trở về. Nhưng cũng may trời vẫn quang đãng; tôi giương buồm lên và nhằm hướng nam mà đi, cố gắng thoát khỏi luồng nước độc địa.

Tôi vừa giương buồm lên, nhìn xuống thì đã thấy nước trong, báo hiệu có một sự thay đổi ở luồng nước; khi chảy mạnh thì nước có vẻ đục và khi sức chảy càng yếu đi thì nước càng trong dần. Đi về phía đông, được chừng nửa dặm biển, tôi gặp một ghềnh đá rải rác chạy dài ra biển. Ghềnh đá ấy chắn luồng nước rẽ thành hai dòng: dòng lớn chảy theo phía nam, như vậy là ghềnh đá nằm về phía đông bắc của nó, còn dòng kia bị đá chắn lại, đâm mạnh về phía tây bắc.

Bây giờ tôi đứng giữa hai luồng nước, một luồng ở về phía nam tức là luồng nước đã cuốn tôi ra xa; một luồng ở về phía bắc, cách xa chừng một dặm đường thì dồn về một hướng khác. Mặt biển thật phẳng lặng, không một gợn sóng, nhưng nhờ cơn gió nồm thổi thẳng tới đảo, tôi cứ tiến dần vào mặc dầu rất chậm, chậm hơn lúc tôi bị luồng nước cuốn ra ngoài khơi nhiều.

Vào khoảng bốn giờ chiều tôi còn cách xa hòn

đảo chừng một dặm đường nữa thì nhận ra chính cái mỏm đá là nguyên nhân tất cả những chuyện rắc rối đó. Nó chạy dài về phía nam và gây ra một luồng nước cực mạnh, đồng thời cũng trở thành một ghềnh đá hướng lên phía bắc. Dòng nước chỗ này phẳng lặng, không đẩy tôi về phía bờ được, nhưng tôi đã lợi dụng sức gió và điều khiển buồm thật đúng hướng, len lỏi qua ghềnh đá theo một con đường ngắn nhất. Khoảng một giờ đồng hồ sau, tôi chỉ còn cách bờ độ một dặm biển. Mặt biển yên tĩnh và chẳng mấy chốc tôi đã vào tới bờ.

Vừa nhảy lên bãi cát, tôi quỳ xuống như muốn tha thiết ôm chầm lấy hòn đảo thân yêu. Tôi quyết từ nay sẽ không làm những chuyện dại dột nguy hiểm như thế này nữa. Tôi neo tạm chiếc xuồng trong cái vũng nhỏ, dưới một đám cây. Thể xác và tinh thần đều mệt nhọc quá độ, tôi lăn kềnh ra đánh một giấc không còn biết trời đất là gì nữa!

Ngủ dậy, tôi muốn đi men theo bờ đảo phía tây để tìm một nơi yên ổn mà cất chiếc xuồng, lúc nào cần đến là có ngay. Được độ một dặm đường tôi gặp một cái vũng rất vừa ý; càng vào sâu trong đất liền nó lại càng hẹp lại cho tới lúc gặp một dòng suối nhỏ chảy thẳng ra vũng. Tôi neo chiếc xuồng ở đó.

Bây giờ tôi phải tìm xem mình hiện ở vào chốn nào trên đảo. Thì ra cũng không xa chỗ hôm trước,

khi tôi bắt đầu đi xuyên qua đảo. Thấy vậy, tôi để tất cả mọi thứ cần dùng lại trong xuồng, trừ khẩu súng và chiếc dù (vì trời rất nắng) rồi tôi lên đường. Mặc dầu hãy còn rất mệt, tôi vẫn đi một cách vui thích; buổi chiều, tôi đã tới cái trại gây dựng hồi trước. Đó là ngôi "biệt thự" của tôi ở nông thôn. Tôi vẫn chăm sóc trồng trọt cây cối cho nên hoa quả sinh sôi nảy nở rất nhiều và rất nhanh. Tôi trèo qua rào mà vào bên trong. Mệt quá, tôi nằm dài dưới bóng cây nghỉ ngơi và ngủ một giấc thật say. Các bạn đương theo dõi câu chuyện của tôi, các bạn tưởng tượng xem tôi đã ngạc nhiên tới mức độ nào khi chợt nghe bên tai có tiếng ai gọi mình dậy, gọi luôn một lúc mấy lần chính tên tôi: "Rôbinxơn Rôbinxơn, Rôbinxơn Cơruxô, anh Rôbinxơn Cơruxô khốn khổ! Trước kia anh ở đâu? Rôbinxơn Cơruxô, anh ở đâu? Rôbinxơn Cơruxô, trước kia anh ở đâu?".

Vì đã chèo xuồng suốt cả buổi sáng, đi bộ suốt cả buổi chiều nên mệt quá, tôi không dậy hẳn được. Nửa mê nửa tỉnh, tôi tưởng như nằm mơ thấy ai nói chuyện với mình. Nhưng tiếng nói ở đâu vẫn nhắc đi nhắc lại: " Rôbinxơn Cơruxô, Rôbinxơn Cơruxô", làm cho tôi cuối cùng tỉnh dậy hẳn. Hoảng hốt vô cùng và kinh ngạc tột bậc, tôi ngơ ngác nhìn quanh. Thấy con vẹt của tôi đậu trên hàng rào, dần dần tôi trấn tĩnh lại và đoán ra nó đã gọi tôi, bởi

vì chính tôi đã dạy nó nói những tiếng đó. Thường ngày, nó vẫn đến đậu trên ngón tay tôi và ghé cái mỏ lại gần mặt tôi, kêu lên: "Rôbinxơn Cơruxô đáng thương ơi! Anh ở đâu? Trước kia anh ở đâu? Làm sao anh lại đến nơi này?" và nhiều câu tương tự...

Mặc dầu biết chắc chắn không còn có thể có ai nói chuyện với mình ngoài con vẹt, tôi vẫn phải cố gắng lắm mới trấn tĩnh hẳn được. Tôi tự hỏi: "Tại sao nó lại bay đến đây mà không tìm mình ở chỗ khác?". Nhưng thực ra ở đây chỉ có nó mới có thể nói với tôi được thôi, cho nên rồi tôi cũng chẳng nghĩ xa nghĩ gần thêm nữa. Tôi gọi rõ tên nó; con chim đáng yêu bay lại đỗ trên ngón tay cái của tôi và, ra vẻ mừng rỡ lại được thấy tôi, nó lại nói: "Anh Rôbinxơn Cơruxô khốn khổ ơi! Trước kia anh ở đâu?". Tôi vuốt ve nó và sau đó tôi đem nó về nhà.

Lênh đênh trên mặt biển cũng khá nhiều rồi, tôi cần nghỉ ngơi và suy nghĩ thêm về những nỗi gian lao đã phải trải qua. Tôi cũng rất muốn đem chiếc xuồng về neo ở cái vịnh nhỏ gần nhà tôi ở, nhưng không thể được. Tôi không dám liều lĩnh đi vòng hòn đảo về phía đông nữa. Chỉ nghĩ đến chuyến đi trước, tôi cũng đã rùng mình sởn gáy, khiếp đảm xanh mang đi rồi. Tôi chưa biết rõ tình hình mặt biển bên kia ra sao, nhưng tôi tin chắc luồng nước kia đã quấn lấy hòn đảo, bên này cũng như bên

ấy; nếu liều lĩnh, tôi sẽ có thể lại sa vào đó và bị cuốn đi ra xa khỏi hòn đảo. Tôi đành bỏ chiếc xuồng lại bên đó và coi như đã mất công không trong bao nhiêu tháng trời.

Tôi sống yên ổn trên đảo chịu đựng số phận của mình hơn một năm nữa.

Suốt thời gian đó tôi không ngồi rỗi, bằng lòng với những thứ mình đã có. Tôi vẫn làm việc không mệt mỏi. Tôi say sưa với công việc, không còn nghĩ ngợi vẩn vơ. Luôn luôn tôi được hưởng cái thú hoàn thành một kết quả lao động mà trước kia mình phải bó tay. Mặt khác, càng ngày tôi càng lành nghề trong nhiều ngành thủ công.

Tôi đã trở thành thợ nặn rất khéo; ngoài bát đĩa, chum vại, bình vò thừa dùng để cất đặt mọi thứ lương ăn, tôi còn nặn được một cái tẩu hút thuốc, một công trình tuyệt mỹ đối với tôi, mặc dầu còn thua xa thứ tẩu vẫn bán ở phố. Tôi rất thích thú với cái tẩu hút thuốc: tôi đã có thuốc lá nay lại có cả tẩu để hút.

Tôi lại cũng trở thành một tay đan giỏi. Tôi đã tìm được một thứ miên liễu, cành rất dẻo, có thể đan được rất nhiều thứ. Trước hết tôi đan một đôi thúng thật chắc, mỗi lần săn bắn được hoặc kiếm được thức ăn thì bỏ vào thúng quẩy về nhà. Dạo trước, nhiều khi vì nặng không xách về được hết,

phải bỏ sót lại thật uổng. Tôi lại đan cả bồ đựng thóc và nhiều đồ dùng khác nữa.

Thuốc đạn càng ngày càng khan, lương thực cũng vơi dần. Tới năm thứ mười một ở trên đảo, tôi phải chú trọng đặc biệt đến việc nuôi dê. Đánh bẫy được một con dê đực và hai con dê cái, tôi bèn dựng một cái chuồng để nuôi chúng. Trong khoảng một năm rưỡi, tôi đã có một đàn mười hai con dê vừa nhớn vừa nhỏ. Hai năm sau, số dê lên tới bốn mươi ba con và tôi bắt đầu giết thịt ăn dần. Tôi làm thêm tất cả năm chuồng nữa nhỏ hơn, mỗi chuồng có nhiều ngăn để lúc cần thì bắt dê cho tiện.

Nuôi được khá nhiều dê cái, tôi mới nhớ đến chuyện vắt sữa. Mặc dầu nghĩ đến hơi muộn, sữa dê vẫn làm cho tôi thích thú vô cùng. Tôi tiến hành ngay công việc và có ngày vắt được bảy, tám chai sữa. Thừa sữa uống, tôi bèn thử làm bơ và phó mát. Sau vài ba lần hỏng, tôi đã có nhiều bơ và phó mát ngon lành, tăng thêm chất và vị cho bữa ăn. Các bạn thử nghĩ, một mình trên một hòn đảo hoang vắng mà bữa sáng có sữa tươi, bữa ăn thường ngày có bánh mì, bánh bột gạo tẻ, thịt dê, trứng rùa, bơ và phó mát; tráng miệng thì có các thứ hoa quả, nhất là nho tươi, nho khô, thiết tưởng cũng thịnh soạn không kém ở những khách sạn bình thường tại các thành phố lớn.

Dạo này, mỗi lần đi ra ngoài, tôi diện một bộ quần áo bằng da rất kỳ lạ. Giá có người nào trông thấy tôi, nếu không kinh sợ thì cũng bò ra mà cười! Tôi xin tả vài nét hình thù của ông "chúa đảo" khi đi chu du trong địa hạt của mình:

Tôi đội một cái mũ bằng da dê cao lêu đêu trông thật không ra cái hình thù gì. Tôi buộc vào sau mũ nửa tấm da dê nữa trùm kín gáy và cổ để che mưa nắng; mưa và nắng ở miền này thì thật khủng khiếp! Tôi lại mặc một cái áo chẽn cũng cắt bằng da dê, tà áo chấm ngang đầu gối. Quần ngắn thì rộng thùng thình, may bằng tấm da lông một con dê xồm; lông dê dài lê thê, buông thõng xuống đến gần mắt cá, thành ra quần đùi mà cũng không khác quần dài. Thắt lưng của tôi cũng làm bằng da lông; đáng lẽ mang đoản kiếm và mã tấu thì tôi giắt một cái cưa và một cái búa ở hai bên hông. Một sợi dây da vòng qua cổ sang phía tay trái, đeo lủng lẳng hai cái túi hình dáng lạ lùng: một túi đựng thuốc súng, một túi đựng đạn ghém. Sau lưng, tôi cõng một cái gùi, vai mang súng và trên đầu là cái dù xòe ra, bao che tất cả thân mình.

Mặt tôi rám nắng, đen sạm lại, tuy chưa đến nỗi như cột nhà cháy; râu tuy thỉnh thoảng có cạo, nhưng vẫn đâm ra như chổi xể. Trên mép, theo ý thích riêng, tôi lại để một cặp ria theo kiểu người

Thổ Nhĩ Kỳ vừa dài vừa rậm khác thường, tô đậm thêm nét cổ quái vào diện mạo của tôi.

Lần đầu tiên thấy tôi trong lệ bộ ấy, con chó có vẻ kinh ngạc và khiếp sợ. Nó nghi nghi hoặc hoặc, chạy nép vào một góc nhà đứng nhìn ra, có ý dò xem cái con vật quái dị kia là bạn hay là thù. Thấy điệu bộ nó như thế, tôi bật cười, lên tiếng gọi. Nhận đúng tiếng chủ, nó chạy ra ngay, ngửi ngửi vào bộ quần áo da dê, sủa lên mấy tiếng rồi mới yên tâm chạy theo sau. Bây giờ nó cũng đã già rồi nên thường cứ lẽo đẽo theo tôi chứ không chạy tung tăng như trước nữa. Nhưng tôi biết chắc rằng nếu có nguy biến, nó cũng vẫn hăng hái liều mình để bảo vệ tôi.

Mỗi lần đi ra như thế mất chừng năm sáu ngày. Tôi men theo bờ biển, đi thẳng tới chỗ chiếc xuồng. Nhiều lần thấy gió lặng sóng yên, mặt biển im lìm êm ả, những luồng nước đổi hướng chạy ra ngoài xa, tôi đã định đưa chiếc xuồng trở về gần nhà. Nhưng tai nạn khủng khiếp hôm trước lại đến ám ảnh tôi. Cuối cùng tôi chọn một cách khác chắc chắn hơn nhưng đòi hỏi nhiều công sức hơn, đó là đóng thêm một chiếc xuồng nữa và sẽ để nó ở bên này. Thế là tôi có hai chiếc xuồng, mỗi cái ở một phía đảo.

Một hôm, không xa chỗ để chiếc xuồng cũ bao

nhiêu, đúng lúc thủy triều lên cao nhất, tôi bắt gặp trên bãi cát những dấu chân người rất rõ ràng! Chưa bao giờ tôi kinh hoảng đến thế này: tôi đứng sững lại như bị sét đánh, hoặc thấy ma quỷ hiện hình. Tôi nín thở, im lặng lắng nghe, tôi nhìn quanh nhìn quẩn, nhưng tuyệt nhiên không nghe và thấy gì khác cả! Tôi trèo lên đồi cao để nhìn ra xa hơn. Tôi lại trở xuống rồi đi thẳng ra bờ biển; nhưng tôi vẫn chẳng thấy gì khác hơn. Không có vết tích gì của con người, ngoài những dấu chân tôi đã gặp. Tôi quay lại chỗ cũ, tưởng rằng lúc nãy mình đã hoa mắt, trông gà hóa cuốc cho nên mới kinh hoàng đến thế. Nhưng tôi vẫn thấy rõ ràng những dấu vết ấy, rành rành dấu vết bàn chân, có đủ ngón, có gót hẳn hoi và tất cả những đặc điểm chứng tỏ đó là bàn chân người.

CHƯƠNG 11

Suốt đêm tôi không chợp mắt được: càng cố xua đuổi cái hình ảnh đã làm cho tôi kinh hoảng thì sự sợ hãi lại càng tăng lên. Nhiều ý nghĩ ghê rợn ám ảnh và làm cho tôi rối loạn tinh thần. Mặc dầu giờ đây tôi ở rất xa chỗ xảy ra câu chuyện bất ngờ, trí tưởng tượng của tôi vẫn loanh quanh luẩn quẩn ở đó, nặng trĩu những lo và sợ. Người nào đã để lại những dấu vết đó? Còn ai khác hơn là những người thổ dân ở đất liền đã bơi xuồng trên biển rồi bị gió ngược hoặc những luồng nước chảy xiết đưa tới đảo này. Có lẽ họ cũng chẳng muốn ở lại lâu trên bờ biển vắng tanh này và tất nhiên tôi cũng chẳng mong gì có họ ở đó.

Ruột rối bời bời nhưng tôi vẫn lấy làm may mắn vì đã không phải chạm trán với họ và họ chưa thấy chiếc xuồng của tôi. Nếu thấy chiếc xuồng, họ sẽ đoán trên đảo có người ở; nhất định sẽ đi tìm và sẽ kiếm ra tôi.

Cũng có lúc tôi tưởng như chiếc xuồng của tôi đã bị lộ. Ý nghĩ đó làm tôi lo lắng khổ sở. Tôi sợ

họ sẽ trở lại đây rất đông. Như vậy cho dầu tôi có trốn thoát được, họ cũng tìm ra chỗ ở của tôi, phá hoại thóc lúa, bắt mất bầy dê và hãm tôi vào chỗ chết đói.

Tôi cứ suy đi tính lại, sợ quẩn lo quanh như thế, chẳng biết xoay sở ra sao. Thế rồi một hôm tôi lại tự an ủi và cho rằng mình đã hốt hoảng, hoa mắt trông nhầm cho nên mới sợ hãi đến thế. Những vết chân ấy chỉ có thể là vết chân của tôi. Chính những dấu vết của tôi đã làm cho tôi kinh khiếp. Rất có thể - tôi tự nhủ - lúc trên xuống bước xuống bờ biển, mình cũng đi về một phía như lúc trở lại xuống. Mình đã giống như những người điên cứ bịa ra hết chuyện ma này đến chuyện quỉ khác, cuối cùng lại bị những câu chuyện bịa đó làm cho mất vía hơn là những người nghe mình kể chuyện.

Thế là tôi lại bình tĩnh. Hàng ngày tôi lại ra ngoài để đi đây đi đó như trước. Mới ở nhà có ba ngày đêm mà tôi đã bị thiếu thốn rồi: trong nhà chỉ còn có vài cái bánh khô và một ít nước ngọt. Tôi nghĩ ngay đến đàn dê cái, vú đang cương sữa cần phải vắt. Tôi thường say sưa làm công việc ấy vào buổi chiều. Tôi ra thật đúng lúc; những con vật đáng thương ấy đang vật vã vì cương sữa, nhiều con đã phát ốm và một số đã bị tắt sữa rồi.

Càng ngày tôi càng mạnh dạn hơn và tôi càng

yên trí rằng mình vừa trải qua một cơn mê hoảng dữ dội. Tuy nhiên tôi cũng chưa thật tin hẳn thế, tôi còn muốn thực sự đến tận nơi đo rõ ràng kích thước cái dấu vết đã gây ra cơn mê hoảng. Ra đến nơi, tôi thấy rõ ngay mình không thể nào từ trên xuống bước xuống được chỗ đó. Hơn nữa, sau khi ướm thử, tôi thấy rõ ràng cái vết chân ấy to hơn bàn chân tôi. Thế là tôi lại phấp phỏng lo sợ. Tôi rùng mình như lên cơn sốt rét. Tôi trở về nhà yên trí rằng đã có người đặt chân lên bãi biển, hoặc là hòn đảo có người ở. Đằng nào tôi cũng có thể gặp nguy cơ bị đánh bất thình lình, khó mà đề phòng trước được.

Suốt tối hôm sau, tôi lại nghĩ quẩn lo quanh chuyện đó, nỗi lo âu tăng lên đến cùng độ. Thì ra sợ bóng sợ gió như thế còn khủng khiếp gấp ngàn lần hơn là nếu ta biết bình tĩnh nhìn thẳng vào tai nạn mà tìm cách tránh, hoặc tự vệ.

Thế là tôi bắt đầu hối tiếc việc đào cái hang xuyên qua núi mở một lối ra vào ở vách đá phía ngoài bức lũy. Để cứu vãn tình thế đó, tôi quyết định làm thêm một bức lũy mới, cũng theo đường vòng cung, bao bên ngoài bức lũy cũ, đúng vào chỗ trước đây mười hai năm tôi đã trồng hai dãy cây. Những dãy cây này vốn trồng dày cho nên bây giờ chỉ cần chôn thêm một ít cọc gỗ chen vào giữa mỗi khoảng cây

là hoàn thành một bức lũy hết sức chắc chắn.

Như vậy là tôi có hai bức lũy che chở: bức ngoài bằng những cọc gỗ, những dây tam cố đã cũ và tất cả những gì có thể làm cho nó vững chãi thêm. Tôi lại đổ thêm đất và giẫm đi giẫm lại cho đất nén xuống thật chắc mà vẫn cao đến trên mười bộ. Tôi lại trổ ra năm cái ngách khá rộng có thể thò tay qua. Trong mỗi ngách, tôi đặt súng hỏa mai như kiểu bố trí đại bác ở những ụ súng sao cho nội trong vòng hai phút đồng hồ, tôi có thể bắn liên tiếp ở tất cả năm lỗ châu mai đó. Tôi đã phải hao công tốn sức bao nhiêu tháng trời để đắp lũy và tôi không dám nghỉ ngơi một phút trước khi công việc hoàn thành.

Làm xong bức lũy, tôi ươm trên một khoảng đất rộng ở mé ngoài rất nhiều cành cây con, mau bén rễ, lớn nhanh, gỗ thì cứng. Có lẽ trong một năm trời tôi đã cắm xuống đó đến hai vạn cành như thế.

Giữa lùm cây và bức lũy lại chừa một khoảng trống khá rộng để tôi có thể ra đó xem xét tình hình đối phương đồng thời không phải lo ngại những cạm bẫy bất ngờ của họ.

Hai năm sau, đám cây trở thành một cái lùm dày đặc và sáu năm nữa thì trước chỗ tôi ở đã có một cánh rừng vừa rậm vừa cao không ai vào nổi. Vậy thì còn ai dám nghĩ rằng ở phía sau rừng lại có nhà

cửa và người ở.

Mặc dầu dồn hết tâm trí vào công việc đó, tôi vẫn không sao nhãng những việc khác. Tôi chú ý đặc biệt tới đàn dê. Chẳng những chúng đã bắt đầu trở thành một nguồn lương thực quan trọng của tôi mà rồi đây còn giúp tôi tiết kiệm được thuốc đạn và sức khỏe, đỡ công đi bắn dê rừng. Nếu để nguồn lợi to lớn đó mất đi thì tôi sẽ khốn đốn nhiều bề và sẽ phải khó nhọc lắm mới lại gây được một đàn dê khác.

Suy nghĩ kỹ càng, so sánh hơn thiệt chán chê, tôi thấy hai cách đó có thể bảo vệ được bầy dê. Cách thứ nhất là đào thêm một cái hang dưới đất và cứ tối đến thì dồn chúng vào đó. Cách thứ hai là tìm những chỗ kín đáo hơn hết, làm thêm vài ba cái chuồng nhỏ cách xa nhau, trong mỗi chuồng có thể thả chừng sáu bảy con dê con. Như vậy nếu xảy chuyện không may cho bầy dê thì tôi vẫn còn có ít nhiều "vốn liếng" để gây lại một đàn khác trong thời gian ngắn không đến nỗi khó khăn lắm. Mặc dầu mất công và khó nhọc, tôi thấy cách thứ hai thích hợp hơn.

Để làm những chuồng dê ấy, tôi đi lùng khắp trên đảo và tìm được một chỗ kín đáo, thật vừa ý. Đó là một khoảng đất trảng nắng và bằng phẳng ở chính giữa những đám rừng rậm rạp mà trước

kia tôi suýt bị lạc trong khi đi từ phía đông hòn đảo về. Nó có đủ điều kiện để trở thành một cái trại chăn nuôi thiên nhiên đã dựng sẵn không đòi hỏi tôi phải lao lực như khi làm những bức lũy.

Tôi không bỏ lỡ cơ hội và triệt để lợi dụng những thuận lợi thiên nhiên chưa đầy một tháng trời, bầy dê khá thuần của tôi đã được yên ổn trong trại chăn nuôi mới.

Chỉ vì một chút dấu vết của con người mà tôi đã phải lao công khổ tứ đến thế. Suốt hai năm trời trong tình trạng thấp thỏm, cuộc sống của tôi nhiều lúc thấy chua chát vô cùng. Tôi luôn luôn nơm nớp lo sợ và như thấy chung quanh mình đầy dẫy những tai họa. Không lúc nào tôi không giật mình thon thót, tưởng như mình sẽ bị bắt và bị xẻ ra làm trăm mảnh, bị nhai tươi nuốt sống ngay trong đêm tối mịt mùng.

Sau khi đã cất đặt kín đáo một phần nguồn lương thực sống của tôi như thế, tôi lại đi khắp hòn đảo tìm một số chỗ khác để nuôi giấu thêm một số dê nữa. Một hôm, đi quá ra mỏm đất phía tây hòn đảo, xa hơn tất cả mọi lần trước, tôi đứng trên một chỗ cao nhìn ra biển và thấy hình như có một chiếc xuồng ở ngoài xa. Dạo trước tôi cũng có lấy được trên tàu mấy chiếc kính viễn vọng nhưng không may hôm nay lại không mang theo nên không thể nhận rõ

vật ngoài xa là cái gì, mặc dầu tôi đã căng mắt lên mà nhìn đến mỏi. Vì vậy, tôi cứ nửa tin nửa ngờ không biết có phải là một chiếc xuồng hay không. Từ đó tôi rút kinh nghiệm là lúc nào đi ra ngoài cũng phải mang theo kính viễn vọng.

Từ trên đồi xuống, tôi đặt chân vào một chốn xa lạ. Đến đây, tôi mới biết trên hòn đảo thật không hiếm dấu vết loài người; sở dĩ tôi còn ù ù cạc cạc chỉ vì tôi đã bị giạt vào phía bờ biển khó ghé. Thực ra thì thường vẫn có những chiếc xuồng ở đất liền tới đảo này tìm chỗ đậu khi bất ngờ đi quá xa ra biển khơi. Hơn nữa, sau mỗi trận giao chiến giữa các bộ lạc thổ dân, những kẻ thắng trận thường dẫn tù binh đến bờ biển này hành hình.

Trên bờ biển phía tây nam hòn đảo, dấu vết một cuộc hành hình vừa qua bên một đống lửa chưa tàn hẳn đã cho tôi biết sự thực đó và làm cho tôi rùng mình sởn gáy, Khi đã đi xa cái pháp trường tạm thời ấy, tôi đứng sững ngay lại như một người bị sét đánh chết đứng, chua xót nghĩ tới số phận mình.

Sau khi định thần, tôi mừng thầm đã được sống xa cảnh ấy bấy lâu nay. Tôi sống ở đây mười tám năm ròng không hề gặp một con người. Tôi hy vọng có thể sống yên ổn như thế trong một thời gian dài nữa, chỉ cần đừng có lộ tông tích, điều này tôi chẳng muốn tí nào, trừ phi gặp những người tốt. Tuy vậy,

nỗi khủng khiếp nói trên cũng đã làm cho tôi mất ăn mất ngủ và ở lì luôn hai năm trời quanh quẩn trong mấy "dinh cơ" của tôi (chắc các bạn cũng hiểu đó là cái động đá cái biệt thự ở nông thôn và cái trại chăn nuôi mới làm trong rừng). Đã vậy, tôi lại chỉ đến trại chăn nuôi lúc nào thật cần thiết. Tôi cũng cẩn thận không đi tìm chiếc xuồng của tôi nữa và tôi dự định làm một chiếc khác. Bây giờ thì không nên tìm cách đi vòng quanh hòn đảo để đưa chiếc xuồng kia về gần nhà nữa; đi như thế giữa đường tôi sẽ có thể gặp những người thổ dân tàn bạo và chắc chắn sẽ rơi vào tay họ.

Qua một thời gian khá lâu không thấy động tĩnh gì và tin chắc rằng mình không có thể bị lộ được, dần dần tôi trở lại nếp sống khi trước, nhưng tôi cẩn thận chú ý dò xét kỹ hơn xưa. Tôi cũng không bắn súng nữa, sợ có thể làm cho những người thổ dân ngạc nhiên và tò mò tìm kiếm nếu bất ngờ lúc đó họ đang có mặt trên đảo. Cũng may tôi đã có một đàn dê nhà, không còn phải đi bắn dê rừng; nếu về sau thỉnh thoảng tôi kiếm được vài ba con thì cũng do đặt bẫy hoặc đào hầm mà thôi. Tuy nhiên, bao giờ tôi đi ra ngoài cũng đem theo khẩu súng săn, lại thêm ít nhất hai khẩu súng ngắn nữa giắt vào thắt lưng và một thanh mã tấu sắc như nước. Trong những buổi du ngoạn ấy, trông tôi thật là

cổ quái với bộ quần áo da dê cùng những súng ống và mã tấu lỉnh kỉnh bên mình.

Thực ra, những điều chuẩn bị như thế cũng chỉ thêm nhắc nhở lại mối lo thôi! Khi đã bình tĩnh nhìn vào hoàn cảnh mình, tôi lại thấy cuộc sống cũng khá dễ chịu, hơn hẳn nhiều kẻ khác. Tôi không còn sợ bóng sợ gió nữa; bây giờ thì ngày đêm chỉ chăm chú nghĩ cách nắm lấy thế chủ động khi phải đối phó với những người thổ dân đó hoặc để tìm cách cứu tù nhân của họ đem về ở với mình.

Tôi phải bỏ mất khá nhiều ngày mới tìm được một chỗ tốt mà ẩn nấp. Tôi cũng đã nhiều phen lần mò tìm đến chỗ họ hành hình tù binh cho nên dần dần con mắt cũng quen với cảnh rùng rợn ấy.

Cuối cùng, tôi tìm được trên sườn núi một chỗ rất thuận tiện để vững dạ đứng chờ và rình khi thuyền họ đến. Trong khi họ ghé lên bờ thì từ chỗ nấp tôi có thể len lỏi vào trong khoảng rừng rậm rạp nhất. Ở đó tôi đã tìm được một cây to và rỗng để chui hẳn vào. Đứng kín trong hốc cây, tôi có thể theo dõi được tất cả những hành động của họ và tha hồ ngắm đích. Như vậy, ít nhất tôi cũng hạ được ba bốn người một lúc ngay từ phát súng đầu tiên.

phải chạm trán với họ. Kể ra bất bình như thế chưa hẳn đã đúng lý, sự thực thì họ làm những việc tàn nhẫn ấy chẳng qua vì tuân theo một phong tục hủ bại đã ăn sâu thành cỗi rễ trong nếp sống, khiến họ coi việc đó là bình thường.

Cuối cùng, chờ mãi không thấy gì, tôi thôi không theo dõi và dần dần tôi đã có được những nhận định đúng đắn về việc làm của tôi: "Tôi có quyền gì? Sao tôi lại có thể tự cho mình là quan tòa để xét xử những con người đã hàng bao nhiêu thế kỷ nay vẫn cứ yên trí là có quyền tiêu diệt và hành hình lẫn nhau? Mặt khác, tôi chuốc lấy vạ như thế, liệu một mình có thể đủ mưu trí và sức lực chống lại hàng chục, có khi là hàng trăm đối thủ có khí giới đầy đủ, dù chỉ mới là cung tên và lao nhọn, khi họ nổi xung lên không? Đã bao giờ họ động chạm đến chính bản thân tôi đâu! Vậy thì tôi chỉ nên đối phó khi nào thấy cần thiết tự vệ chống lại sự tấn công của họ".

Những ý nghĩ đó đã làm cho tôi nguôi dần. Tôi cũng không chuẩn bị nữa, nhất quyết chỉ ra tay khi những người thổ dân kia tỏ ra có ác ý đối với tôi.

Tôi sống như thế suốt một năm trời, cố ý không nghĩ đến việc tiêu diệt những người thổ dân đó. Tôi cũng chẳng cần lên núi dò xét xem họ có chèo xuống đến ghé lên bờ nữa hay không. Tôi cứ sợ mình không trấn tĩnh nổi và nhân một cơn tức giận bất

thần bốc lên, có thể vô ý thức mà tàn sát họ nhân một dịp có nhiều thuận lợi. Tôi lấy chiếc xuồng ra khỏi nơi giấu, đem đi xa về phía bờ biển phía đông và lại giấu nó vào một cái hốc đá rất kín đáo dưới núi. Những dòng nước xiết sẽ không ngăn cho thuyền của họ ghé vào đó.

Từ đó tôi sống cô quạnh hơn bao giờ hết. Tôi chỉ ra bên ngoài khi bắt buộc phải ra làm những việc cần thiết hàng ngày như vắt sữa dê, chăm sóc đàn gia súc nuôi kín đáo trong rừng sâu. Đàn gia súc này ở hẳn phía bên kia đảo, nên hoàn toàn không thể bị lộ. Xem ra thì những người thổ dân hung bạo đó không hề có ý định bỏ hẳn bờ biển này. Rõ ràng họ đã đến đây nhiều lần, trước những ngày tôi bố trí mọi việc phòng thủ, tự vệ. Mỗi lúc nghĩ đến họ, tôi lại thấy hú vía! Hồi trước, khi mới đặt chân lên đảo, trần như nhộng, tay không có khí giới ngoài một khẩu súng độc nhất với một ít đạn ghém cỡ nhỏ, nếu tôi gặp họ thì biết tính sao? Hồi đó, tôi đi thăm dò khắp nơi trên đảo. Các bạn thử nghĩ xem tôi sẽ kinh khiếp như thế nào nếu, đáng lẽ chỉ gặp một dấu chân, tôi lại đụng đầu với một tốp chừng vài chục người thổ dân? Nhất định họ sẽ đuổi theo và chắc chắn là tóm được tôi ngay. Tôi rùng mình nghĩ rằng gặp trường hợp ấy thì đến phải bó tay chịu chết.

Phần vì lo sợ, phần vì hay nghĩ đến những tai họa có thể xảy ra, suốt một thời gian khá lâu, cuộc sống của tôi lại có vẻ cô quạnh và tôi thấy mất hẳn cái thú muốn sống cho thoải mái dễ chịu. Tôi chỉ nghĩ đến sống nhiều hơn là "vui sống". Tôi không còn lo lắng đóng vài cái đinh vào chỗ này, hoặc gõ miếng ván chỗ kia cho nhà cửa thêm chắc chắn, vì tôi sợ có tiếng động bay ra ngoài. Tôi lại càng ít nghĩ đến chuyện bắn một phát súng. Mỗi lúc bất đắc dĩ phải nhóm lửa thì tôi lại phấp phỏng không yên, sợ khói bay lên có thể làm cho người ở rất xa cũng biết nơi đây có người. Chính vì thế, tôi chuyển hẳn vào trong rừng tất cả những gì cần phải đun nấu. Sau nhiều chuyến đi đi về về, tôi tình cờ gặp được một cái hầm thiên nhiên rất rộng, tôi vui sướng vô kể. Tôi tin chắc rằng không bao giờ một thổ dân nào có thể thấy được cửa ra vào, mà dù có thấy cũng không đủ can đảm vào trong đó. Như thế chắc hẳn rất ít người dám liều lĩnh, trừ trường hợp như tôi đang rất cần một chỗ ẩn náu yên ổn. Cửa hang khuất kín sau một tảng đá lớn và cũng là tình cờ mà tôi phát hiện được trong khi chặt một số cành lớn để đốt lấy than. Tôi đương định dùng than nướng bánh và đem nấu thức ăn để khỏi bị lộ vì khói.

Vừa thấy cái cửa hang sau mấy bụi rậm um tùm, tôi tò mò chui vào trong xem sao. Hang cũng đủ

cao và rộng nên tôi có thể đứng thẳng lên. Nhưng chưa gì tôi đã đâm nhào chạy trở ra nhanh hơn lúc đi vào, bởi vì khi chăm chú nhìn vào trong hang tối, tôi bỗng thấy hai con mắt sáng như hai ngôi sao, không biết là mắt người hay mắt quỷ.

Một lúc sau, trấn tĩnh lại, tôi vớ một thanh củi cháy dở và mạnh dạn trở vào. Nhưng vừa được vài ba bước, tôi lại sợ đến dựng tóc gáy lên. Tôi nghe một tiếng thở dài, tiếp đó là một vài tiếng lắp bắp không rõ, rồi lại một tiếng thở dài khủng khiếp hơn nữa.

Mồ hôi toát ra lạnh ngắt khắp người; nếu tôi đội mũ thì chắc tóc có thể dựng đứng lên mà hất mũ rơi xuống đất mất. Tuy nhiên, tôi vẫn cố hết sức bình tĩnh và cứ mạnh dạn bước vào. Té ra đó là một con dê cụ rất lớn, đương nằm trên mặt đất chờ chết...

Tôi lại gần nó, thử đẩy một tí xem có thể tống cổ nó ra khỏi hang được hay không. Nó cố gắng chuyển mình để đứng lên nhưng không sao dậy nổi. Tôi cũng không bận lòng đến nó nữa. Cứ để nó nằm đó, nó còn sống ngày nào thì cũng được việc ngày ấy; những ai muốn liều lĩnh chui vào trong hang này sẽ được một mẻ khiếp vía như tôi vừa rồi thôi.

Yên bụng, tôi đưa mắt nhìn khắp xung quanh. Hang phía ngoài thì khá hẹp và không ra hình thù gì; ở đó chưa có bàn tay người đụng chạm đến. Mé

trong có một lối nhỏ, tôi phải chui qua mới vào được phía sau và gặp một cái động tốt nhất trần gian; mặc dầu rất tối. Nền đất bằng phẳng và khô ráo, phủ một lớp cát nhỏ mịn; không có một dấu vết độc trùng rắn rết, không có một mùi hôi thối bốc lên, không có một dấu hiệu ẩm ướt.

Điều bất tiện độc nhất là lối vào khó khăn nhưng chính vì thế mà cái động càng kín đáo, yên ổn. Tôi rất hài lòng và quyết định chuyển lại đây tất cả những gì cần cất giấu chắc chắn, nhất là thuốc đạn và khí giới dự trữ.

Hôm sau, con dê cụ chết ngay ở lối vào hang. Tôi đào đất chôn nó tại chỗ, đỡ mất công lôi nó ra ngoài.

Bấy giờ là tháng chạp, đúng vào mùa gặt; suốt ngày tôi phải ở ngoài đồng lúa để gặt hái. Một buổi sớm, trước khi mặt trời mọc, vừa ra khỏi nhà, tôi ngạc nhiên thấy đằng xa trên bờ biển có ánh lửa, cách xa đến chừng nửa dặm đường, lần này ánh lửa lại không ở về phía lâu nay những người thổ dân vẫn ghé. Tôi rất lo ngại vì thấy nó lập lòe ở hướng lâu đài của tôi.

Sợ bị tấn công bất ngờ, tôi vội vã chạy trở về hang đá. Nhưng ở đó tôi cũng thấy không thể yên ổn được. Nhìn thấy lúa đang gặt dở, những người thổ dân đó biết ngay trên đảo có người, họ sẽ sục sạo khắp nơi để tìm cho được tôi mới thôi.

Trong cơn lo sợ, tôi trở về nhà ngay, kéo thang lên và chuẩn bị cuộc chiến đấu tự vệ. Tôi nạp đạn vào tất cả súng ngắn, súng hỏa mai đã để sẵn ở những lỗ châu mai trong chiến lũy, cương quyết chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Trong tình trạng báo động đó, tôi đợi kẻ địch luôn trong hai tiếng đồng hồ, rất nóng ruột không hiểu ngoài kia đã xảy ra những chuyện gì.

Chẳng có ai giúp cho việc trinh sát nên tôi cứ phải đứng đó, chịu đựng mãi một sự chờ đợi thấp thỏm. Bứt rứt quá, không chịu nổi nữa, tôi nối hai cái thang lại, đánh liều trèo lên mỏm núi cao ở đằng sau. Tới nơi, tôi nằm rạp xuống đất, dùng kính viễn vọng xem xét tình hình. Trước hết, tôi nhận rõ có chín người thổ dân đương ngồi xúm quanh một đống lửa nhỏ.

Họ đi hai chiếc xuồng tới và họ đã kéo xuồng lên bờ. Lúc bấy giờ nước triều đang lên. Có lẽ họ đang chờ nước rút để quay ra biển mà trở về, cho nên tôi cũng yên tâm. Tôi nghiệm ra rằng họ đều theo thủy triều mà đến đây rồi lại trở về.Như vậy, tôi có thể ung dung qua lại khắp nơi trên đảo trong lúc nước triều xuống miễn là đừng có lộ mặt ra trên bãi biển. Biết được như thế, tôi tiếp tục gặt hái yên tâm hơn.

Sự việc xảy ra đúng như tôi đoán trước. Thủy

triều vừa rút xuống ở bờ biển phía tây thì họ đã nhảy cả xuống xuồng, rồi chèo đi thật nhanh.

Họ vừa đi khỏi, tôi khoác luôn hai khẩu súng săn lên vai, giắt hai khẩu súng ngắn vào thắt lưng và đeo thanh mã tấu vào bên sườn rồi tất tả ra khỏi chỗ ẩn. Tôi chạy vội đến ngọn đồi mà lần đầu tiên tôi thấy vết tích những cuộc hành hình của họ. Tới đó, tôi lại thấy về phía ấy cũng có ba chiếc thuyền khác đương chèo nhanh ra biển khơi như mấy chiếc kia để trở về đất liền.

Có lẽ những buổi ghé thăm đảo như thế càng ngày càng thưa vì đã ngoài mười lăm tháng trời, tôi mới lại thấy bóng dáng họ. Tuy vậy, suốt thời gian đó, tôi cứ phải sống trong một tình trạng đầy lo lắng, không tìm ra cách gì thoát khỏi. Ban ngày cứ nơm nớp lo sợ bị tấn công bất ngờ; ban đêm thì cứ nằm mê những cảnh kinh hoàng, khắc khoải thâu canh chẳng đêm nào ngủ được yên giấc.

Lâu dần rồi tôi cũng khuây khỏa và trở lại nếp sống bình thường. Cuộc sống đã được yên tĩnh hơn nhưng tôi vẫn không quên đề phòng cẩn mật. Tôi ít đi ra ngoài hơn trước và chỉ đi về phía không có vết tích những người thổ dân để đỡ phải mang theo nhiều khí giới phòng thân.

Tôi lại sống hai năm trời liền cũng tạm gọi là thoải mái mặc dầu tâm trí vẫn loay hoay với muôn

vàn ước mơ tìm cách thoát ra khỏi đảo. Nếu có được chiếc thuyền dạo trước đã dùng để trốn thoát tên cướp biển ở hải cảng Xalê thì tôi quyết đánh liều vượt biển một phen.

Những ý nghĩ đó càng ngày càng ám ảnh và làm cho tôi mất ăn mất ngủ suốt cả một thời gian. Tôi không còn đủ sức để kiềm chế lòng mong ước một cuộc hành trình như thế nữa. Ước muốn đó ngày càng mãnh liệt làm cho tôi đành chịu bó tay không thể nghĩ sang chuyện khác được nữa. Nhiều đêm, suốt hai ba tiếng đồng hồ ước mong đó đã chiếm lấy tâm trí tôi, lôi cuốn tôi một cách dữ dội, làm cho tôi cháy ruột cháy gan như khi lên cơn sốt. Nhưng thường sau khi tinh thần căng thẳng tột độ như thế, tôi thấy mệt mỏi nên lại nằm xuống ngủ thiếp đi.

Muốn thực hiện được ước muốn đó, tốt nhất là phải tóm cho được một vài thổ dân; nếu được một tù binh biết trả ơn cứu sống thì rất tốt. Nhưng tôi thấy ngay cái khó khăn ghê gớm là muốn thế thì chưa biết chừng tôi sẽ phải bắt buộc tiêu diệt hẳn cả một đoàn người. Quả là một hành động phiêu lưu có thể thất bại dễ dàng. Tuy nhiên, nhất định tôi phải tìm cách tự giải thoát dù phải làm đổ nhiều máu.

Tôi đã nhiều lần suy đi tính lại, ruột rối bời bời. Tôi đã cân nhắc kỹ lưỡng "nên" và "không nên",

giữa "ước mong" và "lòng nhân đạo" không biết bao nhiêu lần mà kể. Cuối cùng, tôi quyết định dùng hết cách để bắt sống cho được một người thổ dân mặc dầu phải trả giá rất đắt.

Từ đó, tôi rất nóng ruột chờ dịp thực hiện kế hoạch. Hết sức tin ở tài trí mình, tôi chắc sẽ bắt sống được tới hai người thổ dân; buộc họ phải hoàn toàn phục tùng và không còn cách nào làm hại tôi được nữa. Chắc chắn tôi sẽ có thể thuyết phục được họ và họ sẽ giúp đỡ tôi nhiều trong việc vượt biển. Tôi rất hứng thú với sáng kiến đó hợp với tài trí mình và theo ý tôi thì chỉ còn chờ dịp thực hiện thôi.

Tôi chờ mãi và dịp tốt đã đến. Một buổi sáng, tôi thấy trên bãi biển có tới sáu chiếc xuồng. Những người thổ dân đã lên bờ và đi quá tầm mắt tôi nhìn. Tôi đã biết rõ thường thường cứ mỗi xuồng chở năm hay sáu người, như thế thì lần này số người bên đó đã đảo lộn mọi sự sắp đặt của tôi. Một mình tôi đơn phương độc mã, đối chọi thế nào được với hàng ba bốn chục người. Tuy vậy, sau một phút ngần ngừ, tôi vẫn chuẩn bị tất cả cho cuộc chiến đấu. Tôi lắng nghe động tĩnh rồi đặt hai khẩu súng trường dưới chân thang, trèo lên đứng trên cao, đầu không nhô ra khỏi mỏm đất. Qua kính viễn vọng tôi nhìn thấy có đến ba chục người là ít. Họ đã nhóm lửa lên để chuẩn bị hành hình tù binh. Họ đương nhảy

múa chung quanh đống lửa với nhiều động tác và nhiều điệu bộ lạ lùng, theo như phong tục của họ. Tôi soát lại một lần nữa kế hoạch chiến đấu của mình, trong lòng phân vân chưa dám tin ở kết quả.

Một lát sau, tôi thấy ba người trong bọn họ lại gần một chiếc xuồng kéo ra hai người tù binh để chuẩn bị hành hình. Người tù binh thứ nhất đã ra khỏi xuồng, nhưng người thứ hai hình như còn dùng dằng chưa chịu ra. Tức thì anh ta bị một đòn rất mạnh giáng vào đầu, ngã nhào xuống. Ba tên đao phủ nhảy xổ lại đè cứng lấy người khốn nạn đó, giết tươi ngay trước mắt người tù binh kia đương chờ đến lượt mình.

Người tù binh thứ nhất thấy mình đã được thả lỏng một chút; bản năng gợi cho anh một tia hy vọng có thể trốn thoát. Anh ta chạy nhanh vùn vụt, hướng thẳng về phía tôi đứng, men theo phía bờ biển dẫn đến nhà tôi ở.

Trên bờ biển, giữa người tù sống và "lâu đài" của tôi có một cái vịnh nhỏ ăn sâu vào đất liền. Tới đó, nhất định anh ta sẽ phải dừng lại nếu không đánh liều bơi vượt qua. Nhưng tới đó, anh ta không hề tỏ vẻ bối rối, cứ nhảy ào xuống nước và chỉ bơi ba chục sải là sang tới bờ bên này, rồi lại chạy vùn vụt như trước. Khi ba người kia đuổi theo đến đó thì chỉ có hai người nhảy xuống bơi theo, còn gã

thứ ba dừng lại một chút trên bờ rồi quay trở lại. Thật là một điều may mắn không nhỏ cho người tù sổng. Tôi lại để ý thấy hai người kia bơi cũng kém và phải mất gấp đôi thì giờ người chạy trước mới tới được bờ bên này.

Tôi nhận thấy ngay rằng đây là dịp may hiếm có đem lại cho tôi một người bạn đồng thời một kẻ giúp việc. Tôi thấy phấn chấn tinh thần hẳn lên và tin chắc vào thắng lợi của mình. Không bỏ lỡ dịp tốt, tôi lao ngay xuống chân núi để lấy mấy khẩu súng rồi vụt trèo trở lên núi cũng hăng không kém. Tôi tiến thẳng ra bờ biển và chỉ một lát sau đã nhảy xổ ra chặn đường, cắt ngang giữa người tù sổng và những người đuổi bắt anh ta, đồng thời cũng tìm cách làm cho anh ta nghe tiếng tôi mà dừng lại. Tôi lại giơ tay vẫy vẫy để ra hiệu cho anh ta. Nhưng hình như mới đầu anh ta cũng sợ tôi không kém gì sợ những người đang đuổi theo sau. Lúc đó tôi thong thả bước về phía những người này rồi bất thần nhảy tới gần người chạy trước, giáng cho một báng súng thật mạnh vào đầu, tôi không muốn bắn vì sợ tiếng súng vang đi xa, những người ở đằng kia có thể nghe thấy. Thực ra xa như thế thì cũng khó mà nghe rõ được. Vả lại những người thổ dân đó có nghe thấy tiếng súng thì họ cũng chẳng hiểu được cái tiếng lạ lùng ấy là cái gì. Tuy nhiên, cẩn

thận một chút vẫn yên lòng hơn.

Trông thấy bạn mình ngã xuống, người chạy sau có vẻ sợ hãi và đứng dừng ngay lại. Tôi tiếp tục đi thẳng về phía hắn ta. Nhưng khi lại gần, tôi thấy hắn đang giương cung lên và sửa soạn mắc tên vào. Thấy thế tôi phải đề phòng và bắn cho hắn một phát chết ngay tại chỗ. Thấy lửa phụt ra và nghe tiếng súng nổ, người tù sống đứng sững vì quá kinh khiếp. Nhìn vẻ mặt khiếp sợ của anh, tôi nhận thấy anh lại có ý muốn chạy trốn thật nhanh hơn nữa chứ không muốn đến gần tôi, mặc dầu thấy rõ ràng cả hai kẻ thù của mình đã ngã. Tôi lại vẫy anh, tỏ ý bảo anh lại gần. Anh ta bước vài bước rồi đứng dừng lại và cứ làm đi làm lại cái đó mãi một lúc lâu. Có lẽ anh ta ngỡ rằng mình lại bị cầm tù một lần nữa và cũng sẽ bị giết như hai kẻ thù kia. Tôi lại vẫy một lần thứ ba với tất cả thái độ thân mật để làm cho anh yên lòng. Anh ta cố gắng bước tới và cứ mươi mười hai bước thì lại quì xuống như để tỏ lòng cảm ơn tôi. Trong lúc đó, tôi cố gắng mỉm cười với anh ta một cách hết sức trìu mến. Cuối cùng, khi đã đến gần sát tôi, anh ta đứng dừng lại, quì xuống hôn đất rồi nắm lấy bàn chân tôi, có lẽ để tỏ ý hết sức cảm ơn tôi đã cứu anh ta thoát chết và hứa một lòng trung thành với tôi, xin theo hầu hạ tôi suốt đời.

Tôi dịu dàng nắm lấy tay anh, đỡ anh đứng dậy, vuốt ve âu yếm, làm cho anh càng vững lòng lên hơn. Vẻ cảm động, anh bỗng thốt lên mấy tiếng tỏ ý vui mừng hết sức. Vừa được nghe mấy tiếng nói của anh, mặc dầu chẳng hiểu được anh nói gì, tôi sung sướng và cảm động quá, run người lên. Đó là những tiếng nói đầu tiên của loài người mà sau hai mươi lăm năm trời lưu lạc tôi mới lại được nghe. Sao mà nó êm đềm, ấm cúng và chứa chan tình cảm đến thế! Tôi lại được nghe một con người nói và sẽ được nói chuyện với một con người! Hạnh phúc đến với tôi đột ngột thế ư? Mỗi tiếng nói ấy, tuy chưa rõ nghĩa, đều là tự đáy lòng của một con người thốt ra, một con người thật sự như tôi, một đồng loại của tôi, khác hẳn những tiếng nói như cái máy của con vẹt hàng ngày vẫn gọi rõ tên tôi đã hai mươi lăm năm nay chỉ biết lặp đi lặp lại có một vài câu không thay đổi! Tôi mừng rỡ quá, ôm lấy anh bạn mới và nói luôn một thôi một hồi, mặc dầu anh không hiểu được tôi nói gì, cũng như tôi đã không hiểu lời anh. Nhưng anh cũng nhìn tôi bằng một cặp mắt trìu mến, có vẻ thông cảm với nỗi vui mừng của tôi; anh lại nói tiếp mấy tiếng, líu lo như tiếng chim, ngọt ngào và êm ấm quá chừng!

Nhưng bây giờ chưa phải là lúc tha hồ tận hưởng niềm vui sướng tuyệt vời ấy. Nguy hiểm đương quanh

quẩn bên chúng tôi. Sự việc chưa phải đã kết thúc. Người thổ dân bị tôi đánh một báng súng vào đầu chỉ mới ngất đi chứ chưa chết. Hắn đương cố gắng vùng đứng hẳn dậy. Nhìn thấy thế, người bạn mới của tôi im lặng, trên nét mặt lộ vẻ kinh sợ. Thấy tôi ra bộ nhắm bắn tên kia, anh ta ra hiệu ngăn lại và muốn mượn thanh mã tấu. Tôi rút ra đưa ngay cho anh.

Vừa cầm thanh mã tấu trong tay, anh nhảy xô ngay lại vung lên chém chết kẻ thù.

Sau thắng lợi đó, anh trở lại chỗ tôi, vừa đi vừa nhảy vừa cười rất lớn tiếng như để mừng chiến công của mình. Tới nơi, anh đưa ngay thanh mã tấu trả lại cho tôi sau khi đã chùi sạch máu.

Anh ta lại ra hiệu cho tôi biết cần phải chôn hai cái xác chết, sợ rằng những người thổ dân khác bắt gặp thì sẽ kiếm cách tìm ra chúng tôi. Tôi đồng ý và chỉ trong nháy mắt, anh đã đào hố trong bãi cát và chôn xong mấy cái xác ấy. Xong xuôi, tôi dẫn anh ta đi, không phải cùng về "lâu đài" của tôi nhưng lại về cái hang mới, ở sâu vào phía trong đảo.

CHƯƠNG 13

Anh chàng là một thanh niên cao lớn, chững chạc, khoảng hai mươi lăm tuổi, người rắn rỏi, chân tay béo lẳn, nhanh nhẹn và có sức lực. Dáng điệu hùng dũng không có vẻ nanh ác; nhất là khi anh cười, ta có thể thấy ở anh những nét dịu hiền và sắc sảo riêng. Tóc anh không xoắn nhưng đen và dài, trán to và cao vượt lên, đôi mắt sáng đầy nhiệt tình. Nước da bánh mật chứ không đen, không giống cái màu rám nắng của những người ở Bờrêdin và ở Viếcgini. Mặt thì tròn với một cái mũi rất đẹp, miệng khá xinh, đôi môi mỏng, hai hàm răng đều và trắng như ngà.

Chợp mắt được chừng nửa giờ đồng hồ, anh ta tỉnh dậy và ra khỏi động đá để đi tìm tôi, bởi vì trong lúc anh ngủ thì tôi đi vắt sữa dê ở trại chăn nuôi gần đó.

Anh ta chạy lại gần tôi, làm đủ thứ cử chỉ và dấu hiệu để tỏ lòng biết ơn rất chân thành và để nguyện suốt đời sẽ trung thành với tôi. Tôi cố gắng hiểu được một số dấu hiệu đó và tôi cũng tìm hết

cách làm cho anh hiểu rằng tôi rất vui mừng được gặp anh. Một lát sau, chúng tôi thử nói chuyện với nhau. Trước hết tôi bảo anh lấy tên là "Thứ Sáu" để ghi nhớ ngày gặp gỡ. Tôi lại hay cho anh biết gọi tôi là "ông chủ", biết trả lời "có" và "không" cho đúng lúc. Sau đó tôi đưa cho anh một bình sữa. Tôi uống sữa trước và nhúng bánh vào sữa mà ăn; anh bắt chước tôi và ra hiệu tỏ ý là ăn như thế cũng ngon.

Tôi lại dẫn anh trèo lên núi để xem kẻ thù của anh đã rút chưa. Qua kính viễn vọng, chúng tôi không thấy một bóng dáng người hoặc xuồng nào nữa. Quả là họ đã lên xuồng trở về cả rồi.

Chưa thật thỏa mãn, và nhất là bây giờ, tôi đã mạnh dạn hơn nên cũng muốn biết rõ hơn, tôi cùng Thứ Sáu đi tới chốn pháp trường đó. Thứ Sáu cầm thanh mã tấu, vai đeo cung tên. Tôi đưa thêm cho anh một khẩu súng hỏa mai, còn tôi mang hai khẩu; cứ thế chúng tôi lên đường.

Tới nơi, tôi lại được chứng kiến những dấu vết của một cuộc hành hình tàn bạo làm cho tôi rùng mình sởn gáy. Nhưng Thứ Sáu thì hình như vẫn có vẻ dửng dưng. Anh ta dùng dấu hiệu để nói cho tôi biết rằng kẻ thù của anh đem đến đây bốn tù binh để tế những người chết trận; họ đã giết chết ba người, và đến anh ta là người thứ tư. Vừa mới có một trận đánh nhau dữ dội giữa họ và bộ lạc

của anh. Hai bên đều bắt được rất nhiều quân lính của nhau và bên nào cũng có một số tù binh phải chịu số phận không may như thế.

Chôn cất xong những xác chết, chúng tôi trở về "lâu đài", tôi lo ngay việc sắm quần áo mới cho Thứ Sáu. Trước hết tôi đưa cho anh một cái quần đùi bằng vải to sợi, tìm thấy trong một cái hòm của thủy thủ mới giạt vào, chữa lại một tí thì cũng vừa khéo với anh. Tôi lại nhường cho anh một cái áo cánh bằng da dê đã may sẵn cũng tươm. Tôi lại trổ tài may cắt nửa mùa ra mà khâu thêm cho anh một cái mũ bằng da thỏ rừng, trông cũng tàm tạm được. Thứ Sáu tỏ vẻ rất vui thích thấy mình cũng oai vệ gần bằng ông chủ, mặc dầu mới đầu cũng hơi có vẻ lúng túng trong bộ quần áo chưa mặc quen. Cái quần đùi hơi chật làm anh vướng víu, hai ống tay áo da đã làm xây xát cả vai và bên dưới nách anh. Thế là phải nới rộng ra để anh mặc áo quần mới cho dễ chịu hơn và quen dần.

Ngày hôm sau, tôi ngồi suy tính xem nên để cho người giúp việc mới này ở vào nơi nào, vừa tiện cho anh mà tôi cũng đỡ phải lo ngại nếu muôn một anh còn có chút ác ý nào đối với tôi. Tôi thấy tốt nhất là dựng cho anh ta một cái lều vào quãng giữa hai chỗ ở của tôi. Cẩn thận hơn, tôi còn tìm cách ngăn không để cho anh tự tiện đi lại chỗ lâu đài của tôi

và tối hôm nào tôi cũng đem cất hết khí giới vào trong nhà.

May mắn sao tất cả những điều lo lắng đó đều thừa! Chưa bao giờ tôi có được một người giúp việc tin cậy, thật thà và giàu tình cảm như Thứ Sáu! Anh ta cứ quấn quít lấy tôi, trìu mến như con với cha. Anh không lố lăng, không bướng bỉnh, không hề nóng giận và luôn luôn tỏ ra rằng bất cứ trường hợp nào, anh cũng có thể hy sinh tính mạng để cứu tôi khỏi cơn nguy biến. Chỉ một thời gian ngắn mà anh ta nhiều lần tỏ cho tôi biết rõ như thế cho nên tôi không còn lòng dạ nào nghi ngờ lòng tốt của anh được. Những mánh khoé giữ miếng của tôi đối với anh quả là vô ích.

Tôi tự đặt cho mình một nhiệm vụ quan trọng là dạy cho anh hiểu và biết nói tiếng Anh. Thứ Sáu quả là người học trò tốt nhất thế giới. Anh tỏ vẻ vô cùng vui sướng khi nghe hiểu tiếng tôi nói hoặc đã tìm được cách làm cho tôi nghe hiểu anh. Anh cũng đã truyền cảm sang tôi tất cả nỗi vui sướng ấy, thành ra mỗi lúc nói chuyện với nhau, hai chúng tôi thật là êm đẹp và tôi tưởng có thể sống như thế suốt đời ở đây miễn là những người thổ dân hung bạo kia đừng có đến quấy nhiễu tôi nữa.

Hồi này, tôi sống trên đảo dễ chịu hơn bao giờ hết. Thứ Sáu đã nói được bập bẹ tiếng Anh. Anh

ta đã biết gọi tên hầu hết các thứ cần dùng trong nhà và tất cả những chỗ chúng tôi đã đi đến. Từ nay, tôi lại được sử dụng cái lưỡi mấy lâu nay đành để vô dụng ngoài cái việc nếm thức ăn. Tôi quí mến Thứ Sáu không những chỉ do những câu chuyện như thế. Bản chất trọng sạch và lành mạnh của anh đã chinh phục được cảm tình của tôi. Tấm lòng trìu mến của anh đối với tôi thật là không bờ bến và làm cho tôi càng thiết tha yêu mến anh hơn nữa.

Một hôm, tôi muốn thử xem anh có luyến tiếc quê hương và đồng bào nữa không? (Dạo này anh cũng đã biết khá sõi tiếng Anh để trả lời một số câu hỏi của tôi). Tôi hỏi anh xem trong khi đánh nhau thì đồng bào anh có bao giờ thắng trận không? Anh mỉm cười trả lời:

- Có chứ! Chúng tôi bao giờ cũng đánh giỏi hơn tất cả (như thế có nghĩa là bao giờ chúng tôi cũng thắng trận).

Tiếp đó, chúng tôi nói chuyện với nhau và tôi xin ghi lại mấy câu đối thoại:

Ông chủ: - Các anh bao giờ cũng đánh giỏi hơn? Vậy thì sao anh lại bị bắt làm tù binh?

Thứ Sáu: - Họ "đông nhiều người" hơn chúng tôi. Tôi cũng ở trong đồng bào tôi. Họ bắt được một, hai ba người và tôi. Đồng bào tôi đánh họ ở chỗ khác. Tôi không có ở đó. Chúng tôi bắt được một, hai, nhiều

lắm có lẽ đến nghìn.

Ông chủ: - Vậy thì tại sao các bạn anh không cướp anh lại?

Thứ Sáu: - Họ mang chúng tôi bỏ vào thuyền. Đồng bào tôi không có thuyền sẵn đó.

Ông chủ: - Này, Thứ Sáu! Anh hãy nói rõ cho tôi biết là bắt được tù binh thì các anh làm gì họ? Cũng đem đi hành hình à?

Thứ Sáu: - Phải! Chúng tôi cũng đem một, hai, có khi ba, bốn người đi giết.

Ông chủ: - Thế các anh đem họ đi đâu?

Thứ Sáu: - Thích đâu thì giết đó.

Ông chủ: - Có lần nào đem đến đây không?

Thứ Sáu: - Có chứ! Đến đây và đến nhiều nơi khác nữa.

Ông chủ: - Anh có đến đây với đồng bào anh lần nào không?

Thứ Sáu: Có chứ! Tôi có đến chỗ kia kìa.

Vừa nói, anh vừa giơ tay chỉ về phía tây bắc hòn đảo. Các bạn thấy không? Anh ta nói tiếng Anh cũng chưa được sõi, nhưng kể ra chỉ trong vòng mấy tuần lễ mà học được thế là giỏi lắm đấy chứ! Qua câu chuyện hôm đó, tôi hiểu rằng người giúp việc của tôi trước kia cũng đã đặt chân lên đây, chỗ bờ biển cách xa nhà tôi nhất. Một thời gian sau, khi tôi cùng anh ta tình cờ đi về mạn ấy, anh nhận ra

ngay chỗ đó và kể lại tỉ mỉ cho tôi nghe cuộc hành hình tù binh.

Nhân đó, tôi hỏi Thứ Sáu xem hòn đảo này cách xa đất liền như thế nào? Trong khi đi về như thế, thường có chiếc thuyền nào bị đắm không? Anh ta trả lời rành rọt cho tôi biết không có gì nguy hiểm: ra xa ngoài khơi một chút, sáng nào cũng gặp một chiều gió và một con nước thuận, chiều nào cũng có gió và nước ngược lại buổi sáng.

Thoạt tiên, tôi nghĩ đó chỉ là nước thủy triều lên xuống. Nhưng sau tôi mới hiểu chính là con sông lớn Ôrênốccơ đã gây ra hiện tượng ấy. Hòn đảo của tôi nằm ngay phía trước cửa sông, còn dải đất liền mà tôi nhìn thấy ở phía tây và tây bắc chính là hòn đảo lớn Tam Thánh ở về phía bắc con sông ấy. Tôi hỏi Thứ Sáu rất nhiều về địa phương, dân cư, biển, bờ biển ở đó và xung quanh. Anh trả lời cho tôi rất rõ ràng tất cả những điều anh biết mà anh có thể nói lên được. Nhưng tôi hỏi đi hỏi lại nhiều lần về những thổ dân ở quanh đó mà anh ta vẫn không trả lời được cho tôi, ngoài vẻn vẹn hai tiếng "Carip" mà tôi đoán là những người ở đảo Caraip. Theo bản đồ thì những hòn đảo này ở về bờ biển châu Mỹ, chạy dài từ cửa sông Ôrênốccơ cho tới xứ Guyan và Thánh Mácto. Anh còn cho biết thêm rằng ở rất xa, xa lắm, về phía sau mặt trăng (ý nói phía mặt

trăng lặn, như thế là phía tây xứ anh ở) cũng có những người da trắng và rậm râu như tôi, và những người ấy đã giết "đông nhiều người" (đó là cách nói riêng của anh ta). Ý chừng anh muốn nói tới những thực dân người Tây Ban Nha khét tiếng hung ác đã gây ra một mối thâm thù truyền kiếp trong nhân dân vùng đó đối với người da trắng.

Tôi lại hỏi ý kiến anh xem có thể làm thế nào đến được chỗ những người da trắng đó không? Anh cho biết là có thể tới đó bằng hai chiếc xuồng. Sau đó, tôi mới vỡ lẽ ra rằng anh muốn nói là một chiếc xuồng to gấp đôi xuồng thường của những người thổ dân.

Buổi nói chuyện này làm cho tôi phấn khởi xiết bao! Nó tăng thêm cho tôi hy vọng một ngày không xa sẽ có thể ra khỏi hòn đảo. Trong việc này, tôi rất có thể trông mong nhiều ở sự giúp đỡ của người giúp việc mới rất trung thành này.

Tâm hồn tôi khoan khoái lạ lùng; từ ngày gặp Thứ Sáu, tôi đã sống một cuộc đời chứa chan hạnh phúc luôn ba năm trời trên đảo.

Từ khi hai chúng tôi có thể nói chuyện với nhau được, tôi kể cho anh nghe cuộc đời chìm nổi của tôi. Tôi giảng cho anh hiểu cái "phép lạ" của súng đạn, và bày cho anh cách bắn. Tôi đưa cho anh dùng một con dao mà anh hằng ao ước. Tôi lại làm cho

anh một cái thắt lưng có cái bao dao đeo lủng lẳng. Nhưng Thứ Sáu lại dùng để đeo một cái búa, vì trên thực tế búa có nhiều công dụng hơn.

Thỉnh thoảng, tôi vẽ bản đồ và nói cho anh hiểu về thế giới, về châu Âu và nhất là về nước Anh, Tổ quốc của tôi. Tôi cũng không quên chỉ trên bản đồ vị trí hòn đảo này và xứ anh ở. Anh tỏ vẻ ngạc nhiên sao tôi chưa đi đến đó bao giờ mà lại vẽ được như thế.

Tôi còn dẫn anh đi xem chiếc xuồng đã trôi giạt lên đây sau khi tôi thoát khỏi cơn bão. Bây giờ nó chỉ còn là một cái xác trơ trọi mục nát nằm trên cát. Vừa nhìn thấy chiếc xuồng, anh có vẻ suy nghĩ, nét mặt ngạc nhiên, không hé môi nói một tiếng. Tôi hỏi anh vì sao lại có vẻ trầm ngâm như thế thì anh trả lời: "Tôi đã thấy xuồng như thế này ở quê hương tôi". Anh lại làm một số cử chỉ khác để giải thích cho rõ thêm. Tôi phải suy nghĩ một lúc lâu mới hiểu được anh định nói gì. Nhận xét kỹ hơn nữa, tôi mới đoán ra rằng anh muốn nói cho tôi biết có một chiếc xuồng giống như thế bị bão đánh trôi giạt lên bờ biển ở quê hương anh. Tôi kết luận có lẽ có một chiếc tàu nào đó của người Âu đã bị bão đắm ở phía bờ biển ấy và gió đã giật tung chiếc xuồng rồi thổi giạt vào bãi cát. Tôi bèn bảo anh tả lại chiếc xuồng. Anh tả lại cũng khá đúng và nói

tiếp: "Chúng tôi đã cứu những người da trắng khỏi chết đuối".

Tôi hỏi lại anh xem có còn người da trắng nào trong xuồng không? Anh trả lời: "Có, xuồng đầy những người da trắng". Vừa đếm trên đầu ngón tay, anh nói cho tôi biết có đến mười bảy người trên xuồng; hiện nay họ đều ở lại quê hương anh.

Câu chuyện trên đây của anh khiến tôi suy nghĩ nhiều.

Sau một thời gian khá lâu, một hôm chúng tôi trèo lên đỉnh ngọn đồi ở phía đông. Đứng ở đó, như tôi đã có dịp nói đến, nếu trời trong sáng thì có thể thấy bờ đất liền bên kia. Nhìn kỹ về phía ấy, Thứ Sáu có vẻ hí hửng lắm, reo lên và nhảy nhót tung tăng. Tôi ngạc nhiên hỏi anh duyên cớ. Anh gào thật to lên:

- Sung sướng quá! Vui thích quá! Kia kìa, quê hương tôi! Đó là đồng bào tôi.

Niềm sung sướng hiện lên rõ rệt trên vẻ mặt anh ta. Trong đôi mắt sáng ngời của anh như bừng lên một ước muốn rất mãnh liệt là sẽ được trở về quê hương với đồng bào. Vừa thoáng thấy vẻ mặt của anh, tôi lại có chút không an tâm. Tôi tin chắc rằng nếu có dịp tốt thể nào anh cũng quên hết những điều đã học được ở đây, quên cả trách nhiệm của anh đối với tôi mà bỏ tôi để sang bờ biển phía bên

kia, nơi chôn rau cắt rốn. Kể ra thì cũng rất chính đáng: vào địa vị anh thì tôi cũng không ngại gì mà không bỏ đi. Nhưng tôi chỉ sợ khi bà con họ hàng, vui câu chuyện, anh sẽ kể lại cho họ nghe hết mọi điều về tôi, về cảnh sống đơn độc, về "phép lạ" của súng đạn mà bây giờ không còn lạ đối với anh nữa. Đến nước ấy thì liệu tôi có còn được yên thân nữa không?

Nhưng quả tôi đã ngờ oan cho con người trung thực ấy. Về sau tôi lấy làm ân hận và hổ thẹn với lương tâm vô cùng. Tuy nhiên, trong suốt mấy tuần lễ phấp phỏng như thế, tôi có vẻ giữ gìn và ít tỏ thái độ âu yếm đối với anh. Ấy thế nhưng chính hồi đó, anh chàng thổ dân trung thành ấy lại tỏ ra đã có một tâm hồn rất cao thượng.

CHƯƠNG 14

Một hôm khác, tôi lại cùng anh đi chơi lên ngọn đồi nhìn ra ngoài khơi. Hôm đó trời âm u nên không thể trông thấy dải đất liền ở phương xa. Tôi hỏi anh có muốn trở về quê hương, sống với đồng bào của anh không? Anh trả lời:

- Có chứ! Tôi rất sung sướng được gặp đồng bào tôi.

Tôi hỏi thêm:

- Này! Về thì anh sẽ làm gì? Anh lại đánh nhau, giết nhau như trước phải không?

Nghe câu hỏi đó, anh có vẻ buồn và lắc đầu trả lời:

- Không đâu! Không đâu! Thứ Sáu sẽ nói với họ ăn ở với nhau cho tốt, ăn bánh bột mì và thịt thú vật nấu chín, uống sữa dê, sữa bò, không chém giết nhau nữa.

Tôi hỏi lại:

- Nhưng nếu họ không nghe mà giết anh đi thì sao!

Anh trả lời rất tin tưởng:

- Không đâu! Họ không giết tôi đâu! Đồng bào tôi cũng rất thích biết những điều đó.

Từ đó, tôi không còn e ngại gì nữa, quyết liều vượt biển một phen, tìm cách gặp những người da trắng kia. Theo tôi đoán thì họ có thể là người Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha. Có được một số đông bạn đường như thế, chắc chắn thể nào tôi cũng trở về được quê hương. Dĩ nhiên, tôi không thể hy vọng gặp được sự may mắn như thế trên hòn đảo trơ trọi này cách xa đất liền đến ngoài bốn chục dặm đường. Còn trông chờ ở sự giúp đỡ của những bộ lạc thổ dân thì cũng chẳng có hy vọng gì! Thứ Sáu chả đã nói với tôi là họ đối xử rất tốt với những người da trắng kia đó ư? Nhưng họ có giúp được những người đó trở về quê hương đâu!

Quyết chí như vậy, tôi chuẩn bị ngay kế hoạch vượt biển và giao việc cho Thứ Sáu. Tôi dẫn anh sang phía bên kia hòn đảo và chỉ cho anh xem cái xuồng của tôi. Chúng tôi kéo xuồng xuống nước, đẩy nó ra biển rồi cùng trèo lên. Thứ Sáu điều khiển xuồng rất nhanh nhẹn và khỏe khoắn; xuồng đi vùn vụt, có thể nhanh gấp đôi khi tôi điều khiển. Tôi bảo anh:

- Này Thứ Sáu! Bây giờ chúng ta có thể đi về quê hương anh được không?

Anh ta tỏ vẻ lo ngại vì xuồng nhỏ quá không thể

vượt biển được. Tôi bèn giới thiệu với anh chiếc xuồng lớn làm dạo trước, phơi nắng gió trong hai mươi ba năm trường, bây giờ đã nứt ngang nẻ dọc, gỗ mục gần hết. Theo ý anh thì cái xuồng này đủ sức lớn để vượt biển với tất cả lương thực cần phải đem theo.

Tôi bèn bảo anh là bây giờ cũng phải cố công làm cho được một cái xuồng lớn như thế để giúp cho anh trở về quê hương. Nghe tôi nói, anh cúi đầu có vẻ vô cùng buồn bã, không trả lời một tiếng. Tôi ngạc nhiên hỏi anh vì sao lại nín thinh như vậy, anh buồn rầu trả lời:

- Tại sao ông chủ lại giận Thứ Sáu? Tôi đã làm gì mất lòng ông chủ?

Tôi trả lời cho anh hiểu rằng anh đã nhầm chứ tôi có giận anh tí nào đâu?

- Không giận! - Anh trả lời ngay và nhắc đi nhắc lại nhiều lần hai tiếng đó. - Không giận! Thế thì sao ông chủ lại bảo Thứ Sáu trở về quê hương?

- Sao? - Tôi hỏi lại. - Thế không phải là anh đã nói với tôi rằng anh ước mong được trở về quê hương hay sao?

- Đúng thế! - Anh đáp lại. - Nhưng mà tôi muốn cả hai chúng ta cùng đi cơ mà! Thứ Sáu không muốn chỉ một mình Thứ Sáu trở về mà không có ông chủ cùng đến.

Tôi mới vỡ lẽ ra và thấy rõ ràng là Thứ Sáu không hề nghĩ đến vượt biển trở về quê hương một mình nếu không có tôi cùng đi. Tôi bèn hỏi anh xem cùng đi như thế thì có lợi gì? Anh hăng hái đáp lại ngay, rất chân thực:

- Ông chủ tốt lắm. Đến quê hương tôi, ông chủ sẽ làm được nhiều điều tốt cho đồng bào tôi. Ông chủ sẽ bày cho đồng bào tôi biết thân yêu nhau.

- Than ôi! Thứ Sáu ơi! - Tôi buồn rầu trả lời anh. - Anh chẳng hiểu gì về lời anh nói cả! Tôi chỉ là một người dốt nát không hơn không kém!

- Không đâu! Không đâu! - Anh vội vã đáp lại. - Ông chủ tốt lắm, giỏi lắm. Ông chủ đã bày bảo cho tôi biết rất nhiều điều tốt. Ông chủ cũng sẽ bày bảo cho đồng bào tôi như thế. Cũng là anh em cả đấy mà!

Tin chắc ở lòng chân thành của anh, tôi càng làm ra vẻ cương quyết để cho anh một mình trở về quê hương và quả nhiên như thế lại càng làm cho anh buồn bực vô chừng. Anh cầm ngay cái búa thường ngày vẫn mang theo bên mình mà đưa cho tôi:

- Đây, búa đây! Ông chủ giết Thứ Sáu đi chứ đừng bắt Thứ Sáu về quê hương một mình như thế.

Mắt anh đẫm nước mắt, vẻ mặt anh xem ra rất xúc động. Tôi lại càng thấm thía và tin tưởng vào tình cảm keo sơn của anh đối với tôi. Tôi vội an ủi

anh và hứa ngay với anh rằng sẽ không bao giờ bảo anh về quê hương một mình nếu tự anh chưa muốn về.

Tôi nhận thấy rằng sở dĩ anh bạn tôi nhất thiết muốn tôi cùng về quê hương là vì anh có một mối tình nồng thắm đối với đồng bào. Anh tin rằng nếu được tôi hướng dẫn bày bảo, đồng bào anh sẽ được sống một cuộc đời sung sướng. Còn tôi, tôi lại nghiêng về một phía khác. Lúc này tôi chỉ muốn tìm gặp những người da trắng bị phiêu giạt lên đó để cùng nhau mưu tính đường về quê hương là chính.

Không cân nhắc suy nghĩ gì nhiều nữa, tôi lo tìm ngay một thân cây khá lớn để đục một chiếc xuồng thích hợp với cuộc vượt biển mà chúng tôi hằng mơ ước. Trong đảo không hiếm cây to, nhưng tôi muốn tìm được một cây ở gần bờ biển hơn hết để sau khi làm xong, có thể đưa xuống xuống nước không đến nỗi chật vật quá.

Thứ Sáu tìm ngay được một cây to, không rõ là thứ gỗ gì nhưng theo anh thì dùng làm xuồng rất tốt. Anh định đốt lửa để khoét bên trong, nhưng tôi bày cho anh cách dùng con nêm bằng sắt mà đục cho nhanh và anh đã tỏ ra rất khéo tay đục đẽo. Sau một tháng trời làm việc không kể ngày đêm, anh đã rất thông thạo "nghề" và chúng tôi

đã làm xong cốt xuồng. Chiếc xuồng có vẻ đẹp và rất tốt, nhất là sau khi chúng tôi dùng búa đẽo bên ngoài vỏ cho ra dáng một chiếc tàu nhỏ. Nhưng nào đã xong được đâu! Chúng tôi còn phải bỏ ra nửa tháng trời nữa để đưa nó xuống nước bằng cách lót mấy khúc gỗ tròn bên dưới mà đẩy dần cho nó tuột đi từng tí một.

Tôi rất đỗi ngạc nhiên thấy Thứ Sáu điều khiển chiếc xuồng, lái đi, quay lại rất lành nghề, mặc dù xuồng rất lớn. Trong khi anh sửa nốt chiếc xuồng và tập dượt điều khiển thì tôi nhận trách nhiệm làm một cánh buồm. Tôi nhớ còn có khá nhiều những miếng vải cũ, nhưng bỏ lăn bỏ lóc trong suốt hai mươi sáu năm trời có lẽ cũng đã mục nát cả rồi. May sao tôi vẫn chọn được hai miếng còn khá bền. Sau bao phen tê tay mỏi mắt vì phải may vá nhiều mà lại không có kim, tôi cũng khâu xong một lá buồm tam giác tạm coi được. Đó là loại buồm tôi quen điều khiển hơn hết.

Tôi lại mất luôn hai tháng trời nữa mới dựng xong cột buồm và treo buồm lên, đồng thời cũng xem xét, sửa chữa và làm nốt những thứ vặt vãnh khác trên xuồng. Tôi thêm vào cho cánh buồm lớn một lưới dây nhỏ và một lá buồm phụ phía trước để giữ cho xuồng đi vững, phòng khi bị nước triều cuốn đi mạnh

quá. Cuối cùng, tôi lắp một bánh lái vào sau xuồng. Tôi vẫn chỉ là một anh thợ mộc khá tồi, nhưng vì được biết quá rõ ích lợi và sự cần thiết của bánh lái cho nên tôi hết sức để tâm vào việc đó và cuối cùng đã hoàn thành. Chỉ riêng cái bánh lái này cũng bắt tôi hao công tốn sức bằng làm tất cả chiếc xuồng và mọi phụ tùng khác.

Thế là tôi bắt đầu bước vào năm thứ hai mươi bảy của cuộc đời đày ải trên hòn đảo hoang vu này, mặc dầu đúng ra thì không thể gọi ba năm gần đây là đày ải được. Suốt ba năm ấy, tôi rất vui sướng vì có người giúp việc trung thành bên cạnh. Hàng năm tôi vẫn kỷ niệm ngày tôi đặt chân lên đảo với tất cả những nghi thức như trước kia đã kể lại với các bạn đọc. Năm nay lại còn quan trọng hơn những năm trước vì nó đem lại cho tôi thêm một niềm hy vọng mới là sẽ thoát khỏi hòn đảo này. Tôi tin chắc rằng chỉ nội trong năm nay hy vọng ấy sẽ trở thành sự thật. Tuy nhiên, tôi vẫn không một phút sao lãng công việc thường ngày. Tôi vẫn cày đất như mọi năm, trồng trọt, phơi nho, làm thêm hàng rào. Nói tóm lại, chúng tôi cứ cặm cụi và vui vẻ làm việc như là suốt đời sẽ ở trên đảo.

Mùa mưa đã tới. Chúng tôi lại phải ở lì trong nhà nhiều hơn những mùa khác. Chúng tôi đã chuẩn

bị mọi thứ để giữ gìn cho chiếc xuồng mới được yên ổn. Chúng tôi ròng nó vào trong cái vịnh nhỏ và, nhân lúc thủy triều lên cao, kéo nó lên bãi cát. Thứ Sáu đã đào cho nó một cái bể chứa nhỏ vừa đủ sâu để khi cần thì có thể dẫn nước vào cho xuồng nổi lên. Và khi thủy triều lên, chúng tôi tìm mọi cách ngăn hẳn không cho nước biển lọt được vào trong cái bể ấy nữa. Chúng tôi ghép rất nhiều cành cây lại với nhau thành nhiều lớp, kín đáo và chắc chắn hơn cả mái rạ để che cho xuồng khỏi bị dãi dầu mưa nắng. Như vậy, chúng tôi có thể yên tâm chờ đến tháng mười một hay tháng chạp, tiết trời thuận lợi để vượt biển.

Mùa khô ráo bắt đầu trở lại, hy vọng vượt biển của chúng tôi lại càng gần ngày thực hiện. Ngày đêm chúng tôi bận tíu tít, nhất là phải lo lắng thu thập lương thực cần thiết cho cuộc đi khá phiêu lưu, dự định trong vòng nửa tháng nữa.

Một buổi sáng, trong khi đang lo thu dọn, tôi bảo Thứ Sáu chạy ra ngoài bờ biển tìm vài con rùa về làm thịt ăn. Cũng như tôi, Thứ Sáu rất thích cái món này, ăn trứng hoặc ăn thịt. Dạo này, con chó của tôi đã chết vì già quá rồi, nên Thứ Sáu thiếu một cánh tay giúp việc săn rùa đắc lực. Tuy thế, thường anh vẫn tỏ ra "may mắn" hơn tôi.

Nhưng vừa ra khỏi nhà được độ dăm phút, anh đã ba chân bốn cẳng chạy trở về, nhảy vút qua bức lũy như bay mà vào, chân không kịp bén đất. Không chờ tôi hỏi, anh kêu lên ngay:

- Ông chủ, ông chủ ơi! Khổ quá! Nguy quá!

- Thứ Sáu! Cái gì thế? - Tôi hỏi lại. - Cái gì thế?

- Ồ, kia kìa, ngoài kia kìa, - anh ta trả lời vội vã, - có ba chiếc xuồng, ba chiếc xuồng của kẻ thù!

Tôi tìm hết cách làm cho anh ta yên lòng, nhưng anh vẫn không bớt vẻ hốt hoảng. Anh sợ những người thổ dân kia đến đây bắt anh để giết. Tôi an ủi và khuyến khích anh:

- Thứ Sáu hãy can đảm lên chứ! Tai nạn lớn đó cũng đe dọa tôi như anh chứ có khác gì! Nếu họ bắt được chúng ta thì chắc là họ chẳng tha gì tôi cũng như chẳng tha gì anh. Có phải không, anh bạn thân mến? Vậy thì nhất định chúng ta phải liều một phen sống mái với họ. Anh bạn của tôi ơi! Anh còn biết đánh nhau chứ?

- Tôi bắn được! - Anh đáp lại đã có vẻ vững tâm hơn. - Nhưng mà họ đông quá, nhiều quá.

- Cái đó không đáng ngại! - Tôi bảo anh ta. - Súng của chúng ta sẽ làm cho những người không bị bắn cũng phải khiếp sợ bỏ trốn. Chúng ta sẽ sẵn sàng đương đầu với mọi nguy hiểm để cứu giúp nhau.

Bây giờ thì tôi chỉ huy trận đánh, anh hết sức nghe theo lời tôi và làm đúng như tôi chỉ dẫn. Đó là kỷ luật ra trận đấy nhá!

- Vâng! - Anh đáp lại rắn rỏi. - Tôi sẵn sàng chết nếu cần phải chết.

- Chúng ta sẽ không chết đâu, Thứ Sáu ạ!

Tôi khuyến khích anh ta và, để tăng thêm dũng khí, chúng tôi uống mỗi người một hớp rượu mạnh. Sau đó, tôi chia khí giới với anh. Mỗi người chúng tôi giắt một khẩu súng ngắn vào thắt lưng và đeo lên vai ba khẩu súng dài, rồi cùng nhau lên đường chiến đấu. Ngoài khí giới, tôi còn mang theo một bầu rượu mạnh và đưa cho Thứ Sáu một túi đầy thuốc súng và đạn. Mệnh lệnh duy nhất mà anh phải tuân theo sự chỉ huy của tôi là phải bám riết lấy tôi, không có một lời nói, một hành động nào tự động trước khi làm chủ chiến trường. Tôi dùng kính viễn vọng tìm được một con đường nhỏ để vòng qua bên kia cái vịnh. Tới đó, chúng tôi đi xuyên vào rừng đến một chỗ có thể ngắm bắn vào kẻ địch vừa tầm đạn trước khi họ tìm ra chúng tôi.

Tôi đi trong rừng rất thận trọng và rất lặng lẽ; Thứ Sáu theo sát gót. Chúng tôi cứ tiến dần lên cho tới lúc chỉ còn cách họ một lùm cây nhỏ. Nhìn thấy một cây rất cao, tôi khẽ gọi Thứ Sáu và bảo

anh tìm cách đi sâu về phía đó rồi trèo lên cây mà dò xét tình hình địch. Anh đi ngay và phút chốc đã quay trở lại báo cho tôi biết rằng đứng ở đó có thể thấy quân địch rất rõ ràng. Họ đương ngồi quanh đống lửa, hành hình một tù binh. Cách đó chừng mươi bước còn có một người tù nữa bị trói nằm trên cát và có lẽ cũng sắp sửa chịu một số phận như người kia. Người này không phải là đồng bào của anh mà lại giống như những người rậm râu đã thoát nạn đắm tàu và đã ghé xuống vào quê hương anh. Những tin tức đó và nhất là những đặc điểm về người tù rậm râu làm cho tôi lại nóng cả gan ruột. Tôi tự mình tiến lại phía cái cây cao và thấy rõ ràng một người nằm dài trên bãi cát, tay chân đều bị trói chặt. Nhìn áo quần người ấy, tôi biết đó là một người châu Âu.

Tôi nhìn quanh và thấy một cây to khác mọc giữa một bụi rậm nhỏ gần chỗ những người thổ dân tụ họp hơn. Nếu tôi lại được đó mà không bị lộ thì chỉ còn cách họ chừng nửa tầm đạn. Nắm vững tình hình, tôi lại bình tĩnh hơn; tôi luồn rất nhẹ nhàng sau những bụi rậm để đi tới chỗ cây lớn. Tới nơi, vừa gặp một mô đất nhỏ, tôi bèn nấp sau đó xem xét tình hình địch cho kỹ hơn.

Tình thế quả đã khẩn cấp lắm rồi: Mười chín kẻ

chiến thắng đang ngồi sát nhau dưới đất và cử hai tên trong bọn lại cởi trói người tù rậm râu để đem lại nơi hành hình. Trong lúc hai tên này đang lúi húi cởi dây buộc chân người tù, tội vội quay lại bảo Thứ Sáu:

- Nào, Thứ Sáu! Anh hãy chú ý nghe theo tôi. Chúng ta chuẩn bị chiến đấu. Thấy tôi làm gì thì anh làm theo nấy, nhất thiết đừng có sai một ly nào đấy nhé!

Anh hứa sẽ làm theo đúng như lời tôi dặn. Tôi bèn đặt xuống đất một khẩu hỏa mai và một khẩu súng săn; Thứ Sáu làm theo đúng răm rắp. Tôi lấy khẩu súng hỏa mai thứ hai và nhằm thẳng vào đám người thổ dân, Thứ Sáu cũng làm theo như thế. Tôi hỏi anh:

- Sẵn sàng chưa?

- Xong! - Anh trả lời và ngay lúc đó chúng tôi cùng kéo cò một lượt.

Lần đầu tiên bắn súng vào kẻ thù, Thứ Sáu đã tỏ ra ngắm giỏi hơn hẳn tôi. Phát súng của anh đã bắn ngã hai tên địch và làm ba tên khác bị thương; còn tôi thì chỉ bắn ngã một và làm bị thương hai tên. Tả làm sao nổi nỗi kinh hoàng của đám thổ dân bị đánh bất ngờ! Những người chưa bị ngã đều vội vã nhỏm dậy, lúng túng không biết phải chạy

đường nào cho thoát một tai nạn từ đâu giáng xuống không rõ. Trong lúc đó, Thứ Sáu luôn luôn chăm chú nhìn tôi để theo dõi và rập theo hành động của tôi. Sau khi thấy rõ kết quả của đợt súng đầu tiên, tôi hạ khẩu hỏa mai xuống, cầm khẩu súng săn lên, và người giúp việc của tôi cũng làm theo đúng như thế. Anh cũng nhắm theo kẻ địch như tôi. Tôi lại hỏi:

- Sẵn sàng chưa?

Anh trả lời là đã sẵn sàng thì tôi lại bảo anh:

- Thế thì nổ súng ngay đi thôi!

Chúng tôi lại bắn theo vào cái đám người đang sợ hãi chạy tán loạn. Súng của chúng tôi chỉ nạp đạn ghém cỡ nhỏ dùng cho súng ngắn nên chỉ hạ được có hai tên, nhưng lại làm bị thương khá nhiều tên khác. Bọn này chạy tan tác khắp nơi, máu me đầy mình. Sau đó có ba tên ngã xuống vì bị thương nặng.

Chúng tôi đặt khẩu súng hết đạn xuống đất, lấy khẩu hỏa mai thứ nhì lên. Tôi nhảy vụt ra khỏi chỗ nấp, Thứ Sáu bám sát theo sau. Vừa lộ mặt ra, tôi thét lên một tiếng long trời, Thứ Sáu cũng thét lên một tiếng còn ghê rợn hơn nữa. Dù trên vai mang khí giới đã nặng, tôi cố chạy thật nhanh lại gần người tù binh khốn khổ đương nằm đờ trên cát. Hai

tên đao phủ đã bỏ mặc người đó ngay sau những tiếng súng thứ nhất. Chúng khiếp đảm chạy ra bờ biển, nhảy lên một cái xuồng, có ba tên khác theo sát gót. Bọn kia cũng ùa nhau chạy ra phía bờ biển; chúng tôi hoàn toàn làm chủ trận địa. Thứ Sáu hăng máu, không chờ tôi ra lệnh nữa, cứ xông xáo đuổi theo quân thù đang nhớn nhác chạy dài. Anh bắn nốt một phát súng trúng thêm mấy tên địch nữa; nhưng vì bị thương nhẹ nên chúng lại đứng dậy chạy ngay. Liếc nhìn anh, tôi nghĩ bọn kia tất phải tưởng anh là tướng nhà trời xuống trừng phạt họ.

Trong khi người giúp việc của tôi say sưa tiêu diệt địch như thế, tôi rút dao ra cắt đứt dây trói cho người tù binh. Tôi đỡ người đó ngồi dậy và hỏi bằng tiếng Bồ Đào Nha xem ông ta là ai. Nhưng ông ta đã yếu quá, hầu như không còn đủ sức đứng dậy và nói được. Tôi bèn đưa bầu rượu mạnh và ra hiệu bảo ông ta uống. Ông ta nghe theo. Tôi lại đưa cho ông ta một miếng bánh và ông cũng ăn ngay lúc đó.

Sau khi lại sức được một chút, ông ta nói cho tôi biết mình là người Tây Ban Nha và vô cùng cảm ơn tôi đã cứu sống ông. Tôi tập hợp tất cả vốn liếng ngôn ngữ Tây Ban Nha của tôi lại để có thể bập bẹ nói chuyện với người bạn mới:

- Xinho[1]! Chúng ta sẽ nói chuyện nhiều vào lúc khác. Bây giờ thì phải chiến đấu đã. Nếu ông còn chút sức khỏe nào thì hãy cầm lấy khẩu súng ngắn và thanh gươm này rồi hết sức dùng cho thật được việc.

Ông ta cầm lấy khí giới, vẻ hàm ơn lộ trên nét mặt. Hình như khí giới đã đem lại cho ông tất cả sức khỏe. Ông ta nhảy xổ ngay vào đám kẻ thù và chỉ trở tay một cái, ông đã xỉa đến hai nhát gươm. Thật ra thì bọn họ cũng chẳng chống đỡ gì cả. Những người thổ dân không may đó đã quá khiếp đảm vì những tiếng súng của chúng tôi đến nỗi không dám chống cự lại nữa.

Tôi vẫn giữ bên mình khẩu súng săn cuối cùng, không bắn vội, để khỏi bị lúng túng bất ngờ. Tất cả khí giới của tôi chỉ còn lại có thế vì tôi đã đưa khẩu súng ngắn và thanh gươm cho người bạn Tây Ban Nha rồi. Tôi gọi Thứ Sáu bảo trở về chỗ chúng tôi đã bắn loạt súng đầu tiên đem lại đây những súng đã hết đạn. Anh ta chạy thật nhanh đi lấy ngay. Trong khi tôi nạp lại súng, một cuộc chiến đấu thật ác liệt đã xảy ra giữa người Tây Ban Nha và một người thổ dân vừa mới nhảy xổ vào ông ta

---

[1] Xinho: Ông (tiếng Tây Ban Nha) (N.D.)

với một thanh kiếm gỗ trong tay. Có lẽ anh này biết đó là người tù binh cũ chứ không phải "thiên tướng" nên vững lòng đánh lại. Mặc dầu còn yếu, người Tây Ban Nha vẫn tỏ ra can đảm và hăng hái phi thường. Ông ta đương đầu với người thổ dân một lúc lâu và đã hai lần chém kẻ địch bị thương ở đầu. Nhưng người thổ dân đã ôm chặt được ông ta mà quật ngã xuống và tìm hết cách để cướp lấy thanh gươm. Trong cơn nguy biến đó, người Tây Ban Nha không chút hoảng hốt. Ông thận trọng buông thanh gươm xuống rút ngay khẩu súng ngắn ra bắn chết kẻ thù. Nhưng hạ được kẻ thù thì ông ta cũng kiệt sức, phải ngồi phịch xuống đất nghỉ.

Ngay lúc đó, Thứ Sáu nảy ra một ý kiến mà từ đầu tôi không nghĩ tới. Nếu để những người thổ dân trốn thoát thì rất có thể họ sẽ kéo đông người đến trả thù và tất nhiên tính mạng chúng tôi chỉ còn treo trên sợi tóc. Tôi thấy cũng có lý. Thứ Sáu bàn nên lấy một chiếc xuồng của họ mà chèo đuổi theo bắn thủng xuồng cho họ chết chìm. Tôi nghe theo anh ta và nhảy ngay vào cái xuồng gần nhất rồi gọi Thứ Sáu cùng đi. Nhưng tôi rất kinh ngạc thấy còn một tù binh thứ ba nằm trong xuồng cũng bị trói gô như người Tây Ban Nha kia, và gần như chết ngất đi vì sợ. Ông ta bị trói chặt quá không

thể nhấc đầu lên được và coi chừng không thở ra hơi nữa, có vẻ sắp chết.

Tôi vội cắt đứt những dây trói chằng chịt đã làm cho ông ta nhức nhối quá mức. Tôi cố sức đỡ ông ta dậy nhưng ông ta không còn đủ sức đứng lên và nói ra tiếng nữa. Ông ta chỉ kêu lên những tiếng chói tai và thật não ruột, có lẽ vì sợ người ta cởi trói cho mình để đem đi hành hình chăng!

Thứ Sáu bước chân vào xuồng; tôi bảo anh an ủi người bị nạn yên tâm vì đã được thoát nạn. Tôi lại đưa cho người ấy uống một hớp rượu mạnh. Nhờ sức rượu, kết hợp với tin mừng được cứu sống bất ngờ, người bị nạn tỉnh ngay lại và có thể gắng gượng đứng dậy được.

Sau vài phút đồng hồ nhìn kỹ và nghe người ấy nói bỗng nhiên Thứ Sáu ôm lấy ông ta mà hôn hít. Thật là một cảnh cảm động, có thể làm ứa nước mắt những người sắt đá nhất. Anh ta khóc, cười, nhảy múa chung quanh người kia rồi lại nắm hai tay lại với nhau mà vặn, đập tay vào mặt, rồi lại nhảy, lại múa nữa, và cuối cùng là những hành động có vẻ thiếu tự chủ, như dại như điên. Trong một lúc lâu, mặc dầu tôi rất ngạc nhiên, anh vẫn không thể bình tĩnh để bày tỏ cho tôi biết rõ nguyên do những cử chỉ kỳ quặc đó. Nhưng về sau, trấn tĩnh

được một chút, anh vui mừng nói cho tôi biết đó là bố đẻ của anh.

Tôi rất xúc động trước cảnh đó. Nhìn thấy chính bố mình đã được cứu thoát khỏi bàn tay độc ác của kẻ thù, Thứ Sáu mừng mừng tủi tủi. Anh đã làm những cử chỉ lạ lùng nhưng đầy tình thân ái. Anh bước vào trong xuồng rồi ra ngoài xuồng, rồi lại trở vào trong xuồng. Anh lại ngồi ngay bên cạnh bố anh, anh ôm lấy đầu bố mà áp vào ngực mình đến nửa giờ đồng hồ liền để truyền hơi ấm cho bố; anh nắm lấy chân, lấy tay ông lão đương cứng đờ ra vì bị trói chặt quá và loay hoay tìm hết cách để xoa nắn cho dịu lại. Đoán được ý muốn ấy, tôi đưa cho anh bầu rượu mạnh để xoa bóp cho ông lão. Quả nhiên ông già thổ dân thấy dễ chịu hơn rõ ràng.

CHƯƠNG 15

Những người thổ dân đã đi rất xa; chúng tôi không nhìn thấy chiếc xuồng chở họ đâu nữa cả. Chúng tôi cũng không phải lo ngại lâu bởi vì chỉ hai giờ đồng hồ sau, lúc đó có lẽ chưa đi được một phần tư quãng đường, ngoài khơi bỗng có một cơn gió mùa tây bắc nổi lên dữ dội và kéo dài tới suốt đêm. Bị trái gió trong phong ba, xuồng lại chở nặng, chắc chắn họ không thể nào về tới bờ bên kia được.

Chúng ta hãy trở lại chuyện của Thứ Sáu. Anh ta cứ rối rít bên cạnh bố đến nỗi tôi cũng không nỡ lòng gọi anh lại nữa. Một lúc sau khá lâu, xét thấy cũng tạm đủ cho anh ta tỏ nỗi hân hoan của mình rồi, tôi mới lên tiếng gọi. Anh chàng vừa chạy lại phía tôi vừa nhảy chân sáo vừa cười vừa tỏ ra vui mừng vô độ. Tôi hỏi anh đã đưa bánh cho ông cụ ăn chưa? Anh trả lời có vẻ hối hận:

- Chưa! Tôi thật là đồ tồi! Tôi ăn hết mất cả bánh rồi, có còn gì đâu nữa mà đưa!

Tôi lấy ở trong túi ra đưa cho anh một cái bánh bột mì nướng và bảo anh uống lấy một hớp rượu

mạnh. Anh không nhấp một tí nào mà đem tất cả lại cho bố anh. Tôi lại đưa thêm cho anh một vốc nho khô để đem lại cho ông lão một thể.

Một lát sau, anh nhảy ra khỏi xuồng và chạy vụt về phía nhà tôi ở, thoáng một cái đã mất hút bóng. Mặc cho tôi gọi ầm lên, anh vẫn làm ngơ như không nghe thấy gì và cứ cắm cổ chạy. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc anh đã trở lại, chạy thong thả hơn vì đang vướng vật gì cầm trong tay không rõ. Thì ra anh về lấy ra một bình nước và mấy miếng bánh. Anh đưa bình nước cho tôi uống mấy hớp rồi xách lại cho bố. Uống nước xong, ông lão tỉnh hẳn dậy. Sở dĩ nước lã làm cho ông khoan khoái và khỏe khoắn lên như thế, hơn hẳn cả rượu mạnh lúc nãy, chỉ vì ông lão đã khát nước ráo cả họng.

Ông già uống xong, tôi bèn bảo Thứ Sáu mang bình nước và một cái bánh lại cho người Tây Ban Nha đương nằm dài trên cỏ dưới bóng cây và tỏ ra suy nhược quá đỗi. Ông ta cũng gắng gượng ngồi dậy ăn uống. Tôi lại gần và đưa cho ông một vốc nho khô. Ông ta nhìn chúng tôi tỏ vẻ trìu mến và cảm kích muôn phần. Vừa rồi ông đã chiến đấu rất hùng dũng, nhưng vì mất sức nhiều quá nên bây giờ không thể đứng vững được. Ông gắng gượng đứng dậy hai ba phen không nổi, vì chân bị trói chặt lâu quá nên sưng vù lên, nhức nhối lạ thường.

Tôi bảo Thứ Sáu lấy rượu mạnh xoa bóp cho ông ta, cũng như vừa rồi anh đã xoa bóp cho bố. Trong lúc đó tôi đi xem lại chiến trường và chôn cất mấy cái xác chết.

Thứ Sáu săn sóc người Tây Ban Nha rất tận tình, nhưng thỉnh thoảng vẫn ngoảnh mặt nhìn về phía bố anh để xem ông già có còn ở đó và có còn ngồi y nguyên như trước nữa không. Một lần không nhìn thấy ông già đâu cả, anh vội đứng phắt dậy, chạy như bay lại phía đó. Nhưng vừa nhảy vào trong xuồng, anh vui vẻ thấy không xảy ra việc gì đáng lo cả; bố anh chỉ nằm xuống để nghỉ một chút thôi. Khi Thứ Sáu quay trở lại, tôi nhờ anh đỡ người Tây Ban Nha đứng dậy và dìu ông ta ra xuồng để chở về nhà, có đủ điều kiện chăm nom săn sóc hơn. Anh ta không chờ người Tây Ban Nha nhỏm dậy nữa. Vốn rất khỏe và cũng rất nhanh nhẹn, anh cõng ngay ông ta lên vai, đi một mạch tới xuồng và đặt ông ngồi xuống sát cạnh bố anh. Xong xuôi, anh trèo ra ngoài đẩy mạnh xuồng xuống nước rồi mặc dầu ngược chiều gió, anh đẩy chiếc xuồng chạy men theo bờ nhanh hơn tôi đi trên bộ. Đưa xuồng vào trong vịnh xong, anh chạy như bay trở lại lấy nốt chiếc xuồng thứ nhì, đem về tới nơi cũng vừa kịp lúc tôi đi bộ về và chở tôi qua vịnh. Anh định giúp hai người kia ra khỏi xuồng nhưng cả hai đều suy

nhược quá, không bước nổi một bước, khiến anh lúng túng không biết xoay sở ra sao.

Tôi thấy vậy bèn suy nghĩ tìm cách giải quyết khó khăn đó. Tôi bảo Thứ Sáu hãy ngồi nghỉ một chút, còn tôi thì bắt tay làm một cái cáng. Chúng tôi đặt cả hai người lên trên cáng và khiêng về tận bức lũy bên ngoài. Nhưng tới đây, chúng tôi lại càng lúng túng hơn. Tôi không muốn phá lũy bất cứ chỗ nào nhưng chúng tôi cũng không nghĩ ra được cách gì để đưa hai người ấy vượt qua lũy được. Chỉ còn một cách là để cho họ nghỉ tạm ngoài này. Tức thì chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ, chúng tôi dựng lên một nếp lều nhỏ che bằng cành lá và vải cũ, giữa bức lũy và lùm cây tôi đã trồng gần đó. Tôi lấy mấy bó rạ đánh thành hai cái nệm thật êm đem lót trong lều; trên nệm lại trải một cái chăn để nằm và có thêm một cái chăn khác để đắp.

Thế là hòn đảo vắng vẻ của tôi đã tăng thêm dân số; tôi đã có đông thêm tay chân thân tín. Cũng có lúc cao hứng, tôi lấy làm thích thú nghĩ rằng ở đây mình có thể tự coi là một vị chúa tể nhỏ, tất cả hòn đảo này là giang sơn của mình không ai có thể chối cãi được! Những người bạn của tôi thật là tốt nhất đời, họ mến phục và tin cậy tôi vô cùng. Dù sao thì tôi cũng đã cứu sống họ và chắc chắn họ sẽ không ngần ngại hy sinh tính mạng để cứu

tôi khi cần thiết.

Thu xếp xong nơi ăn chốn ở cho những người mới, tôi nghĩ ngay đến việc lấy lại sức khỏe cho họ bằng một bữa ăn thịnh soạn. Tôi bảo Thứ Sáu ra trại chăn nuôi bắt về một con dê non chừng một năm. Chúng tôi mổ thịt dê, chặt nhỏ đem nấu xáo và hầm. Tôi có thể cam đoan với các bạn rằng hai người khách quí đã được thết đãi một món thịt hầm đặc biệt và một món cháo rất ngon nấu bằng thịt dê với lúa mạch và gạo tẻ. Tôi bưng tất cả vào lều và dọn ra, bốn người ngồi chén tạc chén thù. Bữa cơm vui vẻ quá đi mất! Chúng tôi cố gắng tiếp đãi khách thật ân cần và tìm cách khuyến khích họ ăn uống cho thỏa thuê. Tôi nhờ Thứ Sáu phiên dịch hộ, không những với bố anh ta mà cả với ông bạn Tây Ban Nha nữa, ông này nói tiếng thổ dân thành thạo vô cùng.

Tôi thấy đã đến lúc có thể tâm sự với những người bạn mới này. Trước tiên, tôi nói chuyện với bố Thứ Sáu. Tôi hỏi ông già có ý kiến gì về những người thổ dân đã trốn thoát cuộc chiến đấu vừa rồi không? Liệu họ có thể trở lại đây với một lực lượng khá đông để áp đảo chúng ta không? Theo ý ông ta thì bọn họ không có hy vọng thoát khỏi cơn dông tố và chắc là đã chết đuối hết. Hoặc giả họ có bị bão cuốn về phía nam, ghé được vào một bờ biển nào

đó thì cũng lại bị kẻ địch bắt giết đi thôi. Ví thử họ có may mắn về tới xứ sở được thì ông lão cho rằng họ cũng đã mất mật vì cách tấn công bất ngờ của chúng tôi và choáng váng vì ánh lửa và tiếng súng nổ. Chắc chắn họ sẽ kể lại cho đồng bào nghe là những người đi đã bị sấm sét đánh chết và hai kẻ địch đã xuất hiện bất ngờ chắc là thần thánh trên trời hiện xuống để tiêu diệt họ. Ông lão rất tin vào sự phỏng đoán đó. Ông đã nghe bọn chạy trốn nói với nhau không hiểu tại sao người ta lại có thể thổi ra sét, nói ra sấm và giết chết được kẻ khác ở thật xa, chẳng cần giơ tay lên chút nào. Có lẽ đúng như thế vì từ đó chúng tôi không thấy một chiếc xuồng nào ghé vào đảo. Tôi tin lời ông lão và cũng khuây dần nỗi lo âu.

Tôi tiếp tục nói chuyện với ông lão về dự kiến cuộc vượt biển sang đất liền. Ông bố Thứ Sáu cam đoan rằng đồng bào của ông sẽ đón tiếp tôi rất tử tế vì họ rất quí mến ông lão.

Nhưng sau một buổi nói chuyện rất cặn kẽ với người bạn Tây Ban Nha, tôi lại tạm hoãn cuộc hành trình đó. Ông ta kể cho tôi biết rằng ông còn mười sáu bạn đồng hành, người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha bị đắm tàu. Họ phải trải qua nhiều gian truân trước khi giạt vào bờ biển, thoát nạn, lên bờ và hiện đang ở lại trên đất liền. Thực ra ở đó thì họ sống

cũng rất yên ổn với những bộ lạc thổ dân chung quanh, nhưng đời sống rất khổ cực, thiếu thốn quá chừng, phải cố gắng làm mới không đến nỗi bị chết đói. Tôi hỏi ông ta rất cặn kẽ mọi chi tiết về chuyến đi của họ. Nhờ thế tôi biết được rằng họ là hành khách trên một chiếc tàu Tây Ban Nha. Tàu đi từ sông Riôđờla Pơlata đến Lahavan, chở da, lông thú và bạc nén, rồi ở lại để nhận tất cả những hàng hóa châu Âu có thể mua được. Sau khi vượt muôn ngàn nguy hiểm, họ giạt lên một bờ biển, có nhiều thổ dân, luôn luôn nơm nớp sợ bị giết chết nếu bất ngờ bị bắt gặp. Họ có mang theo mấy khẩu súng nhưng thiếu thuốc đạn. Chỉ trong mấy ngày đầu còn một ít thuốc đạn thì đã dùng để săn bắn kiếm ăn hết sạch tất cả. Tôi hỏi ông ta:

- Thế rồi họ sẽ ra sao? Không bao giờ các ông nghĩ tới việc thoát ra khỏi cái chốn khổ ải ấy ư?

Ông ta trả lời là đã nhiều lần mấy anh em cũng có nghĩ tới việc ấy, nhưng hiện giờ họ đang gặp hoàn cảnh không có tàu bè, thiếu dụng cụ vật liệu để đóng một chiếc tàu khác, không có lương ăn. Bao nhiêu ý định của họ đều tan ra mây khói và họ càng ngày càng tuyệt vọng.

Tôi bèn hỏi ông xem nếu bây giờ chúng tôi tìm cách đưa họ về đây cùng sống với mấy anh em thì thái độ họ sẽ thế nào? Họ có vui lòng đem hết công

hết sức ra làm lụng như mọi người ở đây không?

- Tuy nhiên, - tôi nói thêm, - cũng xin thú thật với ông rằng tôi vẫn cứ dè chừng một sự tráo trở nào đó về phía họ. Lòng biết ơn đâu có phải là một đức tốt quen thuộc của con người! Có mấy khi người ta lại đối xử tương xứng với chính những việc người khác làm cho mình! Thường chỉ là xứng với những lợi lộc mà người ta hy vọng rút ra được từ những việc đó thôi!

- Và quả là một cái gì quá ư tàn nhẫn cho tôi, - tôi nói tiếp, - nếu, đáng ra được đối xử xứng đáng là người đã tổ chức giải thoát cho họ, tôi lại bị tóm lấy cổ, dẫn về tận Tây Ban Nha. Bất cứ một người Anh nào, do bất kỳ một tai họa nào mà có mặt ở đó, đều phải sẵn sàng nhận một số phận đau khổ nhất.

- Nếu gạt bỏ được điều e ngại đó, - tôi lại nói thêm nữa, - tôi nghĩ rằng ý định của tôi sẽ được thực hiện không có gì khó khăn.

- Nếu các bạn của ông đến đây tất cả thì chúng ta sẽ thừa sức đóng một chiếc thuyền khá lớn để cùng nhau vượt biển. Nếu đi về phía nam thì ghé vào nước Bờrêdin, nếu đi lên phía bắc thì ghé vào những hòn đảo thuộc Tây Ban Nha. Ghé vào đâu, chúng ta cũng sẽ thoát khỏi cảnh khổ cực hiện tại, miễn là mỗi người đều tin tưởng vào sự xếp đặt của tôi.

Sau khi lắng nghe kỹ lời tôi, ông bạn Tây Ban Nha lại nói thêm rất chân thành rằng những người đó đã cảm thấy quá sâu sắc tất cả nỗi đau khổ của họ trong hoàn cảnh hiện nay. Chắc chắn họ sẽ hoàn toàn tin tưởng và nghe theo người đã đem hết tâm sức để cứu họ thoát cảnh đói và tất nhiên họ không hề mảy may có ý định phản bội ân nhân. Ông nói tiếp với một giọng vui vẻ:

- Hoặc giả họ không muốn trở về nước mà thích ở lại đây gây dựng cơ nghiệp thì còn gì tốt hơn! Ông sẽ chia cho họ đất đai để làm ăn sinh sống. Họ đều là những người lương thiện và đương lâm vào một tình cảnh cơ cực không thể tưởng tượng được, thiếu khí giới và áo quần, không có gì nuôi thân ngoài những sự giúp đỡ - cũng rất nghèo nàn - của những người thổ dân tốt bụng. Họ không còn một tia hy vọng nào trở về Tổ quốc nữa. Bây giờ nếu được giúp đỡ để thoát khỏi cảnh đó thì bảo gì mà họ không theo!

- Nếu ông đồng ý, - ông lại tiếp, - tôi xin cùng đi với ông già thổ dân đến gặp họ. Tôi sẽ nói cho họ biết ý định nhân đạo của ông và tôi lại trở về nói cho ông biết ý của họ. Tôi sẽ không giao ước gì với họ nếu họ chưa hứa với tôi một lòng thực hiện giao ước hết sức trang nghiêm. Tôi muốn thuyết phục họ vui lòng thừa nhận ông là chỉ huy của họ.

Họ phải kính cẩn tuyên thệ và thành tâm theo ông đến bất cứ một xứ sở văn minh nào mà ông đưa họ đến. Họ sẽ tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của ông cho đến lúc tất cả chúng ta đều đến nơi đó. Tôi lại còn muốn đưa về cho ông một bản cam đoan về tất cả những điều ấy, viết trên giấy và có chữ ký của tất cả những người ấy.

Để cho tôi có thể tin ở ông ta hơn, ông ta xin được chính tự mình tuyên thệ với tôi trước khi lên đường. Ông ta nguyền không bao giờ xa rời tôi nếu không được lệnh của tôi, sẽ bảo vệ tôi đến giọt máu cuối cùng nếu đồng bào của ông lại hèn nhát đến mức phản bội những điều đã giao ước.

Biết được tình hình như thế, tôi lại càng nóng lòng chuẩn bị mọi thứ để cứu giúp những con người đáng thương ấy. Chúng tôi cử ông bạn Tây Ban Nha cùng đi với ông lão thổ dân sang liên lạc trước với họ. Nhưng khi mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi chỉ còn chờ ngày lên đường thì chính ông bạn Tây Ban Nha lại vạch cho tôi thấy một khó khăn mới. Qua ý kiến đó, tôi càng thấy rõ ông là người từng trải và rất chân thành. Tôi lại thêm tin cậy, quý mến ông và theo ngay lời khuyên của ông mà hoãn cuộc hành trình lại độ năm sáu tháng nữa. Đầu đuôi câu chuyện là như thế này:

Ông ta đã ở trên đảo này với chúng tôi một thời

gian, tôi đã chỉ cho ông thấy tất cả số lương thực thu góp được nhờ sự cần cù lao động và sáng kiến của chúng tôi từ trước đến nay. Ông ta thấy ngay tất cả số thóc lúa đó dẫu có thể đầy đủ hoặc có phần dư dật cho tôi và Thứ Sáu thì cũng khó mà nuôi đủ cái gia đình mới của tôi nếu không tiết kiệm hết sức. Thế thì còn nói chi đến chuyện cung cấp cả cho những người bạn ông ta, đến những mười sáu miệng ăn nữa!

Mà nào đã hết đâu! Chúng tôi lại còn cần một số lương thực dự trữ lớn, chuẩn bị cho cuộc hành trình sau này tới một xứ sở nào đó để tìm đường trở về Tổ Quốc. Ông góp ý là nên khai phá nhiều đất hoang nữa, gieo tất cả số thóc còn thừa và chờ mùa gặt hái xong sẽ đi đón những người bạn ông ta thì hơn.

- Ông ạ, - ông ta nói thêm - nạn đói rất có thể đẩy họ đến chỗ nổi loạn vì nó sẽ làm cho họ cảm thấy rằng chúng ta đã đưa họ ra khỏi một cảnh khổ này để rơi vào một cảnh cơ cực khác.

Từ nay, chúng tôi đã trở thành một lực lượng hùng mạnh rồi, không còn sợ gì những người thổ dân nữa, trừ phi họ kéo đến thật đông. Chúng tôi đường hoàng đi dạo khắp trên đảo, không chút lo sợ. Lúc nào chúng tôi cũng nghĩ đến việc thoát ra khỏi hòn đảo cho nên luôn luôn tìm mọi cách thực

hiện việc đó. Ngoài những việc thường ngày không thể thiếu, tôi chú ý đánh dấu nhiều cây to rất tốt để đóng thuyền sửa soạn vượt biển. Hai bố con Thứ Sáu nhận nhiệm vụ ngả những cây đó xuống và ông bạn Tây Ban Nha được phân công giám sát. Phương pháp làm ván xưa nay của tôi ở đây là ngả một cây gỗ xuống chặt cành và ngọn rồi đẽo hai bên cho tới khi thành một tấm ván dày vừa ý muốn. Theo cách ấy thì phải lao động vất vả và phí gỗ lắm, nhưng không có cưa lớn để xẻ gỗ thì cũng chẳng có cách nào khác nữa. Hai bố con Thứ Sáu đã làm được mười hai tấm ván gỗ sồi rất tốt, rộng chừng hai bộ, dài ba mươi lăm bộ và dày từ hai đến bốn tấc. Các bạn cũng thấy ngay được họ đã mất bao nhiêu công sức vào đó.

Đồng thời chúng tôi lo tăng thêm đàn gia súc. Khi thì tôi đi săn với Thứ Sáu, khi thì Thứ Sáu cùng đi với ông bạn Tây Ban Nha. Mỗi lần bắn chết một con dê mẹ, bao giờ chúng tôi cũng cố gắng bắt sống cho được dê con. Kết quả là chúng tôi thêm được hai mươi tám con nữa vào đàn dê nuôi ở trại.

Mùa nho chín cũng đã đến; chúng tôi hái và đem phơi rất nhiều những chùm chín mọng, đựng đầy sáu chục chiếc thùng. Cùng với bánh bột mì, nho khô giữ một địa vị quan trọng trong số lương thực của chúng tôi; tôi có thể cam đoan với các bạn

rằng nho của chúng tôi là một thức ăn ngon và bổ tuyệt trần.

Năm nay, chúng tôi được mùa lúa. Chúng tôi đã đem gieo hai mươi hai thùng lúa giống và gặt về được hai trăm hai mươi thùng lúa mạch; lúa tẻ cũng được mùa không kém. Như vậy, cho tới mùa gặt sau, chúng tôi có dồi dào lương ăn cho mình và cho những người bạn sẽ đến. Ví thử chúng tôi vượt biển ngay sau khi những người bạn ấy tới như đã dự định thì cũng thừa lương thực ăn đường, bất kỳ sẽ ghé vào bờ biển nào trên đất châu Mỹ.

Phơi thóc xong, chúng tôi đi kiếm cành miên liễu đan bốn cái vựa thật lớn để cất đặt cho cẩn thận. Ông bạn Tây Ban Nha thật là khéo tay đan lát; ông cứ chê tôi không biết dùng cách này mà làm hàng rào và che lũy. Nhưng bây giờ những việc đó chẳng cần thiết nữa, ông chỉ nói ra cho vui thôi!

Mọi thứ chuẩn bị xong xuôi, tôi đồng ý để ông bạn Tây Ban Nha vượt biển sang bên kia thu xếp với những người bạn của ông ta.

Tôi viết một bức lệnh, cấm ông ta không được đem theo về bất cứ một người nào nếu chưa bắt buộc người ấy phải trịnh trọng tuyên thệ trước ông và ông già thổ dân rằng không bao giờ được có ý nghĩ làm hại ông chủ đảo; không được gây bất cứ một điều phiền muộn nhỏ nào cho ông chủ đảo là

người đã có lòng tốt tìm mọi cách cứu sống họ. Họ lại phải bảo vệ người đó không điều kiện, chống mọi sự mưu hại, họ phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của người đó, đi tới bất cứ nơi nào mà người đó đưa họ đi.

Tôi lại cũng ra lệnh cho ông bạn Tây Ban Nha phải đưa về cho tôi một bản giao ước đúng quy cách, viết trên giấy, tất cả những người có mặt đều ký tên vào đó. Tôi cũng không nghĩ rằng cứ suy hoàn cảnh hiện tại của họ thì họ làm gì có bút có giấy mà viết!

Hai người dùng một chiếc xuồng của thổ dân để vượt biển. Tôi đưa cho mỗi người một khẩu súng hỏa mai và chừng tám mồi thuốc đạn, không quên căn dặn họ hết sức dè dặt và tiết kiệm, chỉ nên dùng trong những trường hợp rất cấp bách thôi.

Đây là bước đầu chuẩn bị cuộc vượt biển trở về Tổ Quốc thân yêu sau hơn hai mươi bảy năm tôi bị giam hãm trên hòn đảo hoang này. Bởi thế, tôi không bỏ sót một chân tơ kẽ tóc. Chúng tôi chuyển xuống xuồng một số bánh và nho khô đủ cho hai người dùng trong một thời gian dài và lại còn đủ cho mười sáu người kia ăn trong tám ngày nữa. Chúng tôi quy định với nhau một dấu hiệu riêng để khi họ trở về thì nêu lên xuồng cho anh em trên đảo nhận thấy. Xong xuôi đâu đó, tôi chúc họ thuận

buồm xuôi gió.

Nhân được gió mát và thuận, họ lên đường vào dịp trăng tròn, khoảng tháng mười theo lịch của tôi.

Tôi đã chờ các vị sứ giả của tôi trong tám ngày trời. Bất ngờ lại xảy ra một biến cố khác thường, có lẽ không bao giờ có thể xảy ra trong một câu chuyện nào khác được.

Một buổi sáng sớm, tôi đương còn ngủ say, bỗng Thứ Sáu chạy vội lại bên giường gọi ầm lên: "Ông chủ. Ông chủ! Dậy đi! Họ đã về kia rồi, họ đã về kia rồi!".

Để nhìn cho rõ, tôi xách kính viễn vọng và vùng chạy theo Thứ Sáu. Nhưng không ra thẳng bờ biển, tôi xách thang ra trèo lên núi, nấp sau tảng đá để xem xét cho rõ ràng mà không bị lộ nếu lỡ gặp phải những kẻ có ý định không tốt.

Vừa đặt chân lên trên mỏm núi, qua kính viễn vọng tôi thấy ngay một chiếc tàu buồm thả neo cách chúng tôi chừng hai dặm rưỡi về phía tây nam và một chiếc xuồng từ tàu đang tiến vào bờ. Nhận xét hình dáng tàu và xuồng, tôi đoán là một chiếc tàu của người Anh.

Tôi không thể nói hết được những cảm xúc lộn xộn mơ hồ mà hình ảnh chiếc tàu đã gợi lên trong trí tôi. Mặc dầu rất sung sướng được thấy một chiếc tàu với những thủy thủ chắc chắn là đồng bào mình,

tôi vẫn như cảm thấy có cái gì khác thường không rõ nguyên do tự đâu nhưng làm cho tôi phải thận trọng suy nghĩ.

Tôi dõi theo, thấy chiếc xuồng đã tới gần bờ và hình như đương tìm bến để ghé cho thuận tiện. Không tìm thấy cái vịnh nhỏ ở gần nhà tôi, những người trên xuồng bèn đẩy chiếc xuồng lên trên bãi cát, cách chỗ chúng tôi đứng chừng một phần tư dặm đường. Thấy thế, tôi rất mừng. Nếu họ tìm thấy cái vịnh nhỏ mà đổ bộ ngay trước cửa nhà tôi thì cũng rất phiền. Họ sẽ có thể đuổi tôi ra khỏi nhà, cướp bóc hết của cải.

Khi họ lên bờ, tôi nhận ngay ra đó là những người Anh trừ một vài người có lẽ là người Hà Lan. Sự thật thì không đúng như thế. Tất cả có mười một người, nhưng trong đó lại có ba người không mang khí giới và hình như bị trói chặt. Dăm sáu người vừa trong xuồng nhảy lên bờ đã lôi ba người kia ra như những người tù và đối xử với những người này rất tàn nhẫn. Trong ba người này, một người biểu lộ sự chán nản của mình một cách rõ ràng và có vẻ kỳ quặc, còn hai người kia thỉnh thoảng lại giơ tay lên trời tuy cũng có vẻ buồn nhưng không để lộ ra ngoài mấy.

CHƯƠNG 16

Tôi đương còn nghi nghi hoặc hoặc chưa hiểu được quang cảnh đó là thế nào thì Thứ Sáu đã dùng cái thứ tiếng Anh lơ lớ của anh để hỏi tôi:

- Này ông chủ! Đấy ông xem, người Anh cũng đem xử tù binh như đồng bào tôi chứ có khác gì đâu!

- Không đâu! Thứ Sáu ạ. - Tôi trả lời - Có lẽ họ đem những người đó lên thả ở đây đó thôi!

Theo dõi đám người ấy một lúc, tôi lại nghĩ là những người tù kia có thể bị thảm sát. Có lúc tôi thấy rõ một tên trong bọn đó vung một thanh gươm lớn đánh vào một người tù khốn nạn và tôi đã tưởng là người tù bị đánh đến phải ngã gục xuống đất. Tôi rất phẫn nộ: Có thể thế được chăng?

Trong hoàn cảnh rối ren này, tôi lại tiếc người bạn Tây Ban Nha và ông lão thổ dân không có ở đây. Thấy rõ ràng bọn kia không có súng. Tôi nảy ra ý nghĩ táo bạo là tìm cách bắt sống chúng ngay trước mũi súng của mình mà không bị lộ. Có như thế mới cứu được những người tù kia thoát khỏi bàn tay độc ác của chúng. Nhưng sự trời run rủi,

tôi lại đi tới kết quả mong muốn bằng một cách khác.

Trong khi những tên thủy thủ ngỗ ngược kia lần mò trong đảo như muốn dò xét xứ sở của chúng tôi thì ba người tù được tự do đi lại mặc ý. Nhưng họ không còn lòng dạ đi đâu nữa. Họ chỉ ngồi bệt xuống đất, có vẻ lo lắng và thất vọng.

Nhìn họ, tôi lại nhớ tới nỗi thất vọng của tôi hồi mới đặt chân lên bờ biển này, nghĩ rằng mình sẽ bỏ mạng ở đây: đưa mắt nhìn quanh những nơm nớp sợ gặp thú dữ, lo lắng không tìm ra nơi ẩn náu, buồn nản vì không có lương ăn.

Biết trông cậy vào đâu! Biết chờ ai cứu vớt! Cũng như tôi, họ thật là tuyệt vọng!

Nước thủy triều lên tới mức cao nhất vừa đúng khi bọn gian ác đặt chân lên bờ. Chúng hoạnh họe mấy người tù chán chê rồi kéo nhau đi la cà khắp chốn, mặc cho nước triều rút xuống thấp để chiếc xuồng nằm trơ trên bờ cát khô.

Chúng có để lại hai tên trông xuồng; nhưng hai tên này đã uống quá nhiều rượu mạnh và nằm ngủ như chết. Về sau, một tên tỉnh dậy trước và thấy chiếc xuồng bị lún sâu xuống cát. Hắn ta thấy một mình không thể kéo xuồng lên được bèn gọi ầm bọn kia lại giúp. Nhưng ngay cả bọn chúng cũng không tài nào lôi xuồng lên được vì xuồng đã nặng quá chừng mà bờ biển lại thuần một thứ cát khô di động.

Trước khó khăn ấy, đúng như những người thủy thủ thực thụ, nghĩa là những người vô tâm nhất thế giới, chúng bỏ mặc xuồng nằm trơ đó, rồi lại đi sục sạo khắp đảo. Tôi nghe một tên trong bọn gọi một tên khác, áng chừng tên này quay trở lại. Tên này trả lời: "Thôi đi! Mày cứ để kệ nó nằm yên ở đó có được không? Cơn thủy triều sau sẽ nâng nó lên mặt nước chứ lo gì!" Giọng nói ấy làm cho tôi càng tin chắc đó là những đồng bào của tôi.

Bên trong bức lũy quanh lâu đài, chúng tôi chuẩn bị để chiến đấu. Nhưng lần này chúng tôi phải hết sức thận trọng, cầm chắc sẽ phải đương đầu với những kẻ địch không giống những lần trước. Thứ sáu quả là một "lực lượng phòng thủ" rất lợi hại; anh bắn giỏi lạ lùng. Tôi đưa cho anh ba khẩu hỏa mai, còn tôi mang hai khẩu súng săn. Diện mạo Thứ Sáu có vẻ hùng dũng hơn ngày thường. Còn tôi thì ai nhìn thấy mặt cũng đã kinh khiếp rồi: trên đầu đội cái mũ kỳ quái bằng da dê, bên sườn lủng lẳng một thanh kiếm tuốt trần lại thêm hai khẩu súng ngắn ngạo nghễ giắt ở thắt lưng và hai khẩu súng săn lích kích trên vai nữa.

Tôi đã nhất quyết không ra tay trước khi trời tối. Nhưng vào khoảng hai giờ chiều, đúng vào lúc trời nóng nực hơn hết, tôi nhận thấy bọn kia đi cả vào rừng có lẽ để nghỉ ngơi đôi chút. Còn những người

tù tuy không có vẻ buồn ngủ nhưng cũng nằm dài dưới bóng một cây cao râm mát ngay gần chúng tôi và khuất hẳn mắt bọn kia.

Không bỏ lỡ dịp may, tôi quyết định lại gần mấy người này, ra mặt cho họ thấy và hỏi họ cho biết rõ đầu đuôi câu chuyện. Tôi bèn tiến ngay về phía họ. Thứ Sáu đi theo sau xa xa, cũng trang bị khí giới ghê gớm không kém, nhưng không có vẻ ma quái như tôi.

Khi lại được gần họ mà vẫn chưa bị lộ, tôi dùng tiếng Tây Ban Nha để hỏi:

- Các ông là ai?

Họ không trả lời và định bỏ chạy: nhưng tôi lại nói ngay bằng tiếng Anh:

- Các ông hãy yên lòng! Có thể là các ông gặp một người bạn tốt đến giúp mà các ông không ngờ tới!

- Người bạn đó chỉ có thể từ trên trời bay xuống thôi! - Một người trong bọn họ trang nghiêm trả lời tôi. - Bởi vì tai họa của chúng tôi thật vượt xa mọi khả năng giúp đỡ của người trần.

- Thưa ông, ta hãy cứ coi như mọi sự giúp đỡ cũng có thể tùy Trời! - Tôi nói lại với ông ta. - Nhưng chẳng hay ông có thể nói cho một người lạ được biết cách nào đó để cứu giúp các ông không? Hình như các ông đương gặp một tai họa lớn thì phải! Tôi đã được thấy các ông bị đưa lên bờ này; và khi

các ông nói chuyện với những tên hung ác dẫn các ông lên đây, chính mắt tôi thấy một tên rút gươm ra có vẻ muốn giết hại các ông.

Con người khốn khổ đó, nước mắt chan hòa, tỏ vẻ ngạc nhiên trả lời tôi, giọng run run: "Tôi đương nói chuyện với một người trần hay một vị thần đây?".

- Thưa ông, ông hãy yên lòng về điều này! - Tôi trả lời. - Nếu quả là một vị thần từ trên trời bay xuống để cứu giúp các ông thì hẳn là phải uy phong lẫm liệt, quần áo lộng lẫy, khí giới khác thường! Tôi đây đúng là một người trần, mà lại là một người nước Anh, và sẵn sàng giúp đỡ các ông. Tôi chỉ có một người giúp việc, chúng tôi có khí giới và thuốc đạn. Xin ông cứ nói thẳng cho biết chúng tôi có thể giúp được gì cho các ông và kể rõ cho biết cặn kẽ đầu đuôi về tai họa đã giáng xuống các ông.

- Than ôi! Thưa ông, - ông ta trả lời - câu chuyện thì quá dài, khó mà kể tỉ mỉ cho ông nghe trong khi quân thù đang ở ngay sát nách. Tôi chỉ xin nói qua để các ông biết tôi là thuyền trưởng chiếc tàu đương thả neo ngoài xa kia. Một số thủy thủ đã nổi lên chống lại tôi: chỉ một chút nữa là chúng đã giết chết tôi rồi.Nhưng sống như thế này cũng chẳng khác gì bị tội chết: chúng định đem bỏ tôi và ông bạn đây lên hòn đảo vắng này. Đây là viên thuyền phó và một ông khách trên tàu. Chúng tôi chắc chắn

thể nào cũng chết mòn trên hòn đảo này sau một thời gian ngắn, ngỡ rằng ở đây chỉ là một nơi hoang vu không có người ở! Thật là hạnh phúc được gặp các ông. Nhưng làm thế nào để thoát khỏi nguy nan bây giờ?

- Vậy thì, - tôi hỏi ông, - hiện bây giờ lũ côn đồ khốn kiếp ấy ở đâu?

- Chúng nó nằm nghỉ kia kìa! - Ông trả lời và chỉ tay vào một lùm cây rất rậm rạp. - Tôi rất sợ chúng nghe thấy chúng ta nói chuyện với nhau thế này; nhất định chúng sẽ giết tất cả chúng ta, không sót!

Tôi hỏi xem bọn côn đồ kia có súng hay không thì được biết là chúng có đem theo hai khẩu nhưng lại để một khẩu trong xuồng.

- Được, cứ để đấy tôi liệu. - Tôi trả lời. - Chúng nó đương ngủ say như chết! Tiêu diệt chúng lúc này không có gì dễ dàng hơn, trừ phi các ông còn muốn bắt tù chúng nó!

Ông ta bèn nói cho biết trong số đó có hai tên đầu sỏ, không có hy vọng gì cải tạo được; nếu hạ được hai tên này thì, theo ý ông, đám kia sẽ dễ dàng quy thuận. Ông ta nói thêm rằng vì cũng khá xa nên ông không thể chỉ rõ ràng hai tên đó cho tôi thấy được; về phần ông, ông sẵn sàng tuân theo mọi mệnh lệnh của tôi.

- Vậy thì, - tôi nói, - chúng ta hãy nhanh nhanh rút khỏi nơi này, kẻo bọn kia ngủ dậy bắt gặp thì cũng phiền đấy. Bây giờ xin mời các ông hãy theo chúng tôi đến một chỗ yên ổn hơn để bàn tính kỹ việc của ta!

Sau khi đã ngồi yên chỗ và kín đáo trong rừng, tôi lại nói với họ: "Xin các ông hãy chú ý điều này: Tôi rất muốn liều tất cả để cứu sống các ông, nhưng để đền đáp lại, các ông phải nhận với tôi hai điều kiện sau đây...".

Ông ta cắt ngay lời tôi để quả quyết rằng nếu được trở lại tự do và giành lại chiếc tàu thì sự tự do của chính ông và chiếc tàu của ông sẽ hoàn toàn dùng để tỏ lòng biết ơn đối với tôi. Hoặc giả tôi chỉ giúp ông trở lại được tự do mà thôi thì ông cũng quyết một lòng sống chết bên tôi ở bất cứ nơi nào mà tôi đưa ông tới. Cả hai người kia cũng nhất trí và hứa với tôi như vậy. Tôi lại nói tiếp:

- Xin các ông hãy chú ý đến những điều kiện này. Chỉ có hai thôi:

Một là, trong khi các ông còn đương có mặt trên hòn đảo này với tôi, các ông phải từ bỏ tất cả mọi quyền hành. Nếu được tôi giao súng ống thì các ông phải sẵn sàng trả lại ngay khi tôi thấy cần phải thu lại. Các ông hoàn toàn chịu sự điều khiển của tôi, không bao giờ được gây cho tôi bất cứ một điều

khó khăn nào dù là rất nhỏ.

Hai là, nếu chúng ta lấy lại được chiếc tàu thì ông phải đưa tôi cùng người giúp việc của tôi về đến nước Anh, không đòi hỏi công xá gì hết.

Ông ta rất thành khẩn hứa với tôi xin nhận những điều kiện đó. Quả không có một tấm lòng biết ơn nào có thể biểu lộ chân thành hơn.

Tôi đưa cho mấy người bạn mới ba khẩu hỏa mai cùng với thuốc đạn và tôi hỏi viên thuyền trưởng có mưu mẹo gì hay để điều khiển cuộc chiến đấu này không? Ông ta trả lời xin hoàn toàn nhờ tôi chỉ huy và xin triệt để tuân theo mệnh lệnh tôi. Tôi bảo ông:

- Việc này cũng khá gay go đấy! Nếu ông muốn, chúng ta rất có thể nổ súng vào quân địch trong khi chúng đương nằm ngủ. Những tên nào may phúc thoát khỏi đợt súng đầu tiên mà muốn qui hàng thì sẽ được tha.

Viên thuyền trưởng tỏ ý không muốn giết chết quân địch nếu còn có thể trừng phạt chúng bằng cách nào khác. Ông nói thêm:

- Nhưng đối với hai tên đầu sỏ tôi đã nói vừa rồi thì phải thẳng tay trừng trị. Chính chúng ở trong bọn chủ mưu cuộc khởi loạn này. Nếu để chúng chạy thoát thì chúng ta sẽ lâm vào một tình thế gay go vô cùng. Thể nào chúng cũng dẫn tất cả thủy thủ

trên tàu đến đây tiêu diệt chúng ta không còn một mống!

- Đã đành như thế! - Tôi trả lời. - Tôi nghĩ rằng ông cứ chú ý tới ý kiến đầu tiên của tôi; mọi hành động tự vệ khi cần thiết đều chính đáng.

Tuy nhiên, thấy ông vẫn có ý ngần ngại không muốn làm đổ máu nhiều, tôi bảo ông hãy cứ tiến lên trước với hai người bạn mà tùy cơ ứng biến, chúng tôi sẽ sẵn sàng tiếp ứng.

Trong khi chúng tôi bàn tán với nhau, có hai tên địch đứng dậy đi ra chỗ khác. Tôi hỏi viên thuyền trưởng có phải đó là hai tên chủ mưu không? Ông ta trả lời không phải. Tôi bèn bảo:

- Được lắm, ta để cho chúng thoát! Cũng may cho chúng bỗng nhiên lại thức giấc dậy để được khoan hồng. Còn những tên kia, nếu chúng lọt khỏi tay ông thì hoàn toàn tại ông đấy nhá!

Viên thuyền trưởng phấn khởi cùng hai người bạn tiến về phía bọn khởi loạn, một khẩu hỏa mai trên tay và một khẩu súng ngắn ở thắt lưng. Hai người bạn của ông đi trước một vài bước đã vô ý gây một tiếng động làm cho một tên địch thức giấc. Tên này vừa kêu ầm lên để gọi đồng lõa dậy thì hai người kia liền nổ súng. Viên thuyền trưởng vẫn bình tĩnh, nhắm thật đúng mấy tên cầm đầu và bắn chết ngay một tên tại trận. Còn tên kia, mặc

dầu bị thương nặng vẫn cố đứng vùng dậy kêu cứu ầm lên. Viên thuyền trưởng tiến lại gần, bảo hắn rằng bây giờ thì đã quá muộn để kêu cứu rồi và kết liễu đời hắn bằng một phát đạn rất chính xác.

Thắng lợi coi như đã về hẳn phía chúng tôi. Quân địch chỉ còn có ba tên mà một đứa đã bị thương nhẹ. Vừa thấy tôi đến tiếp viện cho viên thuyền trưởng, chúng tự thấy mình không đủ sức chống cự bèn xin hàng. Viên thuyền trưởng bằng lòng khoan hồng cho chúng với điều kiện là chúng phải biết hối cải và hết sức giúp ông chiếm lại chiếc tàu để đưa về Giamaichcơ, nơi họ đã ra đi lần trước. Ông cũng nói thêm sở dĩ chúng được khoan hồng là vì ông biết chúng không phải là người xấu; bây giờ được dịp lập công chuộc tội, chúng nên nắm lấy dịp tốt này. Bọn chúng cam đoan rằng thuyền trưởng có thể hoàn toàn tin ở sự hối hận và lòng trung thành của chúng. Chúng mừng rỡ không thể tả khi nghe viên thuyền trưởng tuyên bố tha chết cho chúng. Thật là hợp ý tôi; nhưng tôi cũng bàn với viên thuyền trưởng hãy cứ tạm thời trói và giam chúng lại trong khi còn ở trên đảo.

Mọi việc đều êm thấm quá sự mong ước của chúng tôi. Thứ Sáu và viên thuyền phó đưa chiếc xuồng vào một chỗ chắc chắn rồi lấy hết cả bơi chèo và buồm cất đi. Vừa lúc đó, hai tên thủy thủ kia nghe

thấy tiếng súng đã quay trở lại. Thấy viên thuyền trưởng đã là kẻ chiến thắng, chúng qui hàng ngay và bằng lòng tạm thời chịu trói giam như bọn kia.

Tôi bàn với viên thuyền trưởng bây giờ cần phải tìm cách chiếm lại chiếc tàu. Ông ta nghe theo ngay nhưng đồng thời cũng thú thật rằng chưa nghĩ ra kế gì cả. Ông cho tôi biết hiện giờ trên tàu hãy còn hai mươi sáu tên nữa; tên chỉ huy hung bạo nhất vẫn ở lại trên đó. Nhất định chúng sẽ liều lĩnh chống lại đến cùng, yên trí rằng dù có đầu hàng thì khi về tới nước Anh, chúng vẫn bị đem ra tòa xét xử và bị treo cổ vì đã khởi loạn chiếm tàu. Còn cách nào tấn công vào cái bọn liều mạng ấy với một nhúm người như thế này?

Lý lẽ đó của ông hoàn toàn đúng và thế là đành bó tay mà nhìn, trừ phi từ bây giờ cho đến khi chúng nhổ neo, chúng tôi có thể dử chúng vào một cái cạm bẫy nào đó mà tiêu diệt. Tôi tin chắc rằng thấy đồng lõa mất hút thể nào bọn trên tàu cũng ngạc nhiên và đem nốt chiếc xuồng thứ hai vào bờ xem xét tình hình. Nếu bọn này vào đông và đầy đủ khí giới thì khó mà chống cự được.

Tôi bàn với ông thuyền trưởng trước hết phải đánh đắm ngay chiếc xuồng của chúng ở đây để chúng không thể đưa về tàu chở thêm người vào được. Ông ta tán thành ngay. Chúng tôi tìm trong xuồng còn

gì thì lấy ra hết. Kết quả được hai chai rượu mạnh, một ít bánh khô, một gói đầy thuốc súng, một tảng đường nặng chừng sáu cân bọc trong một miếng vải to. Tất cả những thứ đó làm cho tôi thích thú vô cùng, nhất là rượu mạnh và đường mà tôi đã gần quên mất cả mùi vị.

Sau khi đem hết những thứ ấy lên bờ, chúng tôi đục một lỗ hổng khá lớn ở đáy xuồng. Như vậy, nếu chúng có muốn đổ bộ lên bờ khá đông để hòng áp đảo chúng tôi thì chiếc xuồng này cũng không giúp ích được gì cho chúng.

Thực tình mà nói, tôi cũng ít mơ tưởng đến việc giành lại chiếc tàu. Tôi chỉ mong nếu chúng bỏ đi mà để cái xuồng này lại thì chúng tôi sẽ trám kín lỗ hổng và sửa chữa cho tử tế để vượt biển sang gặp những người bạn Tây Ban Nha mà không giờ phút nào tôi lãng quên. Lúc này mà có họ ở đây thì chúng tôi chứa chan hy vọng chiếm lại chiếc tàu và sau đó cầm chắc trong tay sẽ được trở về Tổ Quốc.

Chẳng những đã đục vào đáy xuồng một lỗ hổng khá lớn để không có thể trám lại dễ dàng, chúng tôi còn cố hết sức đẩy xuồng vào sâu trong bờ để dẫu nước triều có lên cao cũng không thể tràn tới mà cuốn nó đi được. Đương hì hà hì hục đẩy xuồng, chúng tôi nghe thấy một tiếng đại bác, đồng thời

thấy trên tàu ra dấu hiệu thường lệ để gọi xuồng trở về. Nhưng mặc cho chúng hết hơi ra dấu hiệu và bắn thêm mấy phát súng nữa, chiếc xuồng vẫn ỳ ra đó, bướng bỉnh cưỡng lại lệnh như thường.

Ngay lúc đó, qua kính viễn vọng, chúng tôi thấy bọn trên tàu hạ chiếc xuồng thứ nhì xuống biển rồi chèo thật nhanh vào bờ. Khi chúng tới vừa đúng tầm ngắm, chúng tôi đếm được rõ ràng mười đứa và đứa nào cũng mang súng. Bị nước thủy triều cuốn đi, chúng bắt buộc phải men theo bờ biển để có thể ghé vào đúng chỗ chiếc xuồng trước. Nhờ thế, chúng tôi đã theo dõi phân biệt được nét mặt chúng rõ ràng một lúc khá lâu. Viên thuyền trưởng không bỏ lỡ dịp để nhận xét chúng thật tường tận và nhận ra trong bọn ấy có mấy tay thanh niên rất tốt, chắc chắn bị bọn kia dùng sức mạnh ép buộc nên miễn cưỡng phải theo chúng. Nhưng bọn kia và tên hạ sĩ đương chỉ huy chiếc xuồng thì đúng là những tên gian ác nhất trong bọn chúng. Bọn này chắc chắn không bao giờ chịu trở về con đường lương thiện. Viên thuyền trưởng có ý lo lực lượng chúng mạnh hơn, sẽ gây nhiều khó khăn cho chúng tôi.

Tôi mỉm cười nói với ông rằng những con người sống trong hoàn cảnh của chúng ta thì phải cứng bóng vía, không nên sợ sệt. Tôi nói tiếp:

- Nếu ta sợ chúng thì việc chúng tôi cứu sống các ông còn có nghĩa lý gì nữa! Ta cứ mạnh dạn lên xem nào! Tôi nghĩ trong tất cả cái việc lôi thôi này chỉ có mỗi một điều khó nghĩ.

Ông ta vội hỏi:

- Điều gì?

- Trong cái nhúm người kia lại còn lọt vào mấy người lương thiện cần phải lưu ý tha thứ cho họ. Nếu tất cả bọn đều là quân bất lương tri thì thật vô phúc cho chúng đã bỏ chiếc tàu mà dẫn xác đến đây nộp mạng. Ông cứ tin ở tôi. Nếu ông muốn thì tất cả bọn kia sẽ nằm gọn lỏn trong tay chúng ta và số phận chúng sẽ do ta định đoạt.

Giọng nói cương quyết và thái độ lạc quan của tôi làm cho ông cũng mạnh dạn lây và rất sốt sắng giúp tôi chuẩn bị cuộc chiến đấu. Vừa thoáng thấy chiếc xuồng bắt đầu tiến về phía chúng tôi, chúng tôi tách bọn tù ra và đem giam vào những chỗ chắc chắn.

Trong bọn tù, có hai tên chưa được viên thuyền trưởng tin bằng những người kia. Tôi bèn bảo Thứ Sáu và người bạn của viên thuyền trưởng đem giam chúng vào trong cái động đá mới tìm thấy. Như vậy, chẳng ai có thể thấy mặt hoặc nghe tiếng chúng được. Dẫu có tự cởi trói được thì chúng cũng không

thể nào tìm ra đường trốn qua rừng rậm. Tôi để cho chúng một ít lương ăn và giao hẹn nếu chúng biết phục tùng mà ngồi yên ở đó thì chỉ vài hôm nữa sẽ được tự do; nhược bằng chúng trở quẻ muốn tìm cách trốn thì nhất định không được khoan hồng. Chúng hứa sẽ kiên tâm chịu đựng sự giam cầm và tỏ vẻ biết ơn tôi đã để lại cho chúng lương thực. Thứ Sáu đem đến cho chúng mấy ngọn nến, chúng cảm ơn rối rít và cứ tưởng thể nào Thứ Sáu cũng đứng gác ngoài cửa động.

Những người tù khác thì may mắn hơn. Họ được viên thuyền trưởng bảo lãnh nên được cùng ở lại với chúng tôi. Họ mừng rỡ vô cùng và hứa xin hết sức trung thành, dù chết cũng không nề. Thế là lực lượng chúng tôi gồm tám người có đầy đủ khí giới. Thừa sức trị nổi bọn bất lương. Vả lại trong bọn ấy còn có ba bốn người lương thiện thì sức chống cự của chúng sẽ bị giảm sút không ít.

Tới chỗ chiếc xuồng thứ nhất, bọn bất lương đẩy chiếc xuồng thứ nhì lên bờ cát. Tất cả bọn đều ra khỏi xuồng, kéo hẳn xuồng lên bờ. Tôi mừng hết sức bởi vì nếu chúng neo xuồng xa bờ một chút và cắt một vài tên canh gác thì chúng tôi khó lòng chiếm được. Chúng ngạc nhiên thấy chiếc kia đã bị thủng ở đáy và mất hết chèo buồm. Một lát sau, chúng

cùng kêu váng lên hai ba tiếng thật lớn để gọi bọn lên trước. Không thấy tăm hơi bọn kia, chúng bèn đứng quây thành một vòng tròn và bắn chỉ thiên đều một loạt, tiếng nổ vang lên khắp cánh rừng. Nhưng nào được ích gì! Bọn tù trong động đá không thể nghe thấy tiếng súng, còn những người đã về với chúng tôi thì không dại gì mà trả lời chúng.

Vẫn không thấy động tĩnh, chúng có vẻ xốn xác và ngạc nhiên vô cùng. Hình như chúng quyết định hãy trở về tàu báo tin chiếc xuồng trước đã bị đánh đắm, bè lũ chúng chắc là đã tiêu mạng cả rồi. Chúng tôi thấy chúng hò nhau đẩy xuồng ra biển và trèo lên tất cả.

CHƯƠNG 17

Nhưng vừa ra khỏi bờ, chúng lại quay trở vào, có lẽ đã nghĩ được một cách gì khác để tìm bọn mất tích. Chúng để lại ba tên coi xuồng còn bao nhiêu đều trở lên bờ đi tìm đồng lõa.

Cách bố trí ấy của chúng gây trở ngại lớn cho chúng tôi. Nếu chiếc xuồng mà thoát khỏi tay chúng tôi thì dù có tóm được cả bảy tên trên bờ cũng chẳng nên công chuyện gì! Bọn canh xuồng thấy động tất nhiên sẽ nhảy lên xuồng chạy trốn về tàu; đến nước ấy nhất định chiếc tàu sẽ giương buồm đi thẳng và thế là chúng tôi sẽ mất hết hy vọng cướp lại chiếc tàu.

Oái oăm hơn nữa là bọn này lại chuyển chiếc xuồng ra ngoài xa và bỏ neo cách bờ một quãng. Cơ sự này thì bao nhiêu điều mưu tính trước đều đổ nhào cả. Chúng tôi đành chờ xem tình thế xoay chuyển ra sao để liệu bề tính kế.

Bảy tên lên bộ đi sát vào nhau thành hàng chữ nhất như dàn trận mà tiến về phía trái núi bên nhà tôi. Nhờ thế, chúng tôi thấy chúng rất rõ ràng

mà chúng không thể thấy chúng tôi được. Chúng tôi rất mong chúng lại gần hơn nữa để nổ súng vào chúng dễ dàng, hoặc là chúng đi ra xa hơn để chúng tôi ra khỏi chỗ nấp mà không bị lộ.

Lên tới đỉnh núi, ở đó có thể nhìn bao quát được một phần lớn cánh rừng và những thung lũng trong đảo, nhất là về phía đông bắc là phía thấp hơn hết, chúng lại gọi ầm lên cho đến lạc cả giọng. Hình như chúng không dám liều lĩnh đi sâu vào nữa, sợ gặp nguy hiểm; chúng lại ngồi xuống bàn cãi lung tung. Nếu lúc đó chúng thấy mệt mà có "sáng kiến" muốn nằm ngủ thì tốt quá! Nhưng quả là chúng đã lo sợ đến nỗi không còn đầu óc nào nghĩ đến nằm ngủ nữa, mặc dầu chúng chưa biết mảy may gì về tai họa đương đe dọa chúng.

Theo dõi cử chỉ và thái độ của chúng, viên thuyền trưởng đoán già rằng chúng sẽ nổ một loạt súng thứ hai nữa để làm hiệu cho đồng lõa. Ông bèn bàn mưu là sau khi chúng bắn xong chưa kịp nạp đạn, tất cả chúng ta sẽ nhảy xổ tới dùng vũ lực bắt chúng phải quy hàng, như thế thì sẽ không phải đổ một giọt máu nào. Mẹo ấy quả thật hay nhưng phải làm cho thật đúng lúc, gọn và nhanh. Muốn vậy, phải tiến lại thật gần để chúng không kịp trở tay được.

Nhưng mưu thần ấy cũng tan ra mây khói vì không gặp được cơ hội.Chúng tôi cứ nhìn nhau một

hồi lâu chẳng biết tính liệu ra sao! Cuối cùng, theo ý tôi, phải chờ trời tối vậy. Nếu đến tối mà chúng chưa trở về tàu thì sẽ kiếm cách chặn đường chúng ra bờ biển rồi liệu kế trà trộn với chúng cùng lên xuống mà bắt buộc chúng phải trở vào bờ. Như thế kể cũng phiêu lưu thật nhưng cũng không có cách gì khác.

Chúng bàn cãi một hồi lâu trên đỉnh núi rồi đứng cả dậy kéo nhau ra phía bờ biển. Thôi thế là hỏng bét cả rồi! Có lẽ chúng đã hình dung một cách khủng khiếp những tai nạn đang chờ chúng ở hòn đảo hoang vắng này! Bởi thế cho nên chúng mới trở về tàu, tiếp tục cuộc hành trình, bỏ mặc bọn đồng lõa đã biệt tăm biệt tích.

Thấy chúng quay trở ra tàu đột ngột như thế, viên thuyền trưởng như cháy cả ruột gan. Để đối phó với tình thế gay go đó, tôi bèn nghĩ ra một mưu bắt chúng phải quay trở lại chỗ cũ và quả nhiên chúng tôi đạt được kết quả mong muốn.

Tôi phân công cho viên thuyền phó và Thứ Sáu làm nhiệm vụ dử địch. Hai người sẽ qua bên kia cái vịnh nhỏ ở phía tây, tới chỗ hồi trước tôi đã cứu Thứ Sáu khỏi bọn thù địch. Tới một ngọn đồi nào đó, họ sẽ hú ầm lên và đứng lại cho đến lúc biết chắc là những quân kia đã nghe tiếng họ. Nghe bọn kia trả lời thì họ lại hú lên một tiếng nữa rồi

tiếp tục đi thành một đường vòng cho kín đáo. Tới mỗi ngọn đồi, họ lại hú lên như thế để dử quân địch đi sâu dần vào trong rừng. Cuối cùng, họ sẽ theo một con đường riêng trở về chỗ chúng tôi nấp.

Bọn kẻ cướp mới bước chân vào xuồng thì những tiếng hú thứ nhất vạng tới. Vừa nghe thấy, chúng nhảy bổ ra, chạy vội lên mé bờ biển phía tây tức là theo hướng tiếng kêu. Bị cái vịnh nhỏ chắn lại, chúng không thể qua bên kia được vì nước triều đang lên to lắm. Thế là chúng phải đem chiếc xuồng lại để vượt qua vịnh, đúng như tôi đã dự tính, trước khi đưa chúng vào bẫy.

Qua được bên kia, chúng đem giấu xuồng vào một chỗ kín ở sâu trong vịnh rồi kéo nhau đi, chỉ để lại hai tên trông xuồng. Bọn này đem xuồng buộc vào một cây to gần đó.

Thật là quá hợp với ý muốn của tôi. Trong khi Thứ Sáu và viên thuyền phó tiếp tục nhiệm vụ, chúng tôi đi vòng sang bên kia vịnh rồi bất ngờ đánh úp bọn gác xuồng. Một tên nằm trong xuồng, còn một tên nằm dài trên bãi cát, nửa ngủ nửa thức. Chúng tôi vừa ập tới thì tên này chồm dậy; hắn đương ngơ ngác thì viên thuyền trưởng đi trước đã nhảy xổ lại giáng cho một báng súng, hắn ngã lăn quay bất tỉnh. Tiếp đó, ông lên tiếng gọi tên trong xuồng và bảo nó phải quy hàng nếu muốn toàn mạng. Tên

này cũng chẳng phải nghĩ ngợi lâu la gì. Vốn cũng là một trong mấy người lương thiện miễn cưỡng theo bọn bất lương, anh ta quy thuận ngay và tình nguyện đi theo giúp chúng tôi hết sức.

Trong lúc đó thì Thứ Sáu và viên thuyền phó chơi trò ú tim khéo đến nỗi cứ vừa gọi vừa trả lời, họ đã dử bọn côn đồ từ ngọn đồi này qua ngọn đồi khác, làm cho chúng mệt lử và lúng túng chẳng biết đường nào mà lần. Họ chỉ buông tha chúng sau khi đã lừa chúng vào khá sâu trong rừng, không còn có thể mò trở ra xuống trước khi trời tối mịt.

Khi hai người về tới chỗ hẹn thì cũng đã mệt nhoài ra cả rồi. Nhưng họ vẫn còn rộng rãi thì giờ nghỉ ngơi vì chúng tôi quyết định chờ đêm đến mới tấn công vào bọn địch để dễ bề chiếm phần thắng.

Bọn kia trở về đến gần chỗ để xuồng sau Thứ Sáu đến mấy tiếng đồng hồ. Chúng tôi nghe rõ ràng những tên đi trước giục bọn đi sau rảo bước. Nhưng bọn đi sau trả lời là chúng đang mệt gần chết, không nhấc nổi chân lên nữa. Nắm được tình hình địch như thế, chúng tôi lại càng vững lòng cầm chắc phần thắng trong tay.

Chúng tỏ vẻ kinh hoàng quá sức khi thấy nước triều đã rút, chiếc xuồng nằm trơ trên bãi cát không người trông coi. Chúng gọi nhau í ới, nghe thật thảm hại. Chúng than thở với nhau rằng chúng đã vô

phúc đặt chân lên một hòn đảo kỳ quái nếu trên đảo có người thì chúng sẽ bị giết hết không còn một mống hoặc nếu có ma quỉ thì chắc chắn cả bọn sẽ bị nhai sống nuốt tươi.

Chúng lại kêu ầm lên và gọi tụi đồng lõa từng tên một, nhưng chẳng một ai trả lời. Trong lúc tranh tối tranh sáng, chúng tôi thấy chúng chạy ngược chạy xuôi, xớn xơ xớn xác, hai tay vặn nhau tỏ vẻ tuyệt vọng. Có lúc chúng chạy vào trong xuồng để nghỉ một chút cho đỡ sợ; nhưng rồi chúng lại nhảy ra khỏi xuồng, chạy tán loạn trên bãi cát chẳng hiểu đi đâu. Chúng loanh quanh như thế khá lâu và hốt hoảng hết sức.

Các bạn của tôi đều muốn nhảy xổ ra đánh chúng cùng một lúc. Nhưng tôi lại muốn thu hoàn toàn thắng lợi mà chỉ phải đổ rất ít máu. Tôi bèn cương quyết chờ, hy vọng chúng sẽ phân tán. Để ngăn không cho chúng trốn thoát, tôi tìm cách thu hẹp vòng vây lại dần. Tôi bảo Thứ Sáu và viên thuyền trưởng trườn về phía chúng, càng gần càng tốt, nhưng đừng để bị lộ.

Hai người vừa tiến được một đoạn thì tên hạ sĩ trên tàu tình cờ quay lại và đi về phía họ cùng với hai tên nữa. Chính tên hạ sĩ này là một trong những tên cầm đầu nhưng bây giờ, trong cơn nguy khốn, nó lại tỏ ra hèn nhát và tuyệt vọng hơn hết. Có lẽ

nó định bỏ bọn kia mà trốn chăng! Nhưng quả là nó đã hết phúc. Viên thuyền trưởng rất mực căm thù tên khốn kiếp ấy. Ông cố hết sức nén giận để bình tĩnh chờ nó lại gần mà hạ thủ cho chắc tay. May sao ông đã trấn tĩnh được và chỉ mấy phút sau, ông đã nhảy vùng ngay dậy cùng Thứ Sáu và nổ súng luôn. Tên hạ sĩ bị bắn chết ngay; một tên khác trúng đạn bị thương ngã xuống, hai giờ sau thì cũng chết, còn tên thứ ba bỏ chạy trốn mất.

Nghe tiếng súng, tôi chỉ huy "đại quân" xông lên. "Đại quân" của tôi gồm tám người: tôi là tổng tư lệnh, Thứ Sáu là phó tư lệnh, binh sĩ gồm có viên thuyền trưởng, hai người bạn của ông, ba người tù đã được tha và được cấp súng ống.

CHƯƠNG 18

Đêm tối như mực. bên địch không thể nào biết được quân số của chúng tôi. Không bỏ lỡ cơ hội, tôi bảo anh thủy thủ gác xuồng vừa mới đầu hàng lúc chiều hãy lên tiếng gọi bọn chúng từng tên một và hỏi chúng có muốn quy thuận hay không? Quả là diệu kế; kể ra thì cũng dễ hiểu. Anh ta bèn gọi thật to:

- Này, Tômat Xmit! Tômat Xmit!

Anh chàng Tômat Xmit trả lời ngay sau khi nhận ra tiếng ai đã gọi mình:

- Anh đấy ư? Rốpxơn?

Rốpxơn trả lời:

- Đúng đấy! Đúng đấy! Anh Tômát ơi! Còn đợi gì nữa? Hãy mau mau hạ khí giới xuống mà quy hàng ngay đi! Nếu không thì ngay giờ phút này các anh sẽ được đi theo ông vải không kịp trối trăng nữa!

Xmit hỏi lại:

- Chúng tôi phải qui thuận ai? Họ ở đâu?

Rôpxơn trả lời, chắc chắn:

- Họ ở đây chứ ở đâu? Ông thuyền trưởng với năm chục binh sĩ đã đi sục tìm các anh trong hai giờ đồng hồ rồi. Tên hạ sĩ hèn mạt đã bỏ mạng, Uuyn Phờrây bị thương nặng, còn tôi thì là tù binh. Nếu các anh không chịu hàng thì khó mà toàn mạng.

Xmít hỏi lại, có vẻ hoang mang:

- Nếu chúng tôi hạ khí giới xin hàng thì có được khoan hồng không?

Rốpxơn trả lời, có vẻ ngần ngừ:

- Để tôi phải hỏi ý kiến của thuyền trưởng đã!

Viên thuyền trưởng bèn đích thân lên tiếng nói với Xmít:

- Các anh nghe rõ tiếng tôi nói đấy chứ? Nếu các anh quy hàng thì đều được tha tội chết, trừ Átkinh.

Vừa nghe thấy thế, tên Átkinh kêu rống lên:

- Trời ơi! Ông thuyền trưởng ơi! Xin ông tha thứ cho tôi với! Nào tôi có làm gì tệ hơn những kẻ khác đâu! Họ cũng phạm tội như tôi cả đấy chứ!

Thằng Átkinh nói dối! Chính nó, chính cái thằng Átkinh ấy, đã không tiếc tay làm nhục viên thuyền trưởng. Nó đã trói ông lại và chửi mắng ông thậm tệ.

Viên thuyền trưởng bảo nó rằng ông không hứa hẹn gì với nó cả, ông chưa thể có ý kiến gì khác về việc này, ông còn phải trông đợi ở lòng nhân đạo

của vị chúa đảo. Chính ông ta dùng cái danh vị oai vệ ấy để tâng bốc tôi lên đấy; nhưng sau đấy, không ngờ cái hư vị ấy lại được việc vô cùng.

Thế là tất cả bọn chúng đều hạ khí giới đầu hàng và xin tha chết. Tôi ra lệnh cho Rốpxơn và hai người nữa tiến lên trói chúng lại. Sau đó, "đại quân" của chúng tôi, lúc nãy nói phao lên là năm mươi người kỳ thực chỉ có vẻn vẹn tám người, tiến ra tước khí giới và bắt sống chúng cùng với chiếc xuồng đã mắc cạn.

Riêng về phần tôi, vị chúa đảo, tôi phải đứng tách ra một nơi với một người tùy tòng, không ra mặt vì lý do cơ mật Nhà nước.

Bây giờ viên thuyền trưởng được toàn quyền nói chuyện với tất cả bọn tù binh. Ông nghiêm khắc trách mắng chúng về tội bội phản. Ông bảo cho chúng biết là tội ác của chúng có thể đưa đến cho chúng nhiều thảm họa và kết cục là cái giá treo cổ.

Chúng lại càng tỏ vẻ hối hận vô cùng và một lần nữa chúng khúm núm xin được tha tội chết. Viên thuyền trưởng trả lời cho chúng biết chúng không phải là tù của ông mà là của vị chúa đảo. Ông bảo chúng:

- Các anh tưởng đã thả chúng tôi lên một hòn đảo hoang vắng nhưng không ngờ hòn đảo này lại

có người ở, hơn nữa lại có một vị chúa đảo người nước Anh. Vị chúa đảo có toàn quyền đem treo cổ tất cả các anh. Nhưng để tỏ lượng khoan hồng, ngài sẽ cho giải các anh về nước Anh giao cho tòa án xét xử. Riêng với Átkinh thì tôi được lệnh bảo hắn hãy sẵn sàng chờ chết; sáng sớm mai hắn sẽ bị treo cổ.

Câu chuyện bịa đặt như thế đã có kết quả không ngờ, Átkinh quỳ gục xuống cầu khẩn viên thuyền trưởng xin hộ với vị chúa đảo tha chết cho hắn và muốn bắt làm gì hắn cũng xin tuân theo. Bọn kia thì cứ thề sống thề chết với ông ta là sẽ cố gắng hết sức chuộc tội để khỏi bị giải về nước Anh...

Giờ thoát thân ra khỏi hòn đảo đã đến; tôi thấy phải nhân cơ hội mà nắm lấy tốp thủy thủ này làm lực lượng giúp chúng tôi chiếm lại chiếc tàu. Để đưa chúng vào tròng, tôi bèn đi ra xa, tránh không cho chúng biết vị chúa đảo là người thế nào, rồi ra lệnh triệu viên thuyền trưởng. Thế là có ngay một người đứng cách tôi dăm bước lên tiếng gọi:

- Ông thuyền trưởng! Chúa đảo cho triệu ông!

Viên thuyền trưởng vội vã trả lời:

- Vâng, nhờ ông bẩm hộ với ngài rằng tôi sẽ xin lại hầu ngay lập tức.

Màn kịch đóng khéo quá! Quả nhiên bọn chúng

mắc mưu và mười phần tin rằng vị chúa đảo đương ngự đâu gần đây với năm chục binh sĩ hộ vệ.

Gặp viên thuyền trưởng, tôi nói sơ lược cho ông biết ý định của tôi muốn chiếm lại chiếc tàu. Ông phấn khởi tán thành và bàn tính ngày hôm sau sẽ khởi sự.

Muốn tiến hành công việc cho chắc chắn hơn, tôi bèn phân tán bọn tù ra. Átkinh cùng hai tên nặng tội nhất trong bọn thì bị giam vào trong động đá, còn những tên khác được đem về trại, xung quanh đã có bức lũy vây kín. Lũ này đã bị trói chặt và cũng thật lòng trông chờ ở lượng khoan hồng nên chắc chẳng bao giờ chúng dám nghĩ đến chuyện bỏ trốn.

Hôm sau, viên thuyền trưởng đến tìm gặp mấy tên này để xem có thể dùng được chúng vào kế hoạch chiếm lại chiếc tàu không? Ông ta khiển trách không tiếc lời những hành động bỉ ổi của chúng và nhắc tới số phận hẩm hiu đương chờ chúng. Ông nhắc lại thêm để chúng biết rằng tuy được vị chúa đảo khoan hồng nhưng nếu bị giải về nước Anh thì cũng khó thoát được cái giá treo cổ. Sau đó, ông ta nói thêm:

- Tuy nhiên, nếu các anh hứa sẽ hết lòng hết dạ giúp tôi trong một việc rất chính đáng là chiếm

lại chiếc tàu thì vị chúa đảo sẽ bảo đảm cho các anh thoát tội chết.

Điều kiện đó quả đã có ảnh hưởng lớn đến bọn tù tội kia. Chúng đồng thanh hết lời hứa hẹn sẽ vì ông mà đổ đến giọt máu cuối cùng, sẽ theo ông đi suốt chân trời góc biển, sẽ không bao giờ dám phản bội ông, sẽ coi ông như bậc cha mẹ để tạ ơn cứu sống. Ông ta bèn bảo chúng:

- Vậy thì được! Tôi sẽ vì các anh mà lên trình bày với vị chúa đảo những lời hứa hẹn của các anh. Tôi cũng sẽ cố hết sức kêu nài vị chúa đảo rủ lòng thương mà khoan thứ cho các anh.

Ông ta quay trở lại nói cho tôi biết kết quả câu chuyện và tỏ ý cũng có thể tin được ở lòng thành khẩn của chúng.

Tuy nhiên, để đề phòng mọi sự bất trắc có thể xảy ra, tôi bàn với ông hãy nói cho chúng biết rằng ông sẽ chọn năm tên đi theo giúp ông chiếm lại chiếc tàu lập công chuộc tội. Vị chúa đảo sẽ giữ lại hai tên kia cùng với ba tên tù đương giam ở lâu đài để làm con tin, bọn này sẽ tức khắc bị treo cổ nếu đồng lõa của chúng có ý phản bội.

Mệnh lệnh đó quả là nghiêm khắc, chứng tỏ vị chúa đảo không thích nói suông. Năm tên được chọn đi đều vui mừng nhận điều kiện đó; mấy tên bị tạm

thời giữ lại cũng không tỏ ý phàn nàn. Viên thuyền trưởng lại khuyến khích chúng tìm con đường ngay thẳng mà đi nên chúng lại càng vững dạ.

Lực lượng chúng tôi lúc đó như sau:

1. Ông thuyền trưởng, viên thuyền phó và người hành khách cùng đi.

2. Hai tên tù bị bắt trong cuộc xô xát đầu tiên. Được ông thuyền trưởng bảo lãnh, tôi đã cho chúng được tự do và giao súng.

3. Hai tên khác cũng bị bắt và bị trói giam trong trại của tôi nhưng theo yêu cầu của ông thuyền trưởng, tôi cũng vừa mới thả cho được tự do.

4. Năm tên tù vừa mới được thả sau cùng.

Tính rõ như vậy thì có mười hai người tất cả, không kể năm tên làm con tin.

Đó là tất cả lực lượng mà viên thuyền trưởng có thể dùng để tìm cách chiếm lại chiếc tàu. Về phần tôi và Thứ Sáu thì chúng tôi không thể nào rời đảo, hiện nay còn giữ lại bảy tên tù binh. Chúng tôi phải giam giữ chúng cách xa nhau và phải cho chúng ăn uống.

Năm tên con tin trong động đá thì tôi thấy tốt nhất là cứ trói gô chúng lại đó; ngày hai bữa, Thứ Sáu đem cơm nước cho chúng ăn uống. Còn hai tên kia, tôi sai chúng bưng thức ăn tới một nơi nào đó

giao cho Thứ Sáu.

Tôi cùng đi với viên thuyền trưởng đến gặp bọn này. Ông ta giới thiệu cho chúng biết tôi là người được vị chúa đảo cử đến để xem xét thái độ chúng. Nhất thiết chúng không được đi đâu nếu không được tôi cho phép; trái lệnh sẽ bị bắt giam và bị cùm. Tôi đã đóng vai trò này rất khéo và làm tăng uy tín của chúa đảo lên nhiều lắm.

Phân công xong xuôi, viên thuyền trưởng cho hạ thủy hai chiếc xuồng và chuẩn bị mọi thứ cần thiết. Ông giao cho người bạn của ông điều khiển một chiếc xuồng với một toán bốn người. Ông ta cùng viên thuyền phó thân hành chỉ huy chiếc xuồng kia cùng bốn người còn lại. Đạo quân của ông sẽ là lực lượng chính đánh vào phía trước, còn toán quân kia sẽ vòng qua phía kia đánh bất ngờ, hai bên sẽ phối hợp thật chặt chẽ.

Vào quãng nửa đêm, tư lệnh thuyền trưởng cho xuất quân.

Tới gần chiếc tàu, viên thuyền trưởng bảo Rốpxơn gọi những tên trên tàu và nói cho chúng biết là đã đưa được chiếc xuồng thứ nhất cùng anh em trên đó trở về, sở dĩ chậm trễ là vì phải tìm họ lâu quá. Rốpxơn kể con cà con kê cốt để lôi cuốn bọn trên tàu vào câu chuyện đó cho tới khi chiếc xuồng tới

sát cạnh tàu. Viên thuyền trưởng cùng viên thuyền phó trèo lên tàu trước nhất và dùng báng súng quật ngã hai tên địch đúng là hai tên khá lợi hại trong bọn chủ mưu. Quân địch không kịp trở tay nên chỉ một loáng, toán quân của viên thuyền trưởng đã chiếm được tất cả sàn tàu. Họ đóng hết những cửa sàn lại để chặn không cho bọn ở dưới khoang trèo lên cứu ứng. Vừa lúc đó, toán quân ở xuồng thứ nhì cũng lên được phía mũi tàu, quét sạch sàn trước, kiểm soát cửa tàu thông với buồng gã đầu bếp và cầm tù luôn trong đó ba tên địch.

Sau khi làm chủ toàn bộ tầng trên, viên thuyền trưởng giao cho viên thuyền phó đem theo ba người xuống phá cửa buồng tên tổng chỉ huy bọn khởi loạn. Thấy biến, tên này vùng dậy, chộp luôn lấy súng, cùng với ba tên thủy thủ khác sửa soạn kháng cự. Viên thuyền phó lấy một thanh sắt phá được cửa buồng của chúng rồi cả mấy người cùng ập vào. Bọn địch bắn vào họ làm viên thuyền phó bị gãy cánh tay và hai người khác bị thương nhẹ. Mặc dầu bị thương, viên thuyền phó vẫn kịp thời dùng súng ngắn bắn vỡ sọ tên chỉ huy địch; viên đạn chui vào miệng hắn rồi xuyên ra sau tai. Thấy chỉ huy của chúng nằm chết thẳng cẳng, bọn kia đành phải xin hàng. Cuộc chiến đấu chấm dứt và viên thuyền

trưởng giành lại được chiếc tàu không bị thiệt hại gì thêm nữa. Ông ta cho bắn bảy phát đại bác để báo tin thắng trận về đảo; đó là dấu hiệu chúng tôi đã dặn nhau từ trước.

Tôi đứng trên bờ chờ đợi từ khi hai chiếc xuồng ra đi cho đến lúc bấy giờ là hai giờ sáng. Các bạn cũng đoán được là nghe mấy tiếng súng ấy, tôi hả hê biết chừng nào! Tôi trở về nằm vật ra giường đánh một giấc thật ngon lành sau một ngày và gần một đêm tinh thần và thể chất mệt nhọc hết sức.

Một tiếng đại bác thức tôi tỉnh dậy. Vừa mở mắt, tôi đã nghe tiếng gọi tên tôi với danh vị "chúa đảo". Tôi nhận ra ngay tiếng viên thuyền trưởng đương đứng chờ tôi trên đỉnh núi sau nhà. Tôi vừa trèo lên thì ông ta đã âu yếm ôm lấy tôi và chỉ tay ra phía chiếc tàu, ông nói:

- Bạn thân mến và ân nhân của tôi ơi! Chiếc tàu của ông đã về đấy! Nó thuộc quyền ông cũng như tất cả anh em chúng tôi và đồng thời tất cả tài sản của chúng tôi đều do ông định đoạt.

Tôi quay nhìn ra phía biển khơi và thấy rõ ràng chiếc tàu bỏ neo cách bờ chừng một phần tư dặm đường. Sau khi chiếm lại được tàu, viên thuyền trưởng đã cho kéo buồm lên và nhân được gió, ông đưa chiếc tàu vào tận cửa vịnh gần chỗ tôi

ở. Vừa dịp nước triều lên, ông đi xuống, vào ghé ngay trước ngõ nhà tôi.

Nhất định phen này tôi thoát khỏi hòn đảo. Cuộc sống ở đây dù càng ngày càng được nâng cao lên bao nhiêu nữa cũng không thể làm giảm mơ ước được trở về Tổ Quốc thân yêu, gặp mặt gia đình sau gần ba mươi năm xa cách. Điều kiện thuận lợi lắm rồi! Một chiếc tàu rất tốt sẵn sàng chở tôi đến bất cứ nơi nào tôi muốn. Hạnh phúc đến thật bất ngờ; tôi vui mừng quá đỗi, đứng lặng đi một lúc không nói ra lời. Nếu không có viên thuyền trưởng đương ôm lấy tôi thì có lẽ tôi đã ngã ngất đi được.

Thấy vậy, viên thuyền trưởng đưa cho tôi một cốc nước ngọt mà ông đã đem theo sẵn. Uống nước ngọt xong, tôi ngồi phịch xuống đất và tỉnh lại dần. Nhưng cũng phải một lúc lâu sau tôi mới nói chuyện với ông ta được.

Viên thuyền trưởng cũng sung sướng không kém gì tôi, nhưng ông ta vẫn giữ được bình tĩnh. Ông thân mật nói hết chuyện này đến chuyện khác, luôn luôn tỏ lòng biết ơn tôi, dần dần làm cho tôi cũng tỉnh được cơn mê hoảng vì sung sướng. Tôi khóc nức nở một lúc rồi mới nói lên được thành tiếng. Bây giờ lại đến lượt tôi ôm lấy ông, coi ông là người đến giải thoát cho mình. Tôi nói với ông là số mệnh

cả hai chúng tôi hình như đã gắn bó với nhau từ bao giờ và như thế quả là may mắn cho tôi hết sức. Tôi đã chịu đựng biết bao nhiêu gian lao khổ ải trên hòn đảo hoang vắng này. Với một lòng tin tưởng không bờ bến vào ngày được giải thoát, tôi đã vượt qua tất cả những gian lao khổ ải ấy, và ngày nay quả nhiên tôi sắp được thoát khỏi nơi giam cầm để trở về Tổ Quốc thân yêu.

Thấy tôi đã trở lại bình thường, viên thuyền trưởng cho đưa quà lên biếu tôi. Quà biếu gồm nhiều thứ quý giá và rất hợp với ý tôi: nào rượu các loại, thịt, đường, rồi nào bột, thuốc lá...; nhưng đúng lúc nhất và tôi thích nhất là mấy bộ áo quần rất tốt và đầy đủ cả giày, mũ, bao tay, bít tất, xứng đáng với một vị chúa đảo.

Bây giờ chúng tôi phải lo giải quyết cho bọn tù. Tất nhiên chúng tôi không thể cho chúng cùng xuống tàu được, nhưng cũng phải thu xếp cho chúng một đời sống chắc chắn. Tôi bảo Thứ Sáu đem hai tên con tin vừa mới được trả lại tự do và năm tên bị trói giam ở hang đá về trại, giữ chúng lại đó để chờ tôi đến.

Tôi cùng đi với viên thuyền trưởng đến gặp chúng. Lần này, thì đích danh chúa đảo là tôi. Một tên thay mặt cả bọn trình bày với chúng tôi rằng bọn chúng

chẳng dám kêu nài gì cả, nhưng viên thuyền trưởng đã hứa sẽ tha chết cho chúng nên bây giờ chúng xin được khoan thứ. Tôi bảo cho chúng biết bây giờ tôi chẳng biết lấy gì mà ra ơn cho chúng bởi vì tôi đã nhận được lệnh từ giã đảo này cùng với thuộc hạ lên tàu trở về nước Anh. Về phía viên thuyền trưởng thì ông ta chỉ biết trói chúng lại giải về nước Anh giao cho tòa án xét xử và tất nhiên chúng không sao thoát khỏi giá treo cổ. Như vậy theo tôi thì không có cách nào hơn là chúng phải ở lại trên đảo này mà sinh sống. Sau này nếu chúng tỏ ra biết thực lòng hối cải và tự gây dựng lấy một cuộc sống cần cù và lương thiện ở đây thì sẽ có hy vọng được tha thứ.

Chúng cảm ơn tôi rối rít và nhận ngay điều kiện tôi vừa đưa ra. Chúng tỏ ý thà rằng được ở lại đây còn hơn là chạy theo số phận đương chờ chúng ở nước Anh. Nhưng viên thuyền trưởng giả vờ không đồng ý và cứ khăng khăng một mực không dám tán thành cách giải quyết đó. Tôi bèn làm ra bộ không bằng lòng và nói thẳng với ông rằng chúng là tù của tôi chứ không phải của ông ta. Tôi đã hứa sẽ tha chết cho chúng thì tôi có bổn phận phải giữ lời hứa với chúng; mọi việc xảy ra sau này với tòa án bên nước Anh thì tôi sẽ chịu trách nhiệm. Nếu ông

vẫn còn muốn kỳ kèo lôi thôi thì tôi sẽ thả chúng ra như trước, rồi mời ông cứ việc đuổi theo mà bắt chúng lại nếu ông muốn. Nói thế và tôi làm ngay. Tôi ra lệnh cởi trói cho chúng rồi bảo chúng đi ngay vào rừng. Tôi hứa sẽ để lại cho chúng súng ống, thuốc đạn và những lời chỉ dẫn cần thiết để giúp chúng có thể sống được tương đối đầy đủ ngay từ lúc đầu nếu chúng làm theo những lời chỉ dẫn đó. Tôi không lo ngại cho đời sống của chúng, vì như các bạn đã biết, trên đảo này chúng tôi đã chuẩn bị chu đáo một cuộc sống lâu dài và có tổ chức. Tuy vậy, tôi cũng sẽ cố gắng để lại thêm cho chúng thật đầy đủ lương thực và đồ dùng.

Tôi ngỏ ý với viên thuyền trưởng là tôi còn muốn ở lại trên đảo tối hôm đó nữa để chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho cuộc hành trình. Tôi yêu cầu ông ta cứ trở về tàu sắp xếp mọi việc đâu vào đó, sáng hôm sau sẽ cho một chiếc xuồng nhỏ vào bờ đón tôi và Thứ Sáu.

Sau khi từ giã viên thuyền trưởng, tôi cho gọi bọn tù lại nhà tôi ở và nghiêm trang nói chuyện với chúng về tình cảnh của chúng. Tôi khen chúng đã khôn ngoan biết chọn con đường sống và hứa sẽ đối xử rất tốt với chúng trước khi ra đi. Biết chắc chắn là chúng đã nhất quyết ở lại - mà thực ra không

còn con đường nào khác - tôi bèn bày bảo cho chúng hiểu rõ tất cả chi tiết về đảo này, cách trồng thóc lúa, cách phơi nho, cách làm bánh ... Nói tóm lại, tôi hướng dẫn cho chúng tất cả những điều có thể giúp chúng sống khá thoải mái và đầy đủ.

Tôi giao lại cho chúng tất cả khí giới của tôi gồm một số súng hỏa mai; ba khẩu súng săn và ba thanh gươm. Tôi vốn tiết kiệm nên vẫn còn dành được hơn một thùng thuốc súng, bây giờ cũng để lại cả cho chúng. Tôi bày cho chúng cách chăn nuôi đàn dê, cách vỗ cho dê béo, cách vắt sữa và làm bơ với phó mát.

Sau hết, tôi còn hứa với chúng sẽ điều đình với viên thuyền trưởng để lại thêm cho chúng một số thuốc súng kha khá và một ít hạt giống các thứ rau để trồng, trong hoàn cảnh như chúng mà được những hạt giống rau như thế thì phải biết là quý. Tôi lại cho chúng luôn cả một bì đầy hạt đậu mà viên thuyền trưởng vừa mới biếu tôi, nếu chúng biết chăm nom trồng tỉa cẩn thận thì sẽ hái được nhiều hạt vô kể. Cuối cùng, tôi còn hẹn với chúng nếu có hoàn cảnh thì sẽ kiếm một chiếc tàu đưa sang đây tìm chúng. (Việc này về sau tôi cũng thực hiện được. Nhưng vì đã gây dựng cơ nghiệp ở đây nên chẳng ai xin về nước).

Tôi cũng không quên nói cho chúng biết câu chuyện những người bạn Tây Ban Nha, ít lâu nữa họ cũng sẽ đến đây sinh sống. Tôi giao cho chúng một bức thư gửi cho họ và dặn đi dặn lại chúng phải ăn ở rất tốt với những người này. Tôi giới thiệu với chúng là ông bạn Tây Ban Nha của tôi trước kia đã ở đây sẽ thay tôi cai quản đảo này. Khí giới, đồ dùng, lương thực sẽ giao lại cho ông ấy đầy đủ và sẽ do ông phân phối sau, theo như tôi đã dặn trong thư. Đặc biệt thái độ của chúng đối với ông sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc xét tha thứ cho chúng sau này. Chúng nhất nhất vâng lời ông.

Thực ra, đối với tôi, để các bạn Tây Ban Nha ở lại đây là một việc bất đắc dĩ. Tôi đã bàn đi bàn lại nhiều với ông thuyền trưởng nhưng hiện tình trên tàu sau cuộc khởi loạn không thể cho phép ông lưu lại đây lâu nữa. Ông ta hứa với tôi trong những chuyến đi sau này, nếu thuận đường sẽ tìm cách ghé vào đây liên lạc với họ.

ĐOẠN KẾT

Ngày hôm sau, tôi từ giã bọn tù ở lại và lên xuồng ra tàu. Nhưng suốt hai hôm liền bị trái gió, chúng tôi chưa kéo buồm lên được. Trước khi nhổ neo, trên tàu cho một chiếc xuồng vào bờ đem theo lương thực đã hứa để lại cho những kẻ "bị đày". Thêm vào đó, theo yêu cầu của tôi, còn có cả những hòm quần áo và đồ dùng riêng của chúng nữa. Chúng rất cảm ơn khi nhận được những thứ đó. Chiếc xuồng quay trở lại. Tàu nhổ neo kéo buồm lên đường.

Từ giã đảo, tôi đem theo làm kỷ niệm một chiếc mũ lớn bằng da dê, chiếc dù và con vẹt của tôi. Tôi cũng không quên những số tiền trước kia đã lấy được trên tàu đắm. Cái đống tiền ấy đã bị bỏ quên và vùi lấp đi bao lâu nay, bây giờ han gỉ cả, phải đánh sạch sẽ lại mới tiêu dùng được.

Tôi rời bỏ hòn đảo, lên đường về Tổ Quốc cùng Thứ Sáu trung thành của tôi vào ngày 18 tháng 12 năm 1686 theo lịch trên tàu, sau hai mươi tám

năm hai tháng và mười chín ngày lưu lạc trên đảo vắng. Ngày giải thoát khỏi cuộc đời cô đơn cũng lại đúng là hôm kỷ niệm ngày tôi thoát khỏi Xalê trên chiếc thuyền cướp được của tên cướp biển Thổ Nhĩ Kỳ.

Cuộc hành trình lần này thật là thuận buồm xuôi gió. Tôi đặt chân lên nước Anh, Tổ Quốc thân yêu của tôi vào ngày 11 tháng 6 năm 1687, sau khi xa đất nước ba mươi lăm năm trời.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
Điện thoại: 8.294 684 - 8.294 685
Fax: 04 8 294 781

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU
Chịu trách nhiệm bản thảo
NGUYỄN CỪ
Biên tập:
NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG
Trình bày bìa:
TRẦN ĐẠI THẮNG
Trình bày:
NHÀ SÁCH MINH THẮNG
Sửa bản in:
MẠNH TRƯỜNG

Đanien Đêphô

Rôbinxơn Cruxô

Nhà sách Minh Thắng
1048 ĐƯỜNG LÁNG - ĐT: 04.7663490

0190 95